

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Đi ngay vào
hiện đại

Tr. 03

Biết
lắng nghe

Tr. 29

Đạo Phật

và sự phát triển bền vững

Tr. 37



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

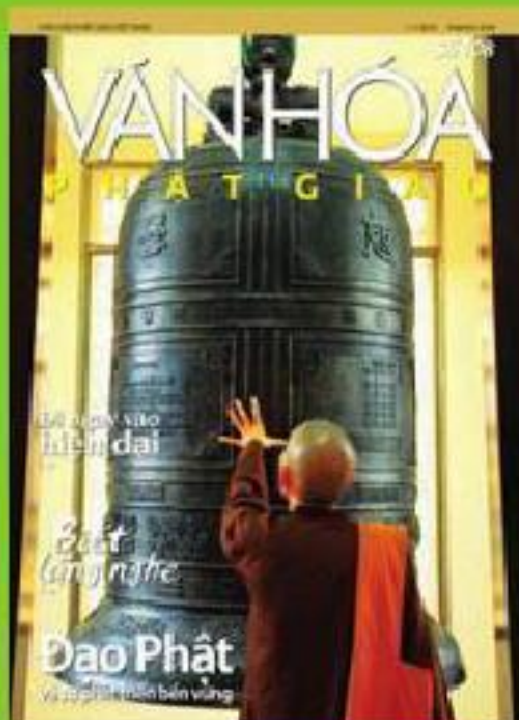
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Đi ngay vào hiện đại (Nguyễn Văn Nhật)	3
Sương mai	6
Ưu-bà-cúc-đa trong thơ của Rabindranath Tagore (Hoang Phong)	7
Nhà xuất bản Tinh Hoa Huế trong lòng người yêu nhạc (Nguyễn Phúc)	9
Nhà xuất bản Tinh Hoa ở Huế và nền tân nhạc Việt Nam buổi đầu (Bửu Ý)	11
Như hoa Kovilara (Hồng Nhiên)	14
Tìm hiểu Phật tánh theo kinh, luận (Nguyễn Thế Đăng)	17
Niệm Phật là trở về bản thể chính mình (Nguyễn Xuân Chiến)	20
Trên đỉnh Tùng Sơn (Nhật Thuận)	24
Vai trò nữ giới trong cuộc vận động "Sống đơn giản, bảo vệ môi trường" (Thích Nữ Tịnh Nguyên)	26
Biết lắng nghe (Nguyễn Hữu Đức)	29
Học nghe, học nói (Cao Huy Hóa)	32
Chuyện kẻ làm hại vườn (Tấn Nghĩa)	35
Đạo Phật và sự phát triển bền vững (Kim Allen, Lâm Hạnh Nhiên dịch)	37
Những ngôi chùa trên huyện đảo Trường Sa (Trần Thị)	40
Qua sông (Huỳnh Kim)	42
Nói thật cho rồi (Nguyễn Trọng Hoat)	43
Phiên chợ vùng cao (Trần Văn Hạc)	44
Mái nhà (Vĩnh Hiến)	46
Vời vơi xanh (Trần Hữu Lục)	48
Ngày xưa có thấy giáo làng (Huỳnh Kim Bửu)	50
15 ngày	52
Thơ	53
Xao xác quạ kêu (Trần Thị Linh Chi)	55
Những cánh bướm (Roser Dean Kiser)	57
Người Phật tử ấy... (Lam Khê)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Cháo khoai mài (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Âm thanh diệt trừ phiền não . Ảnh: Ngô Thúy Hồng

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Nhân dịp kỷ niệm ngày Báo chí Việt Nam 21-6, những ngày vừa qua, Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được nhiều điện, thư thăm hỏi và chúc mừng. Đặc biệt, có những độc giả đã chia sẻ rất chân thành về những lời trân tình được đăng tải trên Văn Hóa Phật Giáo số 106, cho rằng vì VHPG vẫn lộn ngược dòng trong một xã hội cổ võ tiêu thụ nên chỉ những người đọc kén chọn mới tìm đến với VHPG. Trước những biểu hiện tình cảm nồng hậu đó, một mặt, nhóm chủ trương VHPG tự hào có mặt trong tập thể những người làm báo Việt Nam; mặt khác, chúng tôi cảm nhận được trách nhiệm nặng nề của mình đối với con đường đã chọn, con đường đã nhận được sự đồng tình của không ít những người có cùng mong muốn như của chúng tôi là đóng góp vào việc bảo vệ và phát huy văn hóa Phật giáo, văn hóa dân tộc, làm nền tảng cho việc xây dựng một xã hội hiền thiện. Quả thật, chúng tôi cũng biết VHPG đang đi trên một con đường khá chông gai, nhưng vẫn vững tin rằng thành tâm và thiện chí của chúng tôi sẽ lay động được tâm thức cộng đồng để ngày càng có thêm nhiều người góp sức với chúng tôi khai quang và mở rộng con đường chung ấy.

Vừa qua, được biết trong các hoạt động hưởng ứng Festival Huế 2010, Tạp chí Sông Hương ở Huế có hợp tác với Hội Âm nhạc Thừa Thiên-Huế và Nhà Văn hóa Huế tổ chức một buổi sinh hoạt nhằm tôn vinh Nhà xuất bản Tinh Hoa, một cơ sở tư nhân chuyên ấn hành các nhạc phẩm rời có giá trị, hoạt động từ giữa thập niên 1940 ở Huế. Nhận thấy đây là một sinh hoạt rất có ý nghĩa hướng đến chào mừng Ngàn năm Thăng Long-Hà Nội, VHPG đã nhờ các cộng tác viên tại Huế viết bài về sự kiện này. Lẽ ra, các bài viết phải xuất hiện ngay khi sinh hoạt ấy diễn ra. Rất tiếc, do một vài trở ngại về thời điểm hoàn tất việc biên tập, VHPG số 107 phát hành ngày 15-6-2010 đã không kịp đưa bài. Chính vì thế, chúng tôi xin được dành 5 trang in của số báo này cho sự kiện văn hóa đặc thù ấy. Festival Huế 2010 đã khép lại trong những lời khen và không thiếu sự chỉ trích; tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận thành ý của những nhà làm văn hóa chân chính.

Văn Hóa Phật Giáo số 108 cũng xin giới thiệu bài viết của Ni trưởng Thích nữ Tịnh Nguyễn bàn về vai trò của nữ giới trong một số vấn đề liên quan đến đời sống thế tục. Lâu nay, góp mặt trên VHPG không thiếu những cây bút nữ, nhưng những vấn đề được đề cập thường đi sâu vào lãnh vực tâm linh. Chúng tôi hy vọng đây là một sự gợi mở để ngày càng có nhiều bài viết nói về hoạt động của nữ giới trong lãnh vực xây dựng một xã hội hiền thiện với tất cả những màu sắc đa dạng của cuộc sống.

Sau cùng, chúng tôi chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Đi ngay vào hiện đại

NGUYỄN VĂN NHẬT

1. Hiện đại vốn là từ ghép Hán-Việt. *Hiện* (現) nghĩa là có ở trước mắt và *đại* (代) là đời. Đời là khoảng thời gian từ khi một con người sinh ra đến lúc con người ấy chết đi. Mở rộng ra, đời còn là thời gian từ lúc một triều đại được sáng lập cho đến khi triều đại ấy bị tiêu vong, trong trường hợp ta nói tới đời Tống, đời Thanh hay đời nhà Nguyễn, đời Hậu Lê...

Hán-Việt từ điển của Đào Duy Anh giải thích *hiện đại* (現代) là thời đại hiện nay và chưa thêm tiếng Pháp *période contemporaine*. Như vậy, *hiện đại* chính là đời nay, khác với đời xưa. Nói khác đi, *hiện đại* chính là đời mà ta đang sống.

2. Xét về mặt nhận thức, đời mà ta đang sống là tất cả những gì diễn ra chung quanh ta trong phạm vi ta nhận biết được từ lúc ta có nhận thức đến lúc ta từ giả cõi đời. Vì ta là một sinh vật có khả năng di chuyển, do đó phạm vi nhận biết được của ta trong không gian là rất

lớn. Ta cũng có thể nhận biết những sự kiện được người đi trước truyền lại; và dựa trên những điều đang diễn ra, ta có thể dự đoán được những việc sẽ xảy ra trong tương lai; do vậy, phạm vi nhận biết của ta trong thời gian cũng vô cùng. Đối với một cá nhân, khái niệm *hiện đại* đã chứa đựng một nội hàm vô hạn. Trong một cộng đồng, các cuộc đời của những cá nhân chồng lên nhau về thời gian và đan xen vào nhau về không gian; do vậy, khái niệm *hiện đại* đối với một cộng đồng thực ra chứa đựng những sự kiện chấp chồng chiếu rọi cho nhau, không có giới hạn về thời gian và vô tận về không gian. Ở đây, ta có thể mượn tượng hình ảnh của vũ trụ Hoa Nghiêm trong tư tưởng nhà Phật.

3. Tuy nhiên, xét về mặt lịch sử, nhất là về phương diện xã hội và tổ chức xã hội, đời nay chắc chắn có những điều khác với đời xưa. Kế thừa, tiếp thu, và phát huy những kiến thức của con người thuộc các đời

trước, con người đời nay cố gắng xây dựng xã hội của họ ngày một văn minh hơn, tiện nghi hơn, mang lại cho họ nhiều thỏa mãn hơn. Vì chữ *đại* (代) trong *hiện đại* còn có nghĩa là *đổi*, là *thay*; ở đây ta thấy *hiện đại* còn có thể được hiểu là những sự thay đổi đang có ở trước mắt. Hoặc có thể nói *hiện đại* là những sự thay đổi đang có ở trước mắt những con người đang sống. Về một phương diện, những thay đổi đó là những thay đổi ngày một tốt hơn. Nhưng ở một phương diện khác, cũng có những thay đổi ngày một xấu đi. Con người tất nhiên luôn luôn mong muốn có những thay đổi ngày một tốt hơn. Tuy nhiên, nhận thức của con người trong cộng đồng mỗi người mỗi khác, chưa nói tới nghiệp lực luôn luôn tác động vào nhận thức của từng cá nhân; trong khi đó, những thay đổi diễn ra cho một cộng đồng đòi hỏi phải có sự hợp tác của cả cộng đồng; vì thế, *hiện đại* không phải lúc nào cũng có tính tích cực nếu không được điều hướng bởi những nhận thức đúng tốt.

4. Hiện đại hóa lại là một vấn đề khác. Hiện đại hóa là một khái niệm mà người phương Tây đã áp đặt cho nhân loại trên địa cầu này. Dẫn xuất từ việc phân kỳ lịch sử của thế giới phương Tây, khi các nhà sử học phương Tây cho rằng nền văn minh phương Tây có một bước ngoặt lớn vào cuối thế kỷ thứ XVI, thời điểm diễn ra những thay đổi lớn lao của xã hội phương Tây vốn ngủ yên suốt mấy trăm năm dưới sự thống trị của một hệ tư tưởng độc thần, bắt đầu từ việc tiêu vong hoàn toàn của đế quốc La Mã, đến các việc như “phát kiến (!)” châu Mỹ, cuộc cải cách tôn giáo của phong trào Thệ Phản, và cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Anh quốc, họ đã gọi giai đoạn lịch sử từ thế kỷ XV trở đi là lịch sử hiện đại để rồi ngày nay chúng ta có những thuật ngữ lịch sử như hiện đại, tiền hiện đại và hậu hiện đại. Cho rằng hiện đại tượng trưng cho sự tiến bộ của con người trong việc khắc phục thiên nhiên, buộc thiên nhiên phục vụ cho hạnh phúc loài người, các nhà tư tưởng phương Tây đưa ra quan điểm *hiện đại hóa* bao gồm việc *công nghiệp hóa* các hoạt động sản xuất, *đô thị hóa* việc xây dựng đời sống cộng đồng, và *hợp lý hóa* mọi hoạt động của con người.

5. Do tư chất hướng ngoại, lại bị áp chế một cách khắc nghiệt bởi tư tưởng độc thần với những tín điều phi luận lý đã giành được quyền lực hàng ngàn năm ở châu Âu, người phương Tây đã phải vùng vẫy quyết liệt để thoát ra khỏi nền cai trị hà khắc của giáo quyền và nhờ thế mà họ đã đi tiên phong trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Thắng lợi đó khiến họ có một niềm tin ngây thơ vào sức mạnh vạn năng của khoa học cơ giới. Quả thật, nhờ tiến bộ trước về khoa học cơ giới, họ đã có khả năng thống trị toàn thể nhân loại. Hệ tư tưởng độc thần phương Tây vốn hướng thụ quyền lực thống trị thế giới phương Tây, đã ranh mãnh bắt tay với khoa

học cơ giới gieo rắc tư tưởng độc thần ở tất cả những nơi mà người phương Tây đến chiếm làm thuộc địa.

6. Các dân tộc ngoài phương Tây khi ấy đang còn chìm đắm trong sự lạc hậu, đành chịu khuất phục trước sức mạnh của khoa học cơ giới và phần nào đánh mất nhận thức cổ truyền trước hệ tư tưởng độc thần. Thời kỳ thực dân địa kéo dài vài trăm năm đã giúp cho các nước phương Tây xây dựng nhiều đế quốc hùng mạnh. Nhưng chính sách thực dân chỉ nhằm đến việc khai thác thuộc địa một cách tàn bạo để củng cố quyền lực riêng từng đế quốc đã dẫn đến những phản động lực và những tranh chấp gay gắt giữa các đế quốc. Các cuộc chiến tranh thế giới đã tạo điều kiện cho những dân tộc bị đô hộ vùng dậy giành lại quyền tự chủ. Sau một thời kỳ bị khai thác đến cạn kiệt, các quốc gia mới độc lập không đủ sức lực và kiên trì vạch cho mình một hướng đi riêng dựa trên các nhận thức truyền thống, vội thấy chỉ có một con đường duy nhất để đạt tới văn minh tiến bộ là phải học theo phương Tây. Các lý thuyết *hiện đại hóa* theo kiểu phương Tây nở rộ và tìm được đất sống ở các nước nay được gọi là thế giới thứ ba.

7. Người ta không thể phủ nhận một thực tại là nền văn minh phương Tây vẫn thống trị nhân loại với tất cả những hệ lụy của nó. Trên tất cả mọi phương diện, từ văn hóa, chính trị, xã hội, giáo dục, y tế, binh bị, đến giao thông, truyền thông, kinh tế, tài chính, thương mại, ngân hàng... và cả giải trí nữa, loài người vẫn phải bị động đối phó với những vận dụng của thế giới phương Tây. Hệ lụy thấy rõ nhất của sự thống trị nói trên thể hiện ở sự tha hóa của loài người về lối sống. Hầu như tất cả mọi người đều lao vào tìm kiếm sự thỏa mãn về vật chất. Chủ nghĩa tiêu thụ được xiển dương hết mức. Lối sống xa hoa trước đây chỉ thấy ở giới hoàng thân quốc thích nay được phổ biến đến tận hang cùng ngõ hẻm, chỉ để tạo cơ hội cho những kẻ đã nắm được phương tiện và kỹ năng tiếp tục làm giàu trong việc cung cấp các dịch vụ xa xỉ để bóc lột giới bình dân tới đồng xu cuối cùng khi họ bị mơn trớn rằng như thế là họ đã được tham dự vào đời sống thượng lưu, từ đó tiếp tục quyền lực của giới thống trị. Đó chính là ý nghĩa đích thực của việc khai thác mọi hình thức giải trí do những tập đoàn công nghệ giải trí lớn trên thế giới đang triển khai. Đó cũng chính là ý nghĩa của việc người dân thế giới được khuyến khích sử dụng tiếng Anh làm phương tiện giao tiếp trong một xã hội toàn cầu hóa. Những mỹ từ “nghiên cứu phương pháp dạy và học một ngôn ngữ thứ hai” thật ra chỉ là để tăng số người nói tiếng Anh nhằm phục vụ cho một kế hoạch Âu-Mỹ hóa.

8. Tuy nhiên, cũng chính khoa học kỹ thuật phương Tây sẽ là phương tiện để các dân tộc thuộc thế giới thứ ba thoát ra khỏi ách thống trị phương Tây. Thật vậy, khi cuộc sống con người đã quá lệ thuộc vào khoa học công nghệ như hiện nay, chỉ có cách làm



chủ được khoa học công nghệ mới có thể giúp một dân tộc nào đó từng bước ngăn chặn được sự xâm lăng vô hình của văn minh Âu-Mỹ. Và con đường mà dân tộc ấy phải theo chính là con đường *hiện đại hóa*. Tuy nhiên, họ cần phải hiện đại hóa một cách có chọn lọc. Trong quá trình hiện đại hóa, họ phải trút hết xây dựng một nền tảng tư duy hiện đại có sự kết hợp với tư tưởng truyền thống của dân tộc họ. Lịch sử cho chúng ta thấy người Nhật, người Đại Hàn, người Thổ Nhĩ Kỳ... phần nào đã thành công khi áp dụng hiện đại hóa có chọn lọc như vậy. Từng bước, các quốc gia đó đã thật sự giành được một tư thế độc lập trước sự tấn công học thuật của phương Tây. Đây chính là việc *lấy gậy ông đập lưng ông* mà các dân tộc nói trên đã sử dụng có hiệu quả.

9. Việt Nam tất nhiên cũng phải tiến hành hiện đại hóa. Người ta đã chỉ ra rằng những quốc gia tiến hành hiện đại hóa sau có lợi thế là sẽ rút tía được kinh nghiệm từ những thất bại của các quốc gia tiến hành hiện đại hóa trước. Như vậy, những khắc khoải *muốn đi ngay vào hiện đại* chưa hẳn là một thái độ sáng suốt. Phải thấy rằng bất kỳ lúc nào chúng ta đang tồn tại thì có nghĩa là chúng ta đang ở trong hiện đại. Việt Nam là một quốc gia đang tồn tại; đất nước này đang có mặt trong hiện đại, không cần phải *đi ngay vào*. Vấn đề của chúng ta là chúng ta sẽ tiến hành hiện đại hóa như thế nào. Khó khăn của chúng ta hiện nay là trong lúc đất nước tiến hành hiện đại hóa, chúng ta vẫn thiếu những con người có tư duy hiện đại. Các tư trào hiện đại chủ đạo của loài người đang hướng tới một hành tinh xanh có một nền kinh tế phát triển bền vững, tôn trọng sự đa dạng sinh học và đa dạng văn hóa, xiển dương tinh thần dân chủ, chấp nhận những khác biệt trong quan

niệm sống để tiến tới một xã hội hài hòa. Chúng ta cũng đang chứng kiến sự bén rễ và phát triển nhanh chóng của tư tưởng Phật giáo ở xã hội phương Tây; và có thể nói, chính những quan điểm Phật giáo đã tác động mạnh mẽ đến các tư trào hiện đại chủ đạo nói trên. Nếu muốn đón đầu tương lai, có lẽ người Việt nên tiến hành hiện đại hóa trên cái khung tư tưởng ấy.

10. Chúng ta vẫn biết rằng tài nguyên của loài người luôn khan hiếm trong khi tham vọng của loài người là vô cùng. Tài nguyên của nước Việt cũng không phải là vô tận. Chính vì thế mà ta cần xây dựng tư duy hiện đại trước khi tiến hành các kế hoạch hiện đại hóa về phương diện vật chất. Trong phạm vi tài nguyên hiện có, chúng ta cần chú trọng tới hiện đại hóa giáo dục trước hết. Chẳng hạn, sao cho học sinh của chúng ta khi đến trường không em nào phải nín nhịn những nhu cầu thiết yếu của việc bài tiết cũng đã đòi hỏi chúng ta phải có nhiều cố gắng. Việc tiến hành đồng bộ những cải cách thiết yếu trong lĩnh vực giáo dục chắc chắn cũng mang lại công ăn việc làm cho nhiều người. Điều đó có thể chưa mang lại tăng trưởng kinh tế với những con số ấn tượng. Nhưng sau một hai thập niên, với số lượng dồi dào những lao động có kiến thức và chuyên môn, lại có tư duy hiện đại, chắc chắn sự phát triển của chúng ta sẽ đạt những kết quả khả quan mà vẫn bảo đảm tính bền vững. Một điều thể hiện bản lĩnh thật sự của những người có tầm nhìn xa là sẵn sàng nỗ lực xây dựng cho các thế hệ đến sau một nền tảng kiến thức và tư duy hiện đại để các thế hệ đó thể hiện một tầm nhìn xa thật sự. Phải chăng chính trên tinh thần đó mà kỳ họp thứ 7 của Quốc hội khóa XII đã quyết định dành một số vấn đề có tầm nhìn xa cho những kỳ họp sau sẽ thông qua? ■

***Với người có chánh kiến,
một trong hai sanh thú được chờ đợi:
chư Thiên hay loài người.***

(Kinh Tăng Chi Bộ - Phẩm Người ngu)

Ưu-bà-cúc-đa

trong thơ của Rabindranath Tagore

HOANG PHONG

Uu-bà-cúc-đa (Upagupta) là một vị đại sư Phật giáo. Phái Bắc tông xem ông là vị Tổ thứ tư của Thiền tông Ấn-Độ, còn Nam tông thì lại xem ông là một vị La-hán. Người ta tìm thấy những tư tưởng mang tính cách thiền học rất sâu sắc của ông trong rất nhiều giai thoại ghi chép trong kinh sách, tuy nhiên, tên của ông cũng thấy xuất hiện trong các câu chuyện dân gian, kể các những tác phẩm văn chương và nghệ thuật. Dưới đây ta chọn một bài thơ của một đại văn hào, bài thơ được coi là một trong nhiều tác phẩm điển hình nói về ông, có mục đích làm một thí dụ điển hình giúp chúng ta suy tư và mở rộng một tầm nhìn về Phật giáo.

Bài thơ này được trích ra từ một tập thơ do chính Rabindranath Tagore tự tay tuyển chọn và chuyển ngữ ra tiếng Anh. Rabindranath Tagore (1861–1941), là một nhà văn, nhà soạn nhạc, soạn kịch và nhất là một thi hào có thể nói là lớn nhất của nước Ấn. Thơ của ông viết bằng tiếng mẹ đẻ là Bengali và thuộc loại thơ mới, còn gọi là thơ tự do. Ông đoạt giải Nobel Văn chương vào năm 1913. Bài thơ được lược dịch như sau:

Ưu-bà-cúc-đa

*Ưu-bà-cúc-đa, người đệ tử của Đức Phật
nằm ngủ dưới chân tường thành Mathura.
Nhà nhà đóng cửa, không một ngọn đèn đêm.
Chẳng một vì sao,
âm đậm mây đen che kín khung trời tháng tám.*

*Một người đi ngang suýt dẫm lên ngực nhà tu hành
khổ hạnh,
chiếc vòng kiềng ở cổ chân bật lên rộn rã tiếng leng keng.
Giật mình người tu hành thức giấc,
ánh sáng từ chiếc đèn dầu trên tay một người thiếu nữ,
hắt vào đôi mắt sẵn sàng tha thứ của ông.*

*Hóa ra là một vũ nữ,
trang sức trên người lấp lánh như những vì sao đêm,
Khoác chiếc áo xanh màu nhạt, ngây ngất tuổi xuân thì.
Người thiếu nữ hạ thấp chiếc đèn, bỗng trông thấy
một gương mặt thật trẻ,
nghiêm trang và thanh tú.*

Người thiếu nữ cất lời: "Thưa vị tu hành trẻ tuổi, xin thứ lỗi cho tôi"

*"Và xin được mời về nhà tôi nghỉ đêm. Mặt đất đầy bụi
bặm đâu có phải là giường"*

*Người tu hành trẻ tuổi đáp lại: "Này cô, xin cô cứ bước
theo con đường của cô,*

tôi sẽ đến thăm cô khi thời gian đã chín".

*Bất chợt một tia chớp giữa đêm đen,
chiếu sáng những chiếc răng trắng toát của người tu hành.*

Một cơn dông nổi lên găm thét một góc trời,

Người thiếu nữ rung mình cảm thấy một nỗi lo sợ vu vơ.

Thế rồi chưa đầy một năm sau.

Vào một đêm xuân, giữa những ngày tháng tư,

cây cỏ hai bên đường nở hoa,

Xa xa tiếng sáo vui tươi, lướt trong gió xuân ấm áp.



*Dân chúng kéo nhau vào rừng làm lễ hội mùa xuân.
Giữa bầu trời cao, con trăng tròn rọi xuống,
những chiếc bóng đêm trong thành phố im lìm.
Người tu hành trẻ tuổi bước đi trên con phố quanh hiu,
Trên đầu, trong những cành xoài, vài con chim gáy,
cất lên những tiếng than vãn khôn nguôi.
Bước ra khỏi cổng thành phố,
Ưu-bà-cúc-đa dừng lại ở chân bờ tường thành,
Cạnh chân ông trên mặt đất,
có một người đàn bà đang nằm,
trong bóng tối của một khóm cây xoài.
Toàn thân người thiếu phụ, bệnh đậu mùa hoành hành,
lốm đốm những vết thương lở loét.
E sợ bệnh truyền nhiễm tác hại,
người ta vội vã đem vứt người thiếu phụ ra bên ngoài
thành phố.
Người tu hành nâng đầu thiếu phụ đặt lên đầu gối mình,
Lấy nước thấm lên môi,
và lấy dầu đèn hương xoa cho người thiếu phụ.
Người thiếu phụ gượng hỏi: "Vị từ bi ơi, ngài là ai thế?"
Vị tu hành đáp lại: "Thế đó, thời gian đã chín rồi để tôi
đến thăm cô,
và tôi đang ở bên cạnh cô đây".
Trong đêm tối, một thiếu nữ trẻ đẹp suýt dẫm lên ngực
một người tu hành nằm ngủ trên mặt đất bên cạnh một
bờ tường thành. Hai người gặp nhau trong một đêm*

tối trời, người thiếu nữ trang sức lấp lánh hạ thấp ngọn đèn dầu để nhìn thấy một gương mặt thật đẹp và trang nghiêm. Nhà tu khổ hạnh tuy không đèn nhưng ngọn đuốc trí tuệ đã giúp cho ông nhìn thấy những gì sẽ xảy ra cho người thiếu nữ. Giông bão bỗng vụt nổi lên ở góc trời và một tia chớp chiếu sáng những chiếc răng của ông..., đây là những hình ảnh tượng trưng cho những điều tiên đoán không tốt lành đối với tương lai của người thiếu nữ. Người thiếu nữ run sợ và cảm thấy lo âu.

Thi hào Rabindranath Tagore không mượn lại bất cứ một diễn biến nào trong câu chuyện cổ tích mà ông chỉ tạo ra cho bài thơ của ông những hình ảnh thật mạnh và thật tương phản để diễn tả. Một đêm đen giông bão tượng trưng cho vô minh, tương phản với một đêm trắng sáng giữa mùa xuân tượng trưng cho giác ngộ. Hình ảnh một vũ nữ lộng lẫy hạ thấp một ngọn đèn, trên người thì nữ trang *lấp lánh* như những vì sao đêm, tương phản với hình ảnh một người thiếu phụ nằm trên mặt đất toàn thân *lốm đốm* những mụn đen lở loét của bệnh đậu mùa... Hai cuộc gặp gỡ tượng trưng cho hai giai đoạn đối thay trong sự sống và những biến động của thời gian và đồng thời cũng đảo ngược vai trò của hai nhân vật chính trong câu chuyện. Trong lần gặp gỡ đầu tiên người thiếu nữ suýt dẫm lên ngực nhà sư, trong lần gặp gỡ thứ hai người thiếu nữ nằm trên đất bên cạnh chân của người tu hành.

Người thiếu nữ ân cần mời Ưu-bà-cúc-đa về nhà, nhưng ông lại khuyên người thiếu nữ hãy cứ bước theo con đường của mình. Mặc dù nhìn thấy những gì sẽ xảy ra sau này cho người con gái nhưng ông không thể làm gì khác hơn, vì không thể nào khuyên một người thiếu nữ tuyệt đẹp, nổi danh và giàu sang hãy từ bỏ tất cả để bước theo con đường khổ hạnh như ông. Phật giáo không ép buộc hay khuyến dụ ai cả "*khi thời gian chưa chín*" có nghĩa là khi cơ duyên chưa hội đủ.

Giữa đêm xuân rạng rỡ, một mình Ưu-bà-cúc-đa bước đi trong một thành phố quanh hiu, vì tất cả mọi người đang mải mê chạy theo những vui chơi phù phiếm. Trong hai bối cảnh thời gian và không gian chỉ có một nhà sư là không thay đổi, vẫn bước đi theo con đường của mình đã chọn. Tuy nhiên, con đường đó trong sáng như một vầng trăng tròn và ngai thành thoi như đang đi giữa một thành phố không người.

Thế rồi "*thời gian đã chín*" trong một đêm trăng sáng, tương tự như một đêm rằm mà trước kia Đức Phật đã đạt được Giác ngộ, nhưng cái thời gian đó không phải chín với ông mà với người thiếu nữ. Trong lần đầu gặp gỡ, người thiếu nữ hạ thấp ngọn đèn và nhìn thấy một gương mặt tuyệt đẹp làm rung động lòng cô, nhưng không hề nhận ra cái chiếu sâu phía sau gương mặt ấy. Trong lần gặp gỡ thứ hai thì lại thốt lên "Vị từ bi ơi, ông là ai?", một câu hỏi phảng phất sự bùng dậy của thức tỉnh và giác ngộ. Trước đây Ưu-bà-cúc-đa ngoảnh mặt đi nhưng lần này lại ngồi xuống đất bên cạnh người thiếu nữ. ■

NHÀ XUẤT BẢN TINH HOA HUẾ trong lòng người yêu nhạc

NGUYỄN PHÚC



Lời tòa soạn: Trong khuôn khổ các hoạt động hưởng ứng Festival Huế 2010, các nhà văn hóa Huế đã tổ chức một buổi sinh hoạt khá đặc biệt nhằm nhắc lại các thành tựu của một Nhà xuất bản tư nhân ở Huế hoạt động từ thời còn thuộc Pháp, Nhà xuất bản Tinh Hoa, chuyên xuất bản các nhạc phẩm được công chúng ưa chuộng dưới hình thức những nhạc bản rời, mỗi tờ chỉ trình bày một bản nhạc. VHPG xin giới thiệu hai bài viết liên quan đến sự kiện này. Bài thứ nhất là cảm nhận của một khán thính giả tham dự đêm “Gala Tinh Hoa - Sông Hương”. Bài thứ hai là một phát biểu của Giáo sư Bửu Ý, người được mời nói chuyện trong buổi sinh hoạt ấy.

1. Một hoạt động văn hóa độc đáo và có ý nghĩa sâu sắc trong Festival Huế 2010 là “Gala Tinh Hoa - Sông Hương” nhằm tôn vinh sự đóng góp của Nhà xuất bản Âm nhạc Tinh Hoa đối với nền âm nhạc Việt Nam và nền văn hóa Huế. Buổi sinh hoạt này được Hội Âm nhạc Thừa Thiên-Huế, Tạp chí Sông Hương và Nhà Văn hóa Huế đồng tổ chức vào ngày 08/6/2010 tại một thính phòng của nhà hàng Nam Châu hội quán.

Đây là một việc làm đáng trân trọng của Ban Tổ chức. Bởi lẽ tuy hầu hết các nhạc phẩm do NXB Tinh Hoa ấn hành đã được cho phép phổ biến trở lại, việc tôn vinh hoạt động xuất bản của một nhà xuất bản tư nhân trong vùng thuộc Pháp là một hiện tượng hiếm hoi trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam. Hơn thế, những bản nhạc này, có một phần đáng kể là nhạc tiền chiến, một thời đã bị coi là nhạc vàng, chứa đựng tình cảm ủy mị, tinh thần bí quan, gây tác động tiêu cực đến xã hội... Để tạo điều kiện thuận lợi cho buổi sinh hoạt này, số đặc biệt chào mừng Festival Huế 2010 của Tạp chí Sông Hương phát hành trong tháng 5/2010 đã đăng tải bài viết công phu của nhà báo Trần Bá Đại Dương có tựa đề *Nhà xuất bản Tinh Hoa - Những điều tôi biết*, giúp chúng ta thấy rõ vai trò và sự đóng góp của nhà xuất bản này trong đời sống văn hóa nghệ thuật của người Việt.

Có mặt trong buổi sinh hoạt là khoảng 200 người yêu nhạc trong đó phải kể tới phu nhân của cố Giám đốc NXB Tinh Hoa (bà Tăng Duyệt, nữ danh Huỳnh Thị Cam), nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu - người có tác phẩm là ấn phẩm đầu tiên của nhà xuất bản này, và con trai của cố nhạc sĩ Châu Kỳ, người cũng từng có tác phẩm được ấn hành tại NXB Tinh Hoa.



Ảnh: Lê Vĩnh Thái

2. Trong không khí đổi mới sau này, chúng ta đã được nghe lại tất cả các nhạc phẩm được Nhà xuất bản Tinh Hoa ấn hành hổi đố qua nhiều đĩa nhạc trong và ngoài nước hay được các ca sĩ trình bày trên các phương tiện truyền thanh truyền hình. Tuy nhiên, nhìn được mặt mũi của hơn 300 đứa con tinh thần của biết bao nhạc sĩ đàn anh tài hoa và tiên phong của nền tân nhạc Việt thì thật là một cơ hội hân hỷ. Đây chính là sự đóng góp lớn lao của Tạp chí Sông Hương qua sự tập hợp 4 bộ sưu tập của các nhà sưu tập Danh Toại, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Đình Niêm và Hà Thị Lựu.

Theo nhà báo Trần Bá Đại Dương thì trong khoảng hơn 10 năm từ 1945 đến 1956, Nhà xuất bản Tinh Hoa đã xuất bản gần 500 bản nhạc của các nhạc sĩ anh tài Việt Nam. Là người yêu nhạc, khó ai mà quên được các tác phẩm như *Đoàn giải phóng quân*, *Tuyên truyền xung phong*, *Mùa đông binh sĩ* (Phan Huỳnh Điểu), *Buồn tàn thu*, *Trương Chi* (Văn Cao), *Hòn vọng phu I, II, III* (Lê Thương), *Tiếng thu*, *Cô hái mơ*, *Thu chiến trường* (Phạm Duy), *Đêm tàn bến Ngự*, *Thuyền mơ* (Dương Thiệu Tước), *Bướm hoa*, *Đêm đông* (Nguyễn Văn Thương),... Hầu hết những nhạc sĩ tiên phong của nền tân nhạc Việt Nam đều có tác phẩm được xuất bản tại đây. Có thể nói không ngoa rằng một phần lớn tâm hồn của của những người khoảng từ tuổi 50 trở lên còn sống hiện nay đã mang nặng dấu ấn của những bài nhạc này. Họ tôn quý anh hùng tiền nhân, họ tự hào lịch sử nòi giống, họ yêu đất nước xóm làng, họ bỏ nhà đi vào chiến khu bung biển, họ nhớ thương vợ con thân thích, họ hy sinh dũng cảm cho quê hương,... tất cả tình tự dân tộc, tâm tình nhân văn đáng quý đáng trọng đó đã được các nhạc sĩ tài ba trên nói hộ.

Giờ đây, nhìn những mái tóc đã ngả màu hoa râm, đôi cái đã bạc trắng như bông cúi xuống xem lại các bản nhạc cũ kỹ đầy bụi thời gian, chúng ta mới thấy hết giá trị của âm nhạc chân chính trong lòng người. Những bản nhạc in ấn thô sơ, với nét vẽ bìa mộc mạc của họa sĩ Phi Hùng và Duy Liêm như những mảng ký ức xinh tươi đang mỉm cười với họ. Mỗi bản nhạc sẽ gợi lại cho họ một vài kỷ niệm hay có lẽ một đoạn đời mà họ đã khóc cười theo nó. Lời ca, điệu nhạc. Ôi, chúng đã đi theo suốt cả cuộc đời một người yêu nhạc nào đó để lỡ có buồn thì kẻ sĩ âm nhạc ấy có thể “ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì đâu?” như chàng Lang trong bản nhạc *Trầu cau* hay tự hỏi “có ai nhớ ai nơi giang đầu” (*Đêm tàn bến Ngự*) chăng? Hoặc có chăng một chàng công tử thành phố vừa bước lên chiến khu vừa hát “người giải phóng quân một lần ra đi, nào có sá chi đầu ngày trở về”. Thật khó mà tách những lời ca điệu nhạc đó ra khỏi trái tim của những kẻ sĩ tình âm nhạc này.

Chúng ta vẫn biết rằng *tân nhạc* hay *nhạc cải cách* đã xuất hiện ở nước ta từ năm 1928; và trước Thế chiến thứ hai, nền âm nhạc này đã bén rễ trong tâm hồn người Việt với những tên tuổi như Lê Yên, Lê Thương, Văn Chung, Dzoãn Mẫn, Thẩm Oánh, Nguyễn Xuân Khoát, Đặng Thế Phong... Cũng trong khoảng từ 1938 đến 1942, một số ca khúc kèm theo nhạc bản của các nhạc sĩ đi tiên phong trong nền tân nhạc Việt Nam đã được đăng tải trên các báo *Ngày Nay* hoặc *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*. Tuy nhiên, việc phổ biến các nhạc bản với từng tờ rời vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Sự kiện vào năm 1945, Nhà xuất bản Tinh Hoa ở Huế tổ chức in ấn chuyên biệt các nhạc bản trên những tờ giấy đôi khổ A4, mỗi tờ một bản nhạc, đã góp phần đáng kể vào việc phổ biến mạnh mẽ nền tân nhạc. Các nhạc sĩ Văn Cao, Phan Huỳnh Điểu, Tô Vũ, Trần Hoàn, Phạm Duy,

Dương Thiệu Tước, Nguyễn Văn Thương, Phạm Đình Chương, Văn Giảng, Hùng Lân,... đều gửi tác phẩm đến để được Nhà xuất bản Tinh Hoa ấn hành. Quả thật, thời ấy không có nhiều phương tiện nghe nhìn như bây giờ, thanh niên chỉ với cây đàn ghi-ta hay măng-đô-lin và tập tễnh đàn theo từng nốt nhạc. Người này truyền tập cho người kia, có khi chỉ nhờ nghe qua tiếng hát của ca sĩ được truyền đi bởi các đài phát thanh thô sơ thuở ấy, thế nên việc in ấn và phát hành những bản nhạc như thế quả đóng góp lớn lao cho sự phát triển nền tân nhạc buổi sơ khai. Lòng mến mộ nền tân nhạc cứ thế được đà sinh sôi nảy nở để sau này tiếp nối ta có được lớp nhạc sĩ đời sau cũng tài hoa không kém. Những bộ sưu tập còn lại hôm nay qua bao bão táp của thời gian và chiến tranh đã minh chứng cho giá trị của những bản nhạc đó và lòng yêu quý âm nhạc của thanh niên thời ấy. Điều đáng chú ý là nội dung của gần 500 bản nhạc đó đều rất lành mạnh, giáo dục lòng yêu quê hương dân tộc, lòng tự hào giống nòi giống họ, đề cao lối sống nhân nghĩa, thủy chung,....

3. Sau một số bản nhạc tiến chiến được trình diễn đầy sâu lắng, gần cuối buổi sinh hoạt là lời tâm tình của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu. Với mái tóc bạc như lau trắng, với giọng nói đầy cảm xúc, nhạc sĩ đã kể lại kỷ niệm được quen biết với ông Tăng Duyệt và cơ may bản nhạc *Đoàn giải phóng quân* trở thành ấn phẩm đầu tay của nhà xuất bản này. Với 800 đồng tiền nhuận bút cho tác phẩm đó, ông đã cho biết số tiền ấy đủ để ông cơm nước trong năm năm trường. Ông bùi ngùi kể lại một thời bản nhạc đó bị phê bình là bi quan khiến ông phải viết những bản nhạc khác mà trong đó người chiến sĩ giải phóng quân ra đi rồi vẫn có ngày trở về, trở về rồi lại ra đi vì nước... Quả thật, người sáng tác âm nhạc lúc đó có quá nhiều khó khăn.

Nghe câu chuyện, người viết bất chợt nhớ lại một thời “không vui” trong đời sống văn học nghệ thuật của nước ta. Những tác phẩm giá trị bị chối bỏ một thời đã được công nhận trở lại, những giải thưởng đã được trao cho những người đã một thời bị phê phán. Tuy vậy, ta không khỏi xót xa cho những oan trái mà những người văn nghệ sĩ thời ấy phải gánh chịu.

Đèn đã thấp sáng lấp loáng ở khu giới thiệu “Ấm thực ba miền” trong sân Hội quán chính là lúc Gala kết thúc. Người viết bài này ra về nhưng trong lòng vẫn nghe vang lên những giai điệu âm nhạc quen thuộc xa xưa. Có lẽ cần một công trình nghiên cứu dài hơi, công phu và thấu đáo mới đánh giá đầy đủ giá trị của nền tân nhạc thời tiên phong này và cả tác động của nó lên tâm thức thanh niên, đồng bào thời ấy. Hẳn trong đó, sự đóng góp của NXB Tinh Hoa sẽ được nhận thức toàn vẹn hơn. Xin cảm ơn ông Tăng Duyệt, Giám đốc Nhà xuất bản Tinh Hoa, một người gốc Quảng Đông nhưng lại yêu quý và đóng góp nhiều cho âm nhạc Việt Nam. ■



Nhà xuất bản TINH HOA ở Huế và nền tân nhạc Việt Nam buổi đầu

BÙU Y

Nhà xuất bản TINH HOA bắt đầu hoạt động từ giữa thập niên 40, và ngay từ đầu, âm thầm tự buộc cho mình cái nhiệm vụ và luôn cả sứ mệnh ẩn hành những bài hát được quần chúng ưa chuộng. Trước đó, bài hát nào hay, được hát ra, người hát lại, truyền miệng nhau. Nhiều lắm là chép lại lời nhạc, là để nhớ lâu, dễ chuyển tay, có khung nhạc đi kèm, và như vậy là con đường bắt tử hóa được rộng mở.

Giờ phút này nói chuyện xuất bản nghe có vẻ tầm thường, giản dị, dễ làm. Nhưng thời buổi những năm 40, quan niệm in nhạc, in từng nhạc bản, là một quan niệm tiên phong.

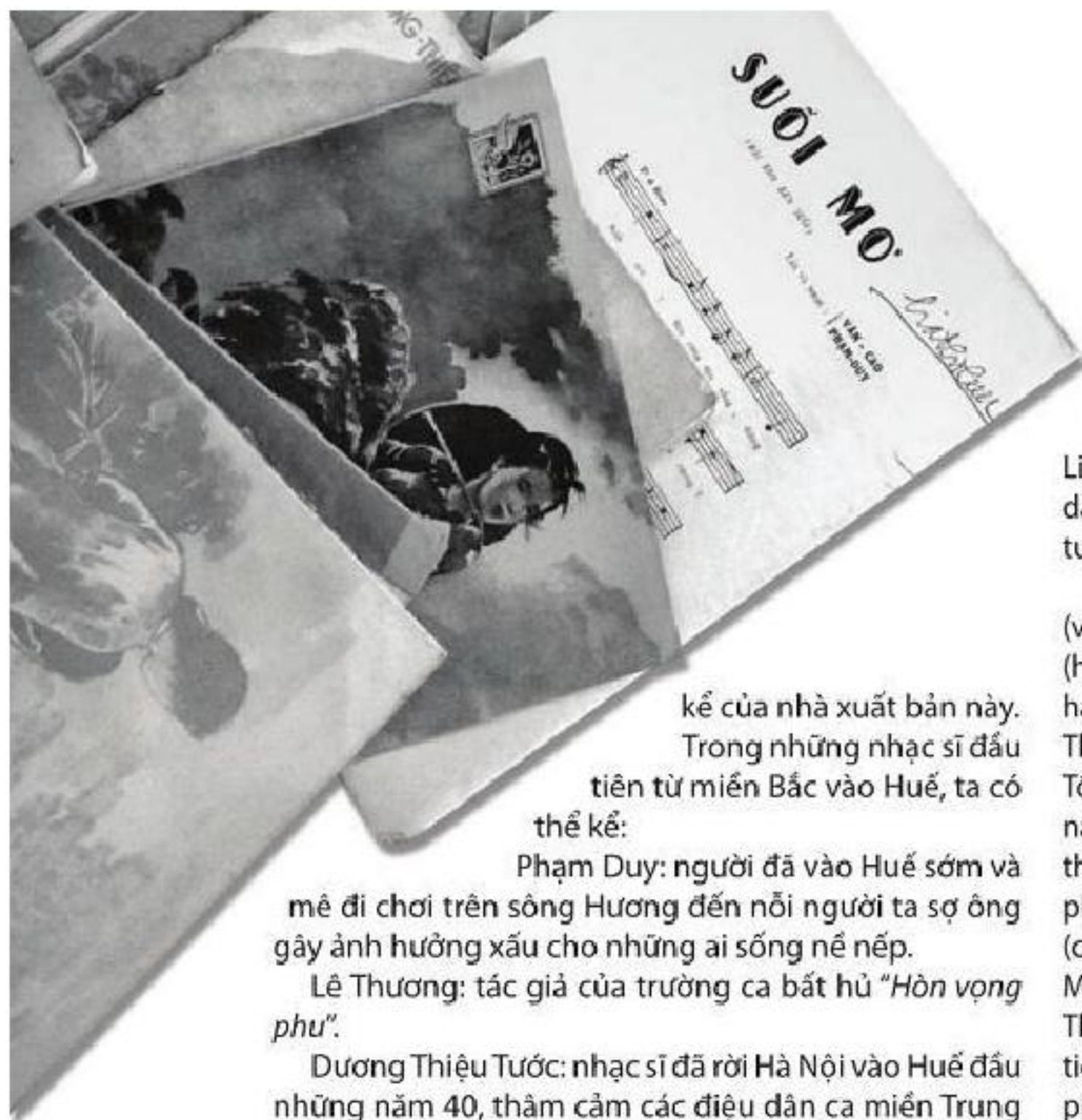
Ngẫm đi nghĩ lại, xét cho cùng, hiện tượng in từng nhạc phẩm rời đầu phải chỉ độc đáo riêng cho những năm 40 mà thôi đầu, nó còn độc đáo luôn cả với thời đại ngày nay vì ngay ngày nay, cho đến ngày nay, khắp nước vẫn chưa có nhà xuất bản nào gánh lãnh một công việc như Nhà xuất bản Tinh Hoa.

Nhà xuất bản Tinh Hoa lại còn tổ chức nhiều Chi nhánh và đại lý vệ tinh trên toàn quốc và ra cả nước ngoài: đó là chi nhánh Tinh Hoa miền Nam số 180 Kỳ Con Saigon, sau dời đến Bùi Quang Chiêu, Hộp thư 510 Saigon, nhà Tổng phát hành Việt Nam là Nam Cường số 185 Kitchner Saigon, Chi nhánh Tinh Hoa miền Bắc ở số 35 Lương Văn Can Hà Nội, Tổng địa lý Mên Lào đặt ở thủ đô Phnom Penh.

Ngoài ra, Nhà xuất bản Tinh Hoa còn dọn đường cho nhiều nhà xuất bản khác nối gót mình trong việc in nhạc phẩm, như các Nhà xuất bản Diên Hồng, An Phú, Minh Phát, Huyền Trang tại Saigon.

Trong công cuộc này, điều cần nói ngay, điều cần khẳng định ngay từ đầu, là vấn đề hệ trọng. Vì không có doanh nhân nào nghĩ mình sẽ giàu to nhờ in ra từng tờ nhạc rời. Mà rõ ràng có những dự ước khác, những giá trị khác làm thành động cơ chính đáng, bền vững cho công cuộc dài hơi này.

Tinh Hoa đã quy tụ được nhiều được nhiều tài năng âm nhạc trong cả nước: đây là một công lao rất đáng



kể của nhà xuất bản này.
Trong những nhạc sĩ đầu
tiên từ miền Bắc vào Huế, ta có
thể kể:

Phạm Duy: người đã vào Huế sớm và
mê đi chơi trên sông Hương đến nỗi người ta sợ ông
gây ảnh hưởng xấu cho những ai sống nề nếp.

Lê Thương: tác giả của trường ca bất hủ "*Hòn vọng
phụ*".

Dương Thiệu Tước: nhạc sĩ đã rời Hà Nội vào Huế đầu
những năm 40, thâm cảm các điệu dân ca miền Trung
và, kể cận người đẹp Minh Trang, đã viết nên hai tuyệt
tác của đời mình trên đất Huế: "*Tiếng xưa*" và "*Đêm tàn
Bến Ngự*".

Văn Cao: người đã từng tâm sự rằng chính khung cảnh
Huế là nguồn hứng cho ca khúc "*Thiên Thai*" của mình.

Các tác giả từ Đà Nẵng trở vào trong buổi đầu:

Phan Huỳnh Điểu, Lê Trọng Nguyễn, Phạm Thế Mỹ,
Phạm Trọng Cầu...

Các nhạc sĩ ở Huế:

Ứng Lang, Nguyễn Văn Thương, Lê Hữu Mục, Đỗ Kim
Bảng, Thu Hổ, Minh Kỳ, Hoàng Nguyên Cao Cự Phúc,
Châu Kỳ, Văn Giảng (còn ký tên Nguyên Thông hay
Thông Đạt), Nguyễn Hữu Ba, Lê Cao Phan, Lê Quang
Nhạc, Ngô Ganh, Lâm Tuyền, Hồ Đình Phương, Lê Mộng
Nguyên... Những người này tạo thành một lực lượng
hùng hậu, có người sinh hoạt tại Đài phát thanh, lập ban
nhạc có giờ phát thanh ấn định trong tuần để thính giả
yêu nhạc theo dõi, có người mở lớp dạy ca hoặc dạy đàn
(như nhạc sĩ Ứng Lang dạy Hạ uy cầm), và thỉnh thoảng
tổ chức những màn "phụ diễn" vào những chương trình
văn hóa hoặc phim ảnh trong thành phố. Những sinh
hoạt này tạo được ít nhiều "không khí" lành mạnh và văn
hóa cho thanh niên, học sinh.

Tinh Hoa đã góp phần kích lệ tinh thần và vật chất
cho sự ra đời của một số *ban nhạc* và *ban kịch* của
thành phố.

Trước hết ta phải kể đến ban nhạc "Thiếu nhi Tinh
Hoa" gồm những thành viên trong gia đình: Quốc
Thuần, Quốc Ái, Bảo Nga, Bảo Nguyệt, Bảo Vân.

Cùng thời, trong những năm 50, hình thành ban
nhạc "Gió Mới" với Hà Thanh (giọng ca nữ chính, kể từ
khi lên tiếng đến nay, trên nửa thế kỷ, vẫn không già!),
Thanh Nga, Lê Gia Phàm (tức là Ứng Sơn, người duy

nhất của nhóm còn sống ở Huế), Hồng Giũ Trân, Hồ
Đăng Tín, Nhị Hà (tên thật là Lê Quang Mai). Còn có
thêm "Ban nhạc Jazz" với Lê Khuê, Đăng Hà, Đăng
Tiến; "Ban nhạc quân đội" với Túy Như, Thiện Nhân,
Linh Giang (tay trống nổi tiếng); "Ban kịch quân đội" với
danh hài Minh Luận, "Ban kịch Vũ Đức Duy" với hai tên
tuổi nòng cốt là Vũ Đức Duy và Vĩnh Phan.

Ca sĩ, thời bấy giờ, nổi tiếng, phía nữ, có: Minh Trang
(vợ của Châu Kỳ, ở Trần Hưng Đạo), Hà Thanh, Kim Tước
(học sinh trường Pháp ở Huế), Tâm Vần (từ Hà Nội vào,
hát ít, ở đường Chợ Cống, nay là Nguyễn Công Trứ),
Thanh Cẩm, Hương Thủy. Nam ca sĩ được ưa chuộng:
Tôn Thất Niệm (được một số người xem là giọng ca
nam hay nhất mọi thời đại), Dạ Chung (giọng ca cực
thấp thích hợp với đàn đại hồ cầm, vừa là đạo diễn
phim ảnh có tên là Hoàng Vĩnh Lộc), Lê Mộng Hoàng
(ca sĩ giọng tenor tốt nghiệp ở nước ngoài, anh của Lê
Mộng Nguyên, vừa là đạo diễn phim ảnh), Duy Khánh,
Thiện Nhân. Ta còn ghi nhận có những cặp song ca nổi
tiếng: Tôn Thất Niệm và Minh Trang (với những nhạc
phẩm của Lâm Tuyền), Ngọc Cẩm và Nguyễn Hữu Thiết
(với những nhạc phẩm của Hoàng Thi Thơ).

Nhạc bản thời ấy là một tờ giấy khổ A4 xếp đôi. Bài hát
chiếm trang 2 và trang 3. Trang 4 là danh mục các bản
nhạc đã xuất bản được đánh số, có khi kèm theo một số
bản nhạc xuất bản nay mai. Trang 1 là tên bài hát và tranh
vẽ. Họa sĩ trình bày bài nhạc là Phi Hùng và Duy Liêm. Phi
Hùng vẽ theo phong cách cổ điển pha ấn tượng. Ông
hàng ngày lóc cóc đạp xe từ đường Trần Quang Khải nơi
ông ở sang đường Hàng Me. Duy Liêm vẽ theo lối lập thể,
cùng một dòng với họa sĩ Tạ Ty ở Saigon.

Giờ lại chống nhạc cũ, tự dưng tôi để ý thấy có một
số đề tài thật lạ mà sao ngày trước các nhạc sĩ tinh ý
đến như vậy và nay ta lại không buồn để ý. Chẳng hạn:
bài "*Mùa thi*" của Đỗ Kim Bảng, hát ra rả về mùa hè, giữa
màu phượng và tiếng ve, nhắn gửi các sĩ tử đi thi "thành
chung" hay "tú tài". Bài hát lại còn trêu người được thanh
niên yêu cầu hát đi hát lại để đùa bỡn... "*Chiếc áo the
thâm tàn*" của Thẩm Oánh vừa dí dỏm vừa chua chát
cho tình người tham phú phụ bần. Hay có bài hát về
một số mẫu người trong xã hội mà người đời thường
dừng đứng: "*Cô láng giềng*" (Hoàng Quý, một tài năng
âm nhạc chỉ hưởng dương 26 tuổi đời!), "*Cô hàng nước*"
(Vũ Minh), "*Người đưa thư đã đi qua*" (Trịnh Văn Ngân)
(hình ảnh anh bưu tá vô cùng thân thiết với lứa tuổi
đang yêu: anh ta đi, đến, dừng? hay đi thẳng).

Nhà xuất bản Tinh Hoa đã đi tiên phong góp phần
xây dựng một số sự kiện âm nhạc đáp ứng lòng mong
đợi của thanh niên, tạo nên diện mạo của thành phố.

Tiếp theo Tinh Hoa, người dân Huế chào đón sự
ra đời của vài cửa tiệm bán sách và các nhạc cụ. Đó
là cửa tiệm nhạc sĩ Lâm Tuyền tại tầng trệt của khách
sạn Morin nhìn ra đường Lê Lợi. Cách đó không xa, có
tiệm Uyên Bắc do thân sinh của ca sĩ Hà Thanh trông

coi. Đây là những cửa tiệm xinh xắn, ngăn nắp, bài trí khoáng đạt.

Giữa những năm 50 nảy nở phong trào 'Đại nhạc hội' lưu diễn dài ngày từ Nam ra Trung. Phong trào này do Hoàng Thi Thơ phát động và Huế trở thành một điểm đáng tin cậy. Một đại nhạc hội thường diễn ra hai hoặc ba đêm ở ngoài trời, có rạp che, và bao gồm đủ vị: ca nhạc, kịch, ảo thuật, vũ, kể chuyện, người đẹp, tài tử điện ảnh... Nhờ có vậy người dân Huế mới biết đến Trần Văn Trạch, Cao Thái (hai ca sĩ này thuộc dạng riêng biệt, có khi hát nhạc nước ngoài, hoặc nhạc hài hước, và được mệnh danh là giọng ca quyến rũ, chanteur de charme). Ngoài ra, thanh niên còn được dịp ngắm nhìn vũ công xinh đẹp của đôi vũ sư Lưu Bình, Lưu Hồng, và thường thức tài nghệ của danh hài Ba Vân.

Tinh Hoa còn có sáng kiến tổ chức những 'đêm nhạc gây quỹ' được quần chúng hưởng ứng tận tình. Chẳng hạn ba đêm nhạc kịch (ngày 2,3 và 4 tháng 4.1945) tổ chức tại rạp Gia Hội Hí Viên nhằm lấy tiền trùng tu đền thờ Phan Bội Châu.

Một lần khác, Tinh Hoa cũng tổ chức một đêm nhạc tại cùng một địa điểm để giới thiệu những tác phẩm hay đã được Tinh Hoa phát hành. Theo lời tường thuật của nhạc sĩ Lê Hoàng Long trong tập Hồi ức '*Chuyện tình các nhạc sĩ tiền chiến*', ca sĩ Mộc Lan lần đầu tiên trình bày tại đây bài '*Đi chơi chùa Hương*', thơ của Nguyễn Nhược Pháp được Trần Văn Khê phổ nhạc. Ca khúc này có đặc điểm là khá dài và khó hát nên ít ai biết. Mộc Lan rất thành công với lần thử thách lần này. Rồi năm 1952 Mộc Lan trở ra Hà Nội trình diễn bài này và chính phục luôn một thanh niên đa tình đến độ, sau đó Mộc Lan từ giả Huế vào Saigon, chàng vào theo và ngày ngày, suốt tháng, thuê người đem hoa đến tặng nàng một cách vô danh. Mãi về sau, nàng mới được tiết lộ: đó là Đoàn Chuẩn. Mỗi tình ấy là nguồn cảm hứng cho '*Gửi gió cho mây ngàn bay*' ra đời.

Những năm 50, thanh niên Huế, vốn ham học lại ít trò tiêu khiển, thường chung nhau có thú vui 'bát phố', hay còn gọi là đi 'nghề'. Và chủ yếu là trên đường Trần Hưng Đạo.

Nhà xuất bản Tinh Hoa, hay là tiệm sách Tân Hoa, là một điểm hẹn trên con đường này. Vào đây để mua sách. Và nhìn lên các dây treo lưng lửng và tủ kính các bản nhạc, bản nào cũ, bản nào mới cùng các bìa tranh của Phi Hùng.

Đối diện chênh vênh với nhà sách Tân Hoa là tiệm cà phê Lạc Sơn luôn luôn đông khách và khách ngồi tràn trên lề đường. Đi một đoạn nữa, ta đến rạp xi nê Tân Tân, nơi luôn có các bạn trẻ vào nhìn hình ảnh tài tử và các cảnh trong phim.

Chính nhà sách Tân Hoa cùng rạp Tân Tân đã gợi ý cho thanh niên thời bấy giờ chơi trò sưu tập và trao đổi từng bản nhạc hoặc từng tờ chương trình phim ảnh.

Từ rạp đi ra, ta tiến dần đến nhà sách Ứng Hạ là nơi

bán nhiều sách ngoại ngữ. Tại đây có cô bán hàng xinh đẹp tên Ri chỉ có nhiệm vụ đi ra, trả lời nhỏ nhẹ với khách hàng, nhường việc bán hàng cho các bạn đồng sự.

Đi tiếp nữa, ta đến góc đường rẽ vào cửa Thượng Tứ. Tại góc này có tiệm ảnh Tăng Vinh. Khách nào bước ngang qua đây, khôn hồn thì nhìn thẳng và bước nhanh, bằng không, lỡ nhìn vào là chân quít lại: hai tấm hình của tuyệt sắc giai nhân Hoài Nam sẽ hớp hồn bạn.

Chỉ một đoạn đường mà lắm trạm dừng chân
Và kẻ nhàn du vừa đủ cảm thấy yêu đời.

Kết luận,

TINH HOA là nhà xuất bản tiên phong trong cả nước về việc ấn hành các bài ca thịnh hành trong cả nước những năm 40, 50 và 60.

Sự kiện ấn hành các nhạc bản không phải là một sự kiện đơn lẻ.

Và giám đốc nhà xuất bản không phải người nghĩ tới chuyện in nhạc và đồng tiền đi kèm theo đó.

Ông là người đồng điệu, thông cảm, tán thưởng, hỗ trợ con người và tác phẩm trong lãnh vực ca nhạc.

Ông là người đã gây được, đã gây được, một bầu không khí văn hóa ca nhạc không những cho những người liên quan trực tiếp, mà còn cho cả một thế hệ thanh niên yêu thương tiếng hát, ngâm nga tiếng nói mẹ đẻ của mình, ôn lại những sự tích truyện cổ, học lại những trang sử hào hùng. Từ đó trau dồi bản sắc và nhân cách, từ đó học hành thêm phần hứng thú và tập làm con người tử tế.

Ông còn là người có công trong việc quy tụ và kết nối các tác giả và ca sĩ nhiều miền, tạo Nhà xuất bản Tinh Hoa của mình thành một địa chỉ dừng chân và hỗ trợ đáng tin cậy cho các ban nhạc của Saigon như ban Dạ Lan (chương trình phụ trách do Mai Trung Tĩnh Nguyễn Thiệu Hùng phụ trách những năm 50 và gồm các giọng ca nữ như Thanh Thúy, Mộc Lan, Lê Thanh, Châu Hà...), ban Hợp ca Thăng Long (do Hoài Trung Phạm Đình Viêm dẫn dắt, ông mất năm 2002).

Nhà xuất bản TINH HOA đã lưu lại cho Huế một bài học quý giá về văn hóa.

Sáu bảy chục năm qua, bài học ấy không hề phai mờ.

Nó không những động đến từng cá nhân một, nó bao quát cả cộng đồng.

Văn hóa bao giờ cũng là vấn đề hàng đầu, vấn đề số một, cần được quan tâm, cần được trau dồi, cần được chủ trương, cần được đầu tư thích đáng trước tất cả các vấn đề khác của quốc gia. Bởi lẽ nó mở mang kiến thức, nó phát triển tài năng, nhưng, trên tất cả mọi thứ, nó làm giàu có cho tâm hồn.

Chúng ta mong sao buổi hội ngộ này hứa hẹn mở ra nhiều chân trời, nhiều mảng bầu trời văn hóa cứu rỗi chúng ta. ■





Như hoa

Kovilàra

HỒNG NHIÊN

Trong *Kinh Tăng Chi*, Đức Phật thuật câu chuyện về một loài cây có hoa rất đẹp sinh trưởng ở cảnh giới chư thiên Tam thập tam (*Tāvātimsa*) để gợi cảm thức cho các học trò mình về ý nghĩa cao quý của việc xuất gia thực hành đạo giác ngộ. Loài cây có tên gọi là *Kovilàra Pàricchattaka*, có hoa thật đẹp và tỏa hương thơm rất

xa khiến hân hoan vui lòng nhiều người. Chư thiên ở cõi *Tāvātimsa* rất yêu quý giống hoa này, tựa như người Nhật Bản yêu quý loài hoa Anh đào vậy. Tương tự dân chúng “xứ sở mặt trời mọc” biết trân trọng và thưởng thức trọn vẹn cái đẹp tự nhiên của loài hoa Anh đào, cái thú tao nhã của chư thiên *Tāvātimsa* là nghệ thuật quan sát và cảm nhận từng dấu hiệu chuyển đổi của

cây Kovidāra từ khi những chiếc lá của nó bắt đầu khô héo rồi rụng và tin tưởng vào chu kỳ đơm hoa của cây Kovidāra cho đến khi nó đạt đến độ rực rỡ. Họ sống quán sát và cảm nhận đầy đủ về quá trình thay đổi tự nhiên của loài cây Kovidāra với một tâm tư luôn luôn hoan hỷ và tin tưởng. Cái cảm thức hỷ lạc của chư thiên Tāvātimsa đạt đến trọn vẹn chính là lúc họ cùng nhau tổ chức hội hè vui chơi trong bốn tháng dưới những gốc cây Kovidāra đang độ rực hoa, tận hưởng đầy đủ vẻ đẹp tự nhiên của loài hoa Kovidāra và thưởng thức hương vị thanh khiết của nó lan tỏa cả một vùng không gian rộng lớn.

Đức Phật hiểu rõ và trân trọng cái cảm thức tao nhã của người biết ngắm hoa. Từ thú tao nhã của việc theo dõi và thưởng ngoạn loài hoa Kovidāra của chư thiên Tāvātimsa, Phật gợi cảm thức cho mọi người khác về ý nghĩa thanh thoát cao quý của sự kiện xuất gia tu tập để đạt đến đạo giác ngộ. Tựa như cây Kovidāra đến chu kỳ ra hoa, Phật cho rằng việc xuất gia tu tập theo đạo giác ngộ của người Phật tử cũng biểu lộ các dấu hiệu đáng vui mừng chiêm ngưỡng vì nó dự báo những kết quả lợi lạc hướng thượng khiến hoan hỷ vui lòng nhiều người, nhất là khi người xuất gia thành tựu mục đích đoạn tận các phiền não lậu hoặc. Xuất gia là hạnh cao quý của người con Phật bởi nó tiêu biểu cho tâm thái tha thiết mong cầu giác ngộ an lạc cho mình và cho người mà thuật ngữ Phật học gọi là “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh”. Do hạnh nguyện cao quý như vậy, người xuất gia được chờ đợi trải qua những giai đoạn nỗ lực tu tập, phát triển tâm linh, để thành tựu cho được cái mục đích giải thoát tối hậu khiến hoan hỷ lợi lạc cho nhiều người, tựa như cây Kovidāra trải qua các chu kỳ thay đổi cành lá để sau cùng sanh ra các chùm hoa rực rỡ làm say lòng chư thiên cõi trời Tāvātimsa.

Trong cách diễn đạt của mình, Phật xem sự kiện một người Phật tử nghĩ đến việc xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình tựa như lá cây Kovidāra bắt đầu khô héo. Khi vị ấy cạo bỏ râu tóc, chính thức xuất gia và trở thành Tỷ-kheo, bấy giờ vị ấy được ví như lá cây Kovidāra bị rơi rụng. Sau khi xuất gia, vị Tỷ-kheo nỗ lực chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự ý, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh, rồi vị ấy ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất - một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm và tứ, bấy giờ vị ấy được ví như mầm non cánh hoa Kovidāra đang mọc ra. Khi vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai - một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh, nhất tâm, bấy giờ vị ấy được ví như đọt non cánh hoa Kovidāra đang nhú ra. Khi vị Tỷ-kheo ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, bấy giờ vị ấy được ví như nụ hoa Kovidāra đang hé lộ. Khi vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ,

diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư - không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, bấy giờ vị ấy được ví như bông hoa Kovidāra đang hé nở. Khi vị Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, bấy giờ vị ấy được ví như hoa Kovidāra nở toàn diện. Trong khi vị Tỷ-kheo thành tựu vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lúc bấy giờ Giới hương, Định hương, Huệ hương, Giải thoát hương và Giải thoát tri kiến hương của vị ấy bay khắp muôn phương, khiến cho các hàng Địa thần và Chư thiên đều vui mừng hoan hỷ, cùng nhau lớn tiếng ngợi ca uy đức của bậc chứng đạo. Toàn bộ câu chuyện được kể như vậy¹:

“Này các Tỷ-kheo, khi nào cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa bắt đầu khô héo lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay lá của cây Kovidāra Pāricchattaka đã khô héo, không bao lâu lá sẽ rụng”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa rụng lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Kovidāra Pāricchattaka đã rụng lá, không bao lâu mầm non cánh hoa sẽ mọc ra”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa mọc ra mầm non cánh hoa, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư Thiên Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Kovidāra Pāricchattaka mọc ra mầm non cánh hoa, không bao lâu đọt non cánh hoa sẽ mọc ra”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra Pāricchattaka mọc ra đọt non cánh hoa, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư Thiên Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Kovidāra Pāricchattaka mọc ra đọt non cánh hoa, không bao lâu các nụ hoa sẽ được sanh ra”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa sanh ra nụ hoa, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, chư Thiên Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Kovidāra Pāricchattaka sanh ra nụ hoa, không bao lâu các bông hoa sẽ được sanh ra”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra sanh ra các bông hoa, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, chư Thiên Tāvātimsa hoan hỷ nghĩ rằng: “Nay cây Kovidāra Pāricchattaka sanh ra các bông hoa, không bao lâu các bông hoa sẽ được nở toàn diện”.

Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Kovidāra có bông hoa được nở toàn diện, này các Tỷ-kheo, chư Thiên Tāvātimsa hoan hỷ, chơi đùa trong bốn tháng chư Thiên, dưới gốc cây Kovidāra Pāricchattaka, vui chơi thọ hưởng, tận hưởng năm món dục lạc. Này các Tỷ-kheo, khi cây Kovidāra Pāricchattaka nở toàn diện các bông hoa, mùi hương bay tràn xung quanh đến năm mươi do tuần; thuận gió, mùi hương bay đến một trăm do tuần. Đây là uy lực của cây Kovidāra Pāricchattaka.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền & Tâm Hoa (California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **493 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaov@vnn.vn

Ban Biên tập



Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Thánh đệ tử nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử như lá héo cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa.

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Thánh đệ tử như cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa bị rụng lá.

Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử ly dục... chúng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Thánh đệ tử như mầm non cánh hoa được sanh ra của cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Thánh đệ tử làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chúng đạt và an trú Thiền thứ hai, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử như đọt non cánh hoa được sanh ra của cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Thánh đệ tử ly hỷ, trú xả... chúng đạt và an trú Thiền thứ ba, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Thánh đệ tử như nụ hoa được sanh ra của cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa.

Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử xả lạc xả khổ... chúng đạt và an trú Thiền thứ tư, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Thánh đệ tử như các bông hoa được sanh của cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa.

Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình thẳng trí, chúng ngộ, chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, Thánh đệ tử như các bông hoa được nở toàn diện của cây Kovidāra Pāricchattaka của chư Thiên Tāvātimsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, chư Địa thần tuyên bố lớn tiếng: "Vị Tôn giả với tên họ thế này, đồng trú cùng một lòng tin với Tôn giả với họ tên thế này đã xuất gia từ làng như vậy, từ thị trấn như vậy, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình thẳng trí, chúng ngộ, chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát". Sau khi nghe tiếng của chư Địa thần, chư Thiên bốn Thiên vương thiên... chư Thiên Tāvātimsa... chư Thiên Yama... chư Thiên Tusita... chư Thiên Hóa lạc thiên... chư Thiên Tha hóa tự tại... chư Thiên Phạm chúng tuyên bố lớn tiếng: "Vị Tôn giả với tên họ thế này, đồng trú cùng một lòng tin với Tôn giả với họ tên như thế này đã xuất gia từ làng như vậy, từ thị trấn như vậy, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình thẳng trí, chúng ngộ, chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".

Như vậy trong sát-na ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy truyền đến Phạm thiên giới. Đây là uy lực của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc".

Chú thích:

1. Kinh Cây Kovidāra Pāricchattaka, Tăng Chi Bộ. ■


 Tìm hiểu

Phật tánh theo kinh, luận

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Ba truyền thống Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa và Tây Tạng đều cho rằng Phật tánh hay Như Lai tạng là lần thuyết pháp sau cùng và cũng là cực điểm của kinh điển.

Ngoài những kinh của lần chuyển pháp luân thứ ba nói về Phật tánh như kinh *Thăng Man*, kinh *Lăng Già*, kinh *Pháp Hoa*, kinh *Đại Bát Niết Bàn*... chúng ta có nhiều luận nói về Phật tánh như *Luận Đại Thừa Khởi Tín*, *Luận Phật tánh* (của Maitreya)...

Trong bài này chúng tôi sử dụng kinh *Đại Bát Niết Bàn* dựa trên các bản Việt dịch, một là bản dịch của Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến và một là bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh.

1. Phật tánh

Kinh *Đại Bát Niết Bàn* nói nhiều lần trong chương Như Lai tánh: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". "Sư

tử rống gọi là lời nói quyết định: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành Vô thượng Bồ đề. Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh nhần đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng tội và nhất xiển đề đều có Phật tánh" (Chương *Sư tử hống Bồ-tát*).

Sự khẳng định này không chỉ là sự khẳng định tất cả chúng sanh đều sẽ đạt đến Đại Niết-bàn, mà còn khẳng định tất cả mọi biểu hiện của đời sống đều có mục đích để đạt đến Phật tánh Niết-bàn. Phật tánh là bản đại giao hưởng anh hùng ca hài hòa mọi kinh nghiệm sống, mọi kiếp sống, thành một vị Niết Bàn của chiến thắng tối hậu.

"Phật dạy: Y vào pháp tức là Như Lai Đại Bát Niết Bàn. Tất cả Phật pháp tức là Pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thường trụ bất biến. Nếu có

người bảo: Như Lai vô thường, thì người đó không biết không thấy Pháp tánh" (chương *Như Lai tánh*, *Tứ y*).

"Phật tánh tức là Pháp thân Như Lai. Thân Như Lai là thân thường trụ, bất sanh bất diệt, là thân kim cương vĩnh viễn bất hoại, tức đây là Pháp thân" (chương *Thân Kim Cương*).

Phật tánh là Chân Không Diệu Hữu:

"Pháp thân là Thường, Lạc, Ngã Tịnh, lìa hẳn tất cả sanh già bệnh chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ, chẳng động, không biến đổi. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý, bèn cho rằng Như Lai nói thân Phật là pháp vô vi".

"Ta từng nói Phật tánh có đủ sáu tính chất: Một là Thường, hai là Thật, ba là Chân, bốn là Thiện, năm là Tịnh, sáu là Có Thể Thấy. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý bèn cho rằng Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có".

"Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải trong ngoài, chẳng phải sắc thanh hương vị xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý bèn cho rằng Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có".

"Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thì chẳng được Vô thượng Bồ đề" (chương *Ca-Diếp Bồ-tát*).

"Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị lôi kéo, chẳng bị bắt, chẳng bị trói buộc" (chương *Sư Tử Hống Bồ-tát*).

Qua những câu kinh này, chúng ta thấy Phật tánh là thường trụ, không biến đổi, trùm khắp, không bị nhiễm ô dù bởi trọng tội hay biến mất bởi kẻ không tin (nhất xiển đề). Phật tánh chẳng hề rời ngoài chúng sanh, dù chúng sanh còn chưa biết nó.

Nghĩa chính yếu của Phật tánh là thường trụ, như Phật, Pháp, Tăng là thường trụ (chương *Kim Cương Thân*). Thường trụ nghĩa là vẫn có ở đó, bất chấp chúng ta có biến đổi thế nào, bất chấp chúng ta có hiện hữu hay không.

Phật tánh nội tại trong ngã và pháp, nhưng siêu việt khỏi ngã và pháp. Kinh nói: "Tánh ngã và tánh Phật. Không hai, không sai biệt" (chương *Như Lai tánh*). "Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, vốn không chỗ trụ. Dùng phương tiện khéo thì thấy được. Vì được thấy nên được Vô thượng Bồ đề" (chương *Quang Minh Biến Chiếu*).

Phật tánh thì đồng nhất ở cả ba thừa: "Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đồng một Phật tánh như vậy... Tại sao ba thừa không khác nhau? Sau này, các chúng sanh ấy mới tự hiểu rằng tất cả ba thừa là đồng một Phật tánh" (chương *Như Lai tánh*).

Chính vì đồng một Phật tánh, nên Phật giáo rốt lại chỉ có Nhất thừa: "Ba là đồng một vị: Tất cả chúng sanh

đồng có Phật tánh, đều đồng Nhất thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lộ. Tất cả đều sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh; đây gọi là đồng Một Vị" (chương *Sư Tử Hống Bồ-tát*).

Kinh ví Phật tánh như biển cả chung cho mọi làn sóng hiện tượng chúng sanh: "Điều thứ tám là Phật tánh chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngăn mé, vì không bắt đầu và chấm dứt, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh là Phật tánh. Đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh *Đại Niết Bàn* này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia" (chương *Sư Tử Hống Bồ-tát*).

2. Phật tánh trong các tông phái thực hành

Trong Thiên tông, Lục tổ Huệ Năng gọi Phật tánh này là tự tánh: "Các thiện tri thức! Tự tánh Bồ đề xưa nay vốn thanh tịnh, chỉ dùng tâm này bèn được thành Phật" (phẩm *Hành Do* thứ nhất). "Thiện tri thức! Trong mỗi niệm mỗi niệm, thường tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo".

Trong phẩm *Hành Do* thứ nhất, Lục tổ kể về cơ duyên ngộ tánh của mình: "Ngũ Tổ giảng cho Huệ Năng kinh *Kim Cương*, khi nghe tới câu 'Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm', thì Huệ Năng ngay dưới lời nói đại ngộ, thấy rõ tất cả muôn pháp chẳng lìa tự tánh. Mới thưa với Tổ rằng:

Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh

Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt

Nào ngờ tự tánh vốn tự tròn đủ

Nào ngờ tự tánh vốn không động lay".

Lục tổ có giảng về Phật tánh trong phẩm thứ nhất như sau: "Phật nói: Thiện căn có hai: một là thường, hai là vô thường; mà Phật tánh chẳng phải thường chẳng phải vô thường, vậy nên chẳng dứt, ấy gọi là 'chẳng hai'. Lại nữa, một là thiện, hai là chẳng thiện, mà Phật tánh chẳng phải thiện chẳng phải chẳng thiện, ấy gọi là pháp 'chẳng hai'. Năm uẩn và mười tám giới từ nơi phàm phu thấy thành hai, còn người trí thì rõ suốt tánh nó 'không hai', cái tánh 'không hai' ấy tức là Phật tánh".

Lục tổ còn nói về Phật tánh khá nhiều như nói với Phương Biện rằng "Người khéo về tánh đắp tượng mà chẳng rõ tánh Phật", giảng cho Ni cô Vô Tận Tạng về kinh *Đại Bát Niết Bàn*, hay giải rõ cho Chí Triệt về Phật tánh trong kinh *Đại Bát Niết Bàn*...

Đại sư Padmasambhava, sơ tổ dòng Nyingma, người đã đem hệ thống Mật giáo Ấn Độ vào Tây Tạng, trong đó pháp Đại toàn thiện Dzogchen là pháp cao nhất thì luôn luôn đưa đệ tử vào Phật tánh để đệ tử thấy Phật tánh và thường trụ an trụ trong đó:

Hãy nghe đây, Dorje Dudjom họ Nanam!

Cái có tên là 'tâm sáng tỏ của giác ngộ'

Là vốn sẵn bên trong, bốn nhiên tự hữu và không tâm điểm cũng chẳng chu vi.

Chớ sửa chữa, chỉnh trang nó, mà ngay trong

trạng thái vốn tự giác và trong sáng tự nhiên
Hãy không thay đổi, không làm biến chất, mà
hãy an trụ, giải thoát trong tánh bản nhiên!
Ở yên như thế, tâm con thoát khỏi vọng niệm
Chính nó là Phật!

(Những Khai Thị của Đức Liên Hoa Sanh về Con Đường Đại
Toàn Thiện, Thiện Tri Thức, Nxb VHSG, 2009, trg 105).

Đại sư Milarepa, vị Tổ thứ tư của dòng Kagyu Tây
Tạng nói về Phật tánh:

Thức nền tảng, vĩnh cửu và không biến dịch
Là người dẫn đường để thoát khỏi sanh tử luân hồi.
Hạnh phúc thay cho người nào biết được sanh
tử và niết-bàn là không hai;

Kỳ diệu thay, sự gieo trồng cho vụ mùa này!
Sự tu hành định thanh tịnh không phóng dật này
Là người dẫn đường cho tánh Giác tỉnh khiết.
Hạnh phúc thay cho người nào biết cái hiện tiền

là không hai

Kỳ diệu thay tánh Giác thanh tịnh như hư
không này!

(Uống Dòng Suối Núi, Milarepa, Thiện Tri Thức 2002)

Như thế, Thiền, Dzogchen và Mahamudra đều giống
nhau ở Nền tảng là Phật tánh, Con đường đi đến Phật
tánh trọn vẹn, và Quả là Phật quả.

3. Phật tánh trong Phật giáo Việt Nam

Thế kỷ thứ Sáu, Đại sư Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi đem Thiền
tông vào Việt Nam. Cái ngài trao truyền, khai thị ngài
gọi là Tâm Ấn. Cái tâm ấn này chính là Phật tánh:

Tâm ấn chư Phật
Tất không lừa dối
Tròn đồng thái hư
Không thiếu không dư
Không đi không đến
Không được không mất
Chẳng thường chẳng đoạn
Vốn không chỗ sanh
Cũng không chỗ diệt

...

Bởi thế chư Phật ba đời
Cũng dùng như thế mà được
Tổ sư nhiều đời
Cũng dùng như thế mà được
Ta cũng dùng như thế mà được
Người cũng dùng như thế mà được
Cho đến hữu tình vô tình
Cũng dùng như thế mà được...

Dòng Thiền thứ hai, do Đại sư Vô Ngôn Thông truyền
vào ở đầu thế kỷ thứ chín. Cái ngài truyền cũng là Phật
tánh bất sanh bất diệt:

...

Truyền pháp nhân tạng
Gọi đây là Thiền

...

Tâm tông đều gọi
Thanh tịnh bản nhiên
Tây Thiên cõi này
Cõi này Tây Thiên
Xưa nay nhật nguyệt
Xưa nay sơn xuyên
Chạm đến thành trệ
Phật Tổ thành oan
Sai Nó mấy may
Mất Nó trăm ngàn.
Người khéo quán sát
Chớ lừa cháu con
Có hỏi thẳng ta
Ta vốn Vô Ngôn.

Nhà vua thiền sư Trần Thái Tông (thế kỷ 13) nói:

“Nào biết tánh Giác Bồ-đề, ai nấy đều vốn viên thành,
có biết đâu thiền căn trí huệ, người người nguyên đều
sẵn đủ. Chẳng kể đại ẩn hay tiểu ẩn, đâu có phân gì tại
gia xuất gia. Chẳng nề tăng hay tục, chỉ cốt rõ tâm, nào
kể gái trai, cứ sao vướng mắc hình tướng? Người chưa
hiểu chia bữa thành Tam giáo, kẻ rõ rồi cùng ngộ một
chữ Tâm. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, đều được
rõ tánh thành Phật. Huống gì thân người dễ mất, Phật
pháp khó gặp. Muốn vượt vòng luân hồi sáu nẻo, chỉ
có con đường tắt Nhất thừa”.

Tác phẩm Nam Hải Quan Âm mở đầu bằng các câu:

Chân Như đạo Phật rất mầu
Tâm trung chữ hiếu niệm đầu chữ nhân
Hiếu là độ được đấng thân
Nhân là cứu thoát trăm luân mọi loài
Thần thông nghìn mắt nghìn tay
Cùng trong Một Điểm Linh Đài hóa ra.

Thiền sư Chân Nguyên (thế kỷ 17) viết trong Thiền
Tông Bản Hạnh:

Thuở xưa trời đất chưa sanh
Cha mẹ chưa có, thực mình Chân Không
Chẳng có tướng mạo hình dung
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư
Thánh phàm vô khiếm vô dư
Bất sanh bất diệt như như Di Đà
Liễu tri vạn pháp không hoa
Văn tự ngôn ngữ ấy là vọng duyên
Chân Như tánh vốn thiên nhiên
Vô tạo vô tác căn duyên của nhà.

Con đường Thiền Việt Nam là thấy Phật tánh, tin
nhận Phật tánh rồi y vào đó mà tu, mà phát huy, mà tự
khai mở trước Phật tánh vốn có từ “thuở trời đất chưa
sanh”, đó là ‘khuôn mặt xưa nay’ thuở “cha mẹ chưa có
thật mình Chân Không”, đó là cái “vô tạo vô tác căn
duyên của nhà”, cái “bất sanh bất diệt như như Di Đà”,
mà “thánh không dư phàm không thiếu”.

Con đường Thiền Việt Nam là con đường Nhất thừa
“khai thị ngộ nhập” Phật tánh vậy. ■



Niệm Phật

là trở về bản thể chính mình

NGUYỄN XUÂN CHIẾN

Bài học khiêm tốn

Sau gần nửa thế kỷ dày công nghiên cứu lịch sử loài người, và đã cống hiến cho nhân loại bộ sách lừng danh *Lịch sử văn minh*, nhà sử học quốc tế Will Durant viết:

"... lịch sử nhân loại chỉ là một khoảnh khắc trong không gian, và bài học đầu tiên của lịch sử là chúng ta nên khiêm tốn".

Nhưng tại sao chúng ta buộc phải khiêm tốn? Và Will Durant nói tiếp:

"Bất cứ lúc nào, một ngôi sao chổi cũng có thể đến quá gần địa cầu nhỏ bé của chúng ta, làm cho thế giới đảo lộn, lôi cuốn tất cả vào một quỹ đạo vô trật tự mà từ người, vật, đến rạn rệp đều tan thành bụi khói. Hoặc một mảnh của mặt trời chói lọi có thể văng ra, và rơi trên đầu chúng ta một cách khủng khiếp, làm tiêu tan mọi nỗi khổ đau của nhân loại."

Qua nhiều thế hệ, con người đã càng ngày càng chế ngự được trái đất, nhưng rồi con người cũng sẽ chỉ là một nắm xương khô trong lòng đất".

Thật vậy, từ lúc ra khỏi lòng mẹ, con người luôn phải đối đầu với một thế giới đầy bất trắc. Rất ít ai sẽ biết được tương lai của mình. Niềm vui thì mong manh, còn những nỗi khổ đau thì luôn luôn bất tận. Ngay cả cái mà loài người cho là niềm vui, thật ra cũng chỉ là những nỗi khổ được ngụy trang dưới những hình thức khác nhau, dưới những tên gọi khác nhau. Cách đây chừng sáu chục năm, triết gia Jean Paul Sartre cũng từng thét lên: *"Từ bóng tối, chúng ta bị ném vào cuộc đời. Cuộc đời ở đó, và như vậy!"*

Một đứa trẻ háo hức bước vào cuộc đời bằng đôi chân vụng dại, và một cụ già mệt nhọc bước ra khỏi cuộc đời bằng những hơi thở hắt hiu, tuy cảnh ngộ

dầu khác nhau, nhưng cùng chung một tâm trạng như nhau: chẳng hiểu gì, chẳng thấy gì cả!

Từ tuổi mười lăm cho tới ba mươi, chúng ta ấp ủ khát vọng ở trong lòng và chúng ta đã chiến đấu với cuộc sống, với bản thân. Những tham vọng nghiêng trời lệch đất, những mơ ước cải tạo xã hội... vân vân và vân vân... Tất cả mọi thứ ấy đều được kết thúc khi chúng ta bước sang tuổi ba mươi. Có thể, chúng ta kết hôn và tạo dựng nếp sống gia đình, do đó, miếng cơm manh áo trở nên vô cùng thúc bách. Gia đình, nhà cửa, bà con,... những thứ này dần dần khiến chúng ta thỏa hiệp với nếp sống tầm thường, để lặng lẽ đầu hàng cuộc đời.

Sau tuổi bốn mươi thì tâm chí bắt đầu cùn nhụt, chúng ta chỉ biết ôm giữ thái độ cầu an, tự đóng khung trong nhiều thứ ảo tưởng như: kinh nghiệm, vốn sống, từng trải, thành tích, để... dạy đời, hoặc tự hào về quá khứ đáng nể của mình, hoặc khư khư nắm chặt những kiến thức lỗi thời mà cứ tưởng là chân lý!

Tuổi năm mươi theo sự ước định của Khổng Tử thì đó là tuổi của "tri thiên mệnh", nhưng đối với chúng ta, năm mươi tuổi là tuổi của sự lụi tàn, của sự lãng quên, của mù lòa tri thức, chuẩn bị rút khỏi sân khấu cuộc đời.

Có bao giờ chúng ta tự hỏi: *gần hoặc quá nửa chặng đời rồi, ta đã sống hay chưa?* Ta đã thực sự hít thở, ăn uống, rong chơi, làm việc hay chưa? Ta đã làm công chuyện gì ra trò hay chưa? Hay là... ta đã chết rồi? Có nhiều người chết lúc hai mươi tuổi dù họ được mang ra nghĩa địa để chôn lúc bảy tám mươi tuổi.

Trò chơi vật và trò chơi lớn

Chẳng biết tự bao giờ, có lẽ hàng triệu triệu tỷ tỷ kiếp rồi, loài người luôn luôn là những đứa trẻ ham ưa những trò chơi vật. Thế nào là trò chơi vật?

Đó là những trò chơi nhằm nhĩ, phù phiếm, nhạt nhẽo, trong đó con người tự đánh mất tánh linh của mình, nghĩa là quên rằng mình đang sống mà chỉ suốt kiếp vọng thân theo những biến hiện của trò chơi.

1/ Trò chơi thỏa mãn sự chiếm hữu tiền bạc, tích trữ tài sản vật chất như vàng, ngọc, châu báu, nhà cửa, nương ruộng, vườn tược kho đụn... (Tài)

2/ Trò chơi hưởng thụ đủ thứ khoái lạc xác thịt, nhan sắc, luyến ái, tình dục dưới đủ mọi hình thức, tên gọi, phương cách thực hiện... (Sắc)

3/ Trò chơi đáp ứng những khát vọng quyền lực, những mưu đồ hư danh, những mong mỏi địa vị, hoặc là ham lưu danh thiên cổ, cho đến tranh giành ảnh hưởng trong giới quan nha, triều đình, (Danh)

4/ Trò chơi thỏa mãn cảm giác cụ thể, như ăn, uống, nhậu nhẹt nghiện hút, chích choác, hít hà, nhảy nhót, xúc chạm, nghe nhìn... (Thực)

5/ Trò chơi thư giãn thần kinh và gân cốt, với mục đích phục hồi sức khỏe, thể lực để tiếp tục thực hiện bốn loại trò chơi kể trên, như: ngủ nghỉ, du lịch, xoa bóp, tiếp cận thiên nhiên, sinh hoạt gắn gũi môi trường

xanh, thưởng thức di sản văn hóa... (Thụy)

Vì mãi bơi lội thoải mái trong năm thứ trò chơi này, con người càng lúc càng thấy mình dửng dưng, và nếu họ bứt ra khỏi những nỗi đam mê ấy thì họ phải làm gì?

Thình thoảng, giữa những trận cuồng phong của miếng cơm manh áo, chúng ta chợt dừng lại bởi vì hình như chúng ta đang bắt gặp một tiếng gọi nào đó từ mệnh mang sâu thẳm. Một tiếng gọi mơ hồ, dịu dàng, lay bay... Khiến đôi chân chùn bước. Trái tim co thắt lại. Và đôi mắt thấy đất trời như bâng lảng. Có thể, đó là tiếng gọi của Tâm Linh bởi chúng ta bắt đầu đặt dấu hỏi về cuộc sống, đột nhiên cảm thấy mình là "kẻ lạ mặt" đang lạc loài giữa những "sinh hoạt rất người" kia.

Cho đến bao giờ chúng ta tự đặt câu hỏi: "Té ra cuộc đời chỉ bấy nhiêu thôi ư? Rồi ta sẽ đi về đâu?" thì chúng ta đã bắt đầu mở hé cánh cửa tâm linh.

Khi nào chúng ta ngán ngẩm năm món ăn chơi dục lạc, chán đến độ "buồn nôn", thì chúng ta có thể giã từ những trò chơi vật từng đeo đẳng mình từ vô số kiếp, để bước sang lãnh vực của trò chơi tâm linh.

Chúng ta sẽ nhanh chân bước ra khỏi cái gọi là "đời thường" nhầy nhụa kia. Quyết liệt. Liều lĩnh. Rồi chúng ta vừa thông dong thả từng bước một, trên đại lộ cuộc đời thênh thang, vừa đi chúng ta than khóc thật lớn, thật chí thành thống thiết và lặp đi lặp lại hàng vạn lần câu nói thở than như chàng trai Đa Xá thuở xưa:

"Thống khổ thay cho con, đọa đày thay cho con!"

Cứ tiếp tục than khóc như vậy, không bao lâu, tại một ngã tư đường nào đó, sẽ xuất hiện một Đức Phật Thích Ca bằng xương bằng thịt thực sự, đúng như kinh điển từng mô tả. Một Đức Phật đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, hào quang chói lọi cả ba ngàn đại thiên thế giới. Ngài mỉm cười, ôi nụ cười chan chứa lòng thương bao la, mà gần gũi. Ngài nhẹ nhẹ vỗ lên vai trầy trụa bao vết thương lớn nhỏ vì những trò chơi dục lạc vật vãnh, và Ngài sẽ nói:

"Hãy đến đây với Ta."

Nơi Ta không có thống khổ. Nơi Ta không có đọa đày. Hãy đến cùng Ta, hỡi chàng trai trẻ kia!"

Bởi vì chúng ta chưa hề từ bỏ năm thứ dục lạc, chưa hề than khóc rũ rượi, nên chúng ta dĩ nhiên chưa hề gặp Phật, trong khi Ngài vẫn an nhiên kiên nhẫn đợi chờ chúng ta tại một ngã tư đường nào đó. Ai nói rằng Phật Thích Ca đã nhập diệt, hoặc đã Niết-bàn từ hơn 2.500 năm trước, tức là chẳng hiểu gì về Phật cả. Không!!! Đức Phật vẫn tồn tại vĩnh cửu, bất kể thời gian không gian nào, Ngài vẫn sống thực, gần gũi, quanh quất đâu đó, bên cạnh chúng ta. Chỉ vì chúng ta rong ruổi theo năm trò chơi dục lạc, còn dây dưa đan díu với danh-lợi-tình, và chưa mong mỏi khao khát Ngài, do đó, Ngài vẫn mòn mỏi gót chân ở cuối đại lộ khổ đau.

Bởi chúng ta chưa hề ưu tư, khắc khoải và khóc lóc vì Chân Lý, nên chúng ta lưu trú hoài trong ngõ cụt của

những trò chơi vụn vặt, phù phiếm.

Người nào không bằng lòng với thực tại mê vọng của cuộc đời, không chấp nhận cái thói tha giả tạo của trái tim mình, bắt đầu tra vấn mọi sự, thì người ấy buộc phải hội nhập "trò chơi lớn" nghĩa là men men đi tới ngưỡng cửa tâm linh, hoặc ngưỡng cửa Chân Lý Siêu Việt, Tối Thượng, vượt ra ngoài ước định, tư duy, của con người.

Nhìn lại chính mình

Thật khó khăn biết bao trong việc xóa bỏ mọi ảo tưởng; nhất là việc xóa bỏ những ảo tưởng về chính mình thì hầu như là điều không thể được. Các vị thánh triết, các bậc vĩ nhân luân phiên nhau xuất hiện nơi đời để giải phóng con người, nhưng đôi lúc đành bó tay vì con người từ lâu đã tự giam nhốt chính mình trong lao tù chật hẹp của thói "vị kỷ", của lòng chấp ngã, của những "ý tưởng bản ngã huyền ảo".

Ngài Vivekananda nói: *"Từ ngữ 'Tôi và của Tôi' này đã gây ra tất cả khổ đau. Với cảm giác sở hữu, lòng vị kỷ đồng thời cùng đến, và vị kỷ mang theo khổ đau. Mỗi hành vi vị kỷ và mỗi tư tưởng vị kỷ khiến cho chúng ta ràng buộc một thứ gì, và chúng ta lập tức trở nên nô lệ"*.

Nhưng, ngài Sakurazawa Nyoiti, một vị đại thánh y lưng danh của thế kỷ 20, từng dạy rằng: Biết rõ bệnh tình của mình, tức là đã có thể lành bệnh được một nửa.

Bệnh của chúng ta là những gì?

"Thiền định không thể tập. Trí tuệ không thể tu. Lễ bái một chút là than quá khổ. Mới cầm cuốn kinh đã chán và mệt. Vậy là đối với điều ác thì suốt ngày chịu khó chịu nhọc mà làm."

Khiến cho thân này hết mong giải thoát, như tầm nhả tơ làm kén để tự cuốn tự buộc, như những con thiêu thân tự nhào vào lửa đốt tan xác mình" (Lương Hoàng Sâm quyển 1).

Bệnh chúng ta là: trò chơi dục lạc vụn vặt thì bỏ không nổi, cứ dấn dúi dây dưa mãi hoài, còn trò chơi tôn giáo tâm linh thì không đủ khả năng hội nhập, thiếu căn cơ để tu hành nghiêm túc, chẳng có nghị lực để thực hiện giới luật, thiền định, trí tuệ vô lậu.

Thử theo dõi và nắm bắt mọi tư tưởng cùng hành động của chúng ta trong hai mươi bốn giờ thì cũng tự biết mình là ai, mình là gì. Từ sáng đến chiều, từ chiều đến khuya, ta chỉ nảy ra những ý niệm bậy bạ, những tư tưởng xấu ác. Còn hành động thì sao?

Chúng ta chỉ tạo tác những công việc theo thói quen mê muội, theo tập quán vô minh, máy móc, lúc nào cũng chỉ biết đáp ứng những tham dục dề hèn, những mưu toan hiểm độc, lì lợm.

Trong một ngày đêm mà thôi, tư tưởng hành động lời nói của chúng ta đã xuất sinh vô số tội lỗi, huống chi nói tới một đời người! Do đó, kinh *Hoa Nghiêm* nói: *Nếu tội lỗi mà có hình tướng, thì khắp cả hư không cũng chẳng thể đựng chứa hết được*.

Tại sao chúng ta lại có một lý lịch tối tàn, thể thảm

đến thế? Tại vì lâu nay chúng ta chỉ tìm cầu một sự giải thoát bản thân mà không nương tựa vào năng lực tuyệt đối của Phật. Tại vì chúng ta thêm khát một cái Đốn Ngộ nhỏ bé ở ngoài sức nhiếp thọ của Phật. Bởi ta quá ngu đần và ích kỷ, lúc nào cũng muốn xây dựng một "sự nghiệp tu hành" cách xa với thể tánh giác ngộ của Phật. Chỉ vì ảo tưởng của Ngã Chấp, nên chúng ta đã phát triển một cái "ý thức tự lực", để rồi chúng ta tự ngăn cản chính mình tiếp đón năng lực cứu độ của chư Phật.

Chung quy cũng vì chúng ta không đặt trọn lòng tin nơi Phật lực bất khả tư nghị, và chưa tuyệt đối tín thọ Phật pháp có đủ sức mạnh vô biên trong việc chuyển hóa tâm thức và nghiệp lực của mình.

Lương Hoàng Sâm nói: *"Nên hiểu cái tội không biết tín thọ Phật pháp đúng đầu mọi tội lỗi khác. Chính cái tội ấy làm cho chúng ta trường kỳ không được thấy Phật"*.

Vâng. Nếu không đặt trọn tín tâm nơi Phật, nếu sống cách biệt với năng lực vĩ đại, siêu việt nhân quả của Như Lai, thì dù chúng ta tu hành gian khổ đến mấy đi nữa, rốt cục cũng chỉ là những kẻ nô đùa giỡn cợt cùng tâm linh mà thôi.

Như một con cá nhỏ giữa ao tù nước đọng, chúng ta chưa bao giờ ngửa mặt lên cao để tiếp nhận ánh sáng vô lượng quang minh của chư Phật, chư Bồ-tát.

Như một người thường được dung dưỡng bởi tình thương hạn hẹp của gia đình, được bảo bọc chăm lo bởi tình yêu tràn đầy ngã kiến của cha mẹ, được quý mến bởi tình thương gần gũi của bảy con thơ đại, rồi lớn lên hẳn ta lại được vỗ về, an ủi, bởi một thứ tình nhân ái của láng giềng. Một người như vậy làm sao cảm nhận cái tình thương bao la vô giới hạn của chư Phật, Bồ-tát được?

Như một kẻ suốt đời chỉ tin tưởng vào cộng trừ nhân chia, hoặc đại số học, kỳ hà học, hoặc vi tính điện tử, hay là kỹ thuật công nghiệp, thì làm sao hẳn có thể bước ra ngoài cái vỏ ốc của kiếp người, để dốc lòng tin nhận tuyệt đối vào Trí Tuệ Vô Biên Vô Lượng của chư Phật, Bồ-tát được?

Chư Phật Bồ-tát có cái tâm đại bi vô giới hạn độ thoát thế gian, coi hết thấy chúng sinh như đứa con một. Tâm đại từ bi ấy không bao giờ có sự chán nản mỗi một. Thường tìm việc lành ích lợi hết thấy. Thế diệt cái lửa tham sân si của chúng sinh, giáo hóa cho họ được tuệ giác vô thượng. Chúng sinh chưa thành Phật-đà, thì các Ngài nguyện chưa nhận địa vị ấy. Vì lý do ấy mà nên đặt trọn lòng tin nương về nơi Phật. (Lương Hoàng Sâm quyển 1, bản dịch của Trí Quang thượng nhân).

Sinh nhằm thời mạt pháp, cho nên chúng ta phải thực hiện giải thoát trên nền tảng đức tin, chứ chẳng phải bằng năng lực tâm linh của riêng mình. Trong lời giới thiệu cuốn sách *Perfect Freedom in Buddhism*, Đại sư Suzuki khẳng khái tuyên bố:

"Là những chúng sanh mê muội và muôn đời lầm lạc, điều duy nhất cần thiết cho sự giải thoát của chúng ta chính là đức tin".

Đánh thức đức tin

Pascal, một nhà toán học và vật lý học người Pháp, cuối cùng cũng phải tuyên bố:

"Tất cả đều bế tắc hoàn toàn. Giờ đây, tôi chỉ còn phải giải quyết cuộc sống của tôi bằng Đức Tin!"

Khi người ta hỏi làm thế nào để có được Đức Tin thì ông nói:

- "Dễ dàng lắm, muốn có Đức Tin ư? Bạn chỉ cần làm một việc hết sức đơn giản: đó là quỳ xuống!"

Quỳ xuống!

Điều này có vẻ như đơn giản, nhưng không đơn giản chút nào.

Quỳ xuống, nghĩa là chối bỏ cái thói kiêu căng, hợm hĩnh, ngạo nghễ, đã từng giam nhốt chúng ta tự muôn triệu kiếp dài, để đón nhận những năng lực siêu hình, vĩ đại, toàn giác, bất khả tri của chư Phật, Bồ-tát.

Quỳ xuống, nghĩa là chấp nhận sự bất lực vĩnh viễn của bản thân, để trở về cùng thể tánh nguyên sơ mà mình từng đánh mất trên những hành trình lầm lạc. Ra đi, tức là lỡ đánh mất tất cả, mà trở về là tìm lại được tất cả.

Vâng, bất cứ ai đến thời điểm nào đó, cũng phải trở về. Và người cùng tử trong kinh *Pháp Hoa* cũng thế, trót dẫn thân theo những dục lạc trần thế, nhưng có được gì ngoài tấm thân tiêu tụy, áo quần xác xơ, tâm hồn rách nát. Một hôm chợt nhớ nhung khung trời ấm áp, với những tháng ngày trong veo, yên bình, hân bèn dứt khoát trở về. Giữa đường, gặp Người Cha bây giờ là một đại tỷ phú giàu sang đệ nhất thế giới, hân không nhận ra chỉ vì xa cách quá lâu. Người con quen thói ăn mày, ở đợ, làm thuê, nên chỉ xin hót phân để kiếm cơm qua ngày.

Chúng ta không tin mình vốn là con chính thức của ông tỷ phú Như Lai, mặc dù Ngài đã lắm phen xác nhận.

Tập khí nghĩa là thói quen nô lệ, ăn mày ở đợ, mà chúng ta bị lây nhiễm không biết tự bao giờ, đến nỗi chúng ta đồng hóa thân tâm mình với tập khí hời nào chẳng hay. Cái cố tật nô lệ ăn mày ở đợ ấy đã hóa thành cái Tôi bền chắc hơn thành đồng vách sắt, không gì có thể lung lay, xê dịch nổi.

Nếu hủy diệt tập khí thì chẳng khác nào tự giết mình. Không thể nào, không đời nào, đạo Phật chẳng hề khuyến chúng ta búng tung gốc rễ của tập khí, vì điều đó dường như bất khả.

Trong lãnh vực triết học, tập khí chẳng qua chỉ là tên gọi khác của Bản Năng, một sức mạnh khủng khiếp, ghê gớm, bất tận, có căn nguồn sâu xa mật nhiệm, đủ một ngàn lẻ một phép tắc biến hóa, thần thông quảng đại, luôn luôn sống dai dẳng và điều động tất cả sinh hoạt của ta. Nhưng, bản năng ấy không có thuộc tính cố định, bất biến.

Tùy theo vị thế và hình thức biểu lộ, mà ta gọi là Vô Minh, Nghiệp Lực, Dục

Vọng, Phiền Não, Sở Tri... Do vậy, chúng ta chỉ nên *chuyển hóa thuộc tính* của nó là thượng sách, còn nếu đại đột âm mưu "diệt nghiệp", tận trừ "vô minh", hoặc "diệt dục" thì xem như đụng tới sức mạnh vô địch của Tập Khí, Bản Năng, và nó sẽ phản ứng lại tức khắc bằng những đòn sát thủ khiến chúng ta bị thua cuộc.

Tập Khí, hay Bản Năng, chính là tên giặc phản động bất trị của ta. Không bao giờ ta có thể trừ khử nó được, vì nó vốn ẩn núp kín đáo và linh hoạt trong thâm tâm ta. Ta chỉ nên cải tạo nó với những phương pháp ôn hòa, dễ chịu và thuần hóa nó bằng thủ thuật khéo léo, nhẹ nhàng, kiên trì. Phương tiện thiện xảo này, nhà Phật gọi là Chuyển Ý. Chuyển ý, nằm trong tinh thần câu Nam-mô A Di Đà Phật, có nghĩa là 'Trở về với ánh sáng vô lượng', vì đạo Phật là đạo của sự trở về.

Lương Hoàng Sâm cũng nói:

"... chư Phật thương chúng sinh quá hơn cha mẹ thương con. Nhưng chúng sinh vì u mê che mắt giác tuệ, vì phiền não làm mờ mất tâm tư, không biết Trở Về với các Ngài..."

Khi nảy ra ý định Trở Về cùng Phật, thì chúng ta đã khơi dậy niềm tin ở trong chúng ta. Và xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật nghĩa là xác quyết sự trở về ấy.

Đương nhiên, sự xác quyết ấy cần được lặp đi lặp lại cả triệu triệu lần. Để duy trì việc "Đánh thức Đức Tin", chúng ta cũng nên niệm nhiều, niệm nhiều hơn nữa.

Và rồi giữa lúc tha thiết chân thành xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật, chúng ta sẽ thẳng thốt cảm nhận một sự thực không còn gì có thể thực hơn, không còn gì mầu nhiệm hơn, đó là: chúng ta đang trở về cùng Phật! Nam-mô A-di-đà Phật! ■



Trên đỉnh Tùng Sơn

NHẬT THUẬN

Trăng trên đỉnh Tùng Sơn
Ảnh: Nguyễn Đăng Hòa



Đã lâu mới có lại được những ngày an lạc, tự tại, rỗng rang... dưới mái chùa làng Hà Tân thân yêu, ngôi chùa xưa thuộc xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ngồi ở đỉnh bát giác trông ra là rừng sừng rặng Tùng Sơn như bình phong trước mặt, soi bóng xuống dòng sông Cái, tên chữ là sông Vu Gia, chảy ngang trước cổng tam quan cổ kính rêu phong.

Ở đây lúc nào cũng thấy mây trời. Nhất là sớm mai, khi hơi lạnh của đá núi chưa tan nơi đầu khe cuối lũng, mây luôn lảng đang trôi xuôi về Đông. Sáng nào tôi cũng bắt đầu ngày của mình ở đây. Công phu-tọa thiền- dưỡng sinh- khí công-trà đàm cùng sự trụ trì... Ngồi "nhàn tọa" ở đỉnh bát giác, nhìn về Đông ửng mặt trời hồng, dòng sông Cái hợp lưu với sông Con thành mũi Ba Bến, nơi Hà Tân tự được dựng lập... buông thư, tĩnh tại, lắng nghe, ngắm nhìn. Tất cả vọng tưởng hóa thành mây trắng bay đi. Dáng núi thì vẫn thế, nhưng luôn mới mẻ dù dường như đã được ngắm mòn qua bao lần về thăm lại chùa.

Những phút giây ấy thật vô giá. Tôi thấy mình lặng lẽ vững vàng như đá núi, nhẹ nhàng như mây trời; và với tâm không rỗng rang như bầu trời xanh trên cao, tôi mãi luôn ngồi đó. Hít-thở, buông thư, và quán sát thời- không quanh mình. Thăng hoặc, đôi khi vụt qua những sát-na hồi ức đầy vọng tưởng... nhưng cũng như mây trời, chúng thoáng qua đi không lưu vết. Ngồi đây, nhìn mây phủ trên đỉnh núi mà cứ ngỡ như mình đang trên rặng Tuyết Sơn linh thiêng miền Tây Tạng, nóc nhà của thế giới. Trên đỉnh Tùng Sơn ấy, tôi đã ba lần theo thấy hành cước đăng sơn. Chỉ tiếc, cả ba đợt đều không có mây phủ như sáng nay để có được cảm giác bóng bệnh như bơi trong mây. Chỉ có gió, gió lộng ngày đêm với cây cỏ và đá núi. Trong thất, ngoài thất luôn cảm thấy căng lồng ngực, hít-thở linh khí của độ cao gần ngàn mét này. Ngoài âm thanh vi vu của gió là tĩnh lặng vô cùng. Thỉnh thoảng mới nghe được tiếng con chim rừng nào đó tìm bầy hay tiếng ve theo thời khóa riêng của chúng đánh thức. Thôn Hà Tân cùng ngôi chùa thân yêu dưới kia, với dòng sông Cái, sông Con, với ruộng đồng... nhỏ nhắn như được sắp xếp trên sa bàn. Đối Thường Đức xanh tươi, yên bình như chưa bao giờ trải qua những phút giây sinh-tử của lịch sử ngày xưa. Tất cả thanh bình, yên ả quá giữa đất trời bao la vô tận. Đỉnh Tùng Sơn với năm ngọn đồi thoải thoải hướng Nam, với rừng cây bạt ngàn trên chóp và dọc theo các dòng tiểu khe. Còn lại là phần địa hình thoải thoải tương đối bằng phẳng với diện tích khoảng 400 ha thì chỉ có cây tràm làm chổi quét cùng các loài dương xỉ, lau lách và đặc biệt là loài rêu khô diệu kỳ bám trên những "thạch sàng" chịu đựng nắng gió chờ cơn mưa tới để hồi sinh.



Đêm trên Tùng Sơn; tưởng mình đang ở đầu đó trong phim hoặc truyện *Đỉnh gió hú* của Emily Brontë. Sau bữa thọ trai thanh đạm nhưng ngon miệng, chúng Hà Tân tự theo thấy Đồng Nhãn nổi lửa ngồi quanh nhau dự pháp đàm. Lặng lẽ sao trời thấp sáng tứ phương. Đèn từ đỉnh Bà Nà phía Bắc nhấp nháy và xa kia, hướng Đông bắc là quảng sáng hừng lên bầu trời đêm trong veo từ thành phố Đà Nẵng. Những bài thiền ca nho nhỏ, ý vị được xướng lên và hòa điệu, nhịp nhàng chậm rãi, sâu lắng như hơi thở trong tiếng vi vu hòa âm không ngớt của gió núi, của đất trời... đem lại thanh khí cho đồng đạo quây quần bên nhau quanh Thấy.

Đêm nay, ngày mai, thất này, thêm thất nữa... Ở thành phố, trong căn nhà vây bọc của mình làm sao nghe được tiếng đại hồng chung tỉnh thức mỗi ngày; như khi đang được sống, được tu học dưới mái chùa Hà Tân, nơi có thấy có bạn để cùng sẻ chia niềm an lạc của chốn-thanh-tịnh-độ... ■



Vai trò nữ giới trong cuộc vận động “Sống đơn giản, bảo vệ môi trường”

THÍCH NỮ TỊNH NGUYÊN

Trước hết, chúng ta đều có thể đồng ý với nhau rằng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong thế kỷ 20 vừa qua đã mang lại cho cuộc sống con người những tiện nghi vật chất ngày càng phong phú, cho phép con người có khả năng tiếp cận ngay lập tức với mọi thông tin trên khắp quả đất nếu họ muốn. Ở một mặt nào đó, có thể thấy những tiện nghi vật chất ấy có tác dụng giải phóng con người, đặc biệt là chúng giải phóng người phụ nữ khắp thế giới khỏi những cực nhọc của công việc gia đình, những công việc *bị cho là* không đem lại lợi ích nào cho xã hội mà lại chiếm hết thời giờ của người phụ nữ.

Tuy nhiên, cũng chính những tiến bộ ấy lại kích thích cho xã hội con người ngày càng có nhiều nhu

cầu hơn, khiến cho ở một mặt khác, thay vì con người được thanh thoi để thực tập các giải pháp tâm linh, thì cuộc sống hiện đại lại bắt con người phải tư duy nhiều hơn về việc thỏa mãn các nhu cầu vật chất. Khi đã được giải phóng khỏi những công việc tưởng chừng nhàm chán của việc phục vụ gia đình, người phụ nữ lại lao vào việc bận rộn kiếm tiền khi bị kêu gọi bởi những khẩu hiệu mời gọi mua sắm kiểu như “*thỏa sức mua, đưa sức sắm*”. Với những người có may mắn không cần phải kiếm tiền thì lại bận rộn với việc tiêu tiền. Tất cả những điều đó làm cho người phụ nữ ngày càng xa rời cuộc sống tinh thần, lơ là với sự nghiệp dạy dỗ con cái, xa lạ với đời sống tâm linh.

Ở Á Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng, nhờ có một truyền thống văn hóa hoặc được xây dựng

trên tinh thần từ bi của đạo Phật, hoặc phần lớn cũng chịu ảnh hưởng tinh thần đó, người phụ nữ Việt Nam cũng như người phụ nữ Á Đông hiện nay vẫn còn biết tôn trọng những giá trị thiêng liêng. Có thể nói, nhìn chung người phụ nữ Việt Nam cũng như hầu hết người phụ nữ Á Đông, dù thuộc tôn giáo nào, có trình độ học thức tới đâu, ở địa vị nào trong xã hội, sống trong hoàn cảnh kinh tế như thế nào, vẫn luôn luôn coi trọng đời sống tâm linh, vẫn có lòng yêu thương cuộc sống, biết thể hiện tình lân mẫn một cách tự nhiên; trong nhiều trường hợp, họ là động lực chính để duy trì sinh hoạt tôn giáo trong đơn vị gia đình. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập của thời đại và đôi khi có ảo tưởng về sự bình đẳng tuyệt đối trên phương diện giới tính, đã có những dấu hiệu cho thấy người phụ nữ Á Đông trong đó có người phụ nữ Việt Nam cũng đang có khuynh hướng chạy đuổi theo những giá trị ảo; một điều mà nếu chúng ta không sớm quan tâm nhắc nhở nhau cảnh giác thì đến một lúc nào đó, những ưu điểm của người phụ nữ Á Đông và Việt Nam có thể không được duy trì.

Tiếp theo, một điều nữa mà chúng ta cũng có thể đồng ý ngay với nhau là hạnh phúc của con người thật ra không nằm ở chỗ những đòi hỏi vật chất đều được thỏa mãn. Là người con Phật, chúng ta đều hiểu rằng mọi sự hưng phấn do thành tựu được một công việc nào, một ước muốn nào... thực ra đều chỉ thoáng qua. Ngay sau sát-na hưng phấn đã có thể có những sát-na lo lắng cho công việc phía trước hay buồn phiền vì những hồi tưởng về chuyện đã qua. Mặt khác, Như Đức Phật đã chỉ ra, sự khao khát vật chất là không bao giờ dừng nghỉ. Sau khi đạt được điều này, con người lập tức nghĩ đến việc phải thành tựu điều khác. Việc chạy đuổi theo sự thỏa mãn vật chất như vậy sẽ không bao giờ tận cùng. Hơn thế nữa, những nhu cầu mà con người thời hiện đại cảm thấy cần phải thỏa mãn thường chỉ là những nhu cầu ảo, những giá trị ảo, xuất hiện trong tâm thức của những người chịu sự tác động của quảng cáo.

Ở đây chúng ta cũng nhận thấy hạnh phúc con người không phải lúc nào cũng song hành với nhu cầu phát triển của xã hội, ngay cả khi chúng ta không bàn đến sự chênh lệch trong việc phân phối lợi tức cho mọi thành viên xã hội.

Một mặt, con người có cảm tưởng là xã hội cần phải được phát triển với các chỉ số tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, và vì thế, nền công nghiệp đòi hỏi con người phải tiêu thụ nhiều hơn để có thể làm tăng sản lượng. Một trong những biện pháp thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ của con người là nền công nghiệp luôn luôn tạo ra những sản phẩm mới, thường không phải là những sản phẩm thật sự thiết yếu cho cuộc sống; phụ trợ cho nền công nghiệp sản xuất ấy, ngày nay còn có cả một nền công nghệ quảng cáo, thực chất chỉ là phương tiện khơi gợi những thị hiếu nhất thời của con

người với mục tiêu duy nhất là bán được nhiều hàng hóa hơn, không cần biết những hàng hóa ấy có thực sự phục vụ cho hạnh phúc của con người hay không.

Mặt khác, khi con người phải chạy đuổi theo những sản phẩm luôn luôn mới của nền công nghiệp sản xuất như vậy, họ sẽ chẳng bao giờ cảm thấy có được sự thỏa mãn thật sự. Vừa mới vất vả kiếm tiền và dành dụm để sở hữu một chiếc điện thoại di động đời mới nhất chưa được bao lâu, một người đã thấy bạn bè của mình vung vãi những chiếc điện thoại mới hơn, giá cả cao hơn, có nhiều tính năng phức tạp hơn đôi khi chẳng biết dùng làm gì, trông sang trọng hơn, và được mọi người trầm trồ khen ngợi. Bấy giờ, hạnh phúc của việc sở hữu chiếc điện thoại đời-mới-nhưng-đã-trở-thành-cũ của người ấy lập tức tan theo mây khói.

Đức Phật đã chỉ ra rằng khi con người có ít ham muốn và biết đủ thì con người có được hạnh phúc. Nếu như người có điện thoại di động kia không cần phải thỏa mãn tự ngã bằng việc sắm sửa sao cho có thể sánh vai với bè bạn và hiểu rằng mình chỉ cần một chiếc điện thoại đủ giúp mình liên lạc khi có mặt tại một nơi khó kiếm được điện thoại công cộng, người ấy đã không vất vả để dành tiền kiếm được, và không cảm thấy hụt hẫng khi những người bạn khác có những chiếc điện thoại di động mới hơn. Điều nan giải nằm ở chỗ nếu không ai thiết tha với những chiếc điện thoại di động đời mới thì việc sản xuất của nền công nghiệp liên quan có thể bị đình trệ, sự tăng trưởng của các xã hội liên quan đến việc sản xuất và phân phối tiêu thụ những chiếc điện thoại di động đời mới ấy sẽ chậm lại, và con người có cảm tưởng là xã hội trì trệ. Mọi loại sản phẩm khác cũng thế.

Không những sự tăng trưởng kinh tế không phải lúc nào cũng song hành với hạnh phúc con người; sự tăng trưởng kinh tế và sự phát triển xã hội một cách vội vã đôi khi còn có những tác động xấu đến môi trường sống. Với những khao khát về vật chất để tạo tiền đề cho sự phát triển, con người đang khai thác tài nguyên thiên nhiên đến mức cạn kiệt, đang xả vào cả lớp không khí, lớp nước và lớp đất của quả địa cầu này vô số các loại chất thải độc hại, là nguyên nhân làm cho quả đất ấm dần lên, khiến cho các mô thức khí hậu toàn cầu bị biến đổi, làm tuyệt chủng một số loài sinh vật kém thích nghi, kích thích sản sinh những loài sinh vật lạ, phá hoại sự cân bằng sinh thái, gây nguy hại đến sự sinh tồn của loài người.

Những điều vừa trình bày ở trên hoàn toàn không mới, nếu không nói rằng hầu như mọi người đều đã biết. Chúng ta cũng chứng kiến vô số những cuộc vận động chưa thành công của các nhà hoạt động bảo vệ môi trường. Những cuộc thương thảo quốc tế về vấn đề chất thải hay vấn đề hiệu ứng nhà kính chẳng hạn, vẫn luôn gặp trở ngại không thể vượt qua chỉ vì có những nhà sản xuất hàng đầu không muốn giảm sản



Ảnh: M.Q

lượng của họ, không muốn chia sẻ thu nhập của họ cho lợi ích của mọi người trên thế giới. Trong điều kiện ấy, người tiêu thụ cần phải biết tự bảo vệ mình, bằng cách thúc đẩy mọi người sống theo tinh thần ít ham muốn và biết đủ của nhà Phật.

Trong một chừng mức nào đó, vai trò của người phụ nữ rất quan trọng đối với việc quảng bá tinh thần sống biết đủ và ít ham muốn này. Như đã phân tích ở trên, người phụ nữ vốn có nhiều quan tâm đến đời sống tâm linh hơn, chỉ vì một số người bị tác động bởi các hoạt động quảng cáo mà họ có khuynh hướng lơ là những giá trị tinh thần. Khi được vận động đúng mức, người phụ nữ, với lòng yêu thương cuộc sống, với tình lân mẫn sẵn có theo thiên tính phụ nữ, dễ dàng mở rộng lòng thương, dễ dàng biết tôn trọng sự sống.

Điều quan trọng nhất nằm ở chỗ người phụ nữ vẫn đang có vai trò người thầy đầu tiên của nhân loại. Thật vậy, từ khi con người biết tổ chức cuộc sống cộng đồng, sự dạy dỗ ban đầu đến với đứa trẻ sơ sinh là sự dạy dỗ của người mẹ. Và trong việc hình thành nhân cách, những bài học đầu tiên trong đời người luôn luôn có giá trị quyết định. Chính vì thế, nếu vấn đề “sống đơn giản, bảo vệ môi trường” được phụ nữ ủng hộ thì sẽ đem lại những lợi ích rất thiết thực cho xã hội chúng ta ngày nay. Có thể khẳng định rằng quan tâm đến vai trò của người phụ nữ là một trong những yếu tố quan trọng để bảo đảm sự thành công của cuộc vận động “Sống đơn giản, bảo vệ môi trường”.

Khi không có một thang giá trị đúng để hiểu được thế nào là hạnh phúc, con người dễ dàng lao theo những nhu cầu ảo và những giá trị ảo. Nắm bắt được tâm lý con người là thích thể hiện bản ngã sao cho độc đáo, khác

người, nên công nghệ quảng cáo luôn tìm cách đánh trúng những thị hiếu nhất thời của con người để khơi gợi những thèm muốn vật chất, buộc con người phải vất vả theo đuổi. Đối tượng mà ngành quảng cáo đặc biệt nhắm tới là những người trẻ chưa có đủ kinh nghiệm sống. Trong lúc chúng ta không thể ngăn chặn các nhà quảng cáo tiếp tục rót vào tai lớp trẻ những lời đường mật khuyến dụ cho chủ nghĩa tiêu thụ, và chúng ta cũng không thể chặn đứng những nhà sản xuất tiếp tục đưa ra những sản phẩm không thiết thực đối với đời sống, chúng ta cần vận động giới phụ nữ hiểu rõ tác hại của chủ nghĩa tiêu thụ để giáo dục con em họ ngay từ lúc tuổi thơ đừng bị choáng mắt bởi những cám dỗ vật chất mà lao theo những ham muốn không có chỗ dừng.

Theo tôi nghĩ, những người phụ nữ trẻ, đặc biệt là giới phụ nữ trẻ trí thức và có lòng tin Phật, cần tổ chức những nhóm nhỏ khuyến khích nhau tìm hiểu cụ thể những tác hại của chủ nghĩa tiêu thụ, nhận định sâu sắc về ý nghĩa của hạnh phúc, xác định những lợi ích của cuộc sống biết đủ và ít ham muốn, trước hết, tự mình từ bỏ những ý thích nhất thời trong các hoạt động mua sắm không thiết thực; sau đó mở rộng phạm vi hoạt động, hướng tới những người phụ nữ thuộc các giới khác, khuyên nhủ họ nên thận trọng trong việc mua sắm. Trên hết, mỗi người phụ nữ đều có ý thức hướng dẫn con em mình trong việc chọn các mặt hàng thích đáng phục vụ cho những nhu cầu thiết thực của cuộc sống, không chạy theo những đua đòi thời thượng, không để bị tác động của quảng cáo, thì ít ra chúng ta cũng ngăn chặn được phần nào những tác hại môi trường đang ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống của chúng ta. ■



Từ lâu lắm rồi, tôi không nhớ chính xác thời điểm mà chỉ nhớ dạo đã bước chân vào học trường trung học Bồ Đề Sài Gòn (nay là trường Đồng Khởi ở quận 1), mỗi khi lâm vào tình trạng khó khăn là tôi niệm: “Nam-mô Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát”. Những lần niệm ban đầu, tôi chỉ mong sao nhờ việc trì niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm đại từ đại bi mà mình bớt khổ, tiêu tan đi sự tuyệt vọng. Nhưng nay trải qua cuộc sống tương đối dài với đầy đủ cung bậc lên cao xuống thấp hỷ nộ ái ố xen kẽ tràn đầy, tôi như bừng tỉnh với đôi điều ngộ được từ ba chữ “Quán Thế Âm”.

Quán Thế Âm có nghĩa là lắng nghe một cách sâu

sắc, trọn vẹn những âm thanh, tiếng nói của cuộc sống, cuộc đời. Chữ Quán ở đây hàm nghĩa lắng nghe trong sự hiểu biết cộng với sự quan sát sâu sắc của lòng yêu thương từ ái. Bồ-tát Quán Thế Âm là vị Bồ-tát đã được người đời nghĩ tới và niệm danh hiệu của Ngài vì Ngài đã nguyện luôn lắng nghe tiếng kêu thương của cuộc đời. Không chỉ lắng nghe mà Ngài còn có mặt với lòng từ bi vô bờ và tình yêu thương hết mực, giúp cho con người bớt khổ và đạt được sự giải thoát. Rõ ràng là không thể từ bi hỷ xả, yêu thương toàn diện nếu không biết lắng nghe. Tôi đã niệm Bồ-tát Quán Thế Âm với sự mong muốn lắng nghe cuộc đời một cách tròn đầy.

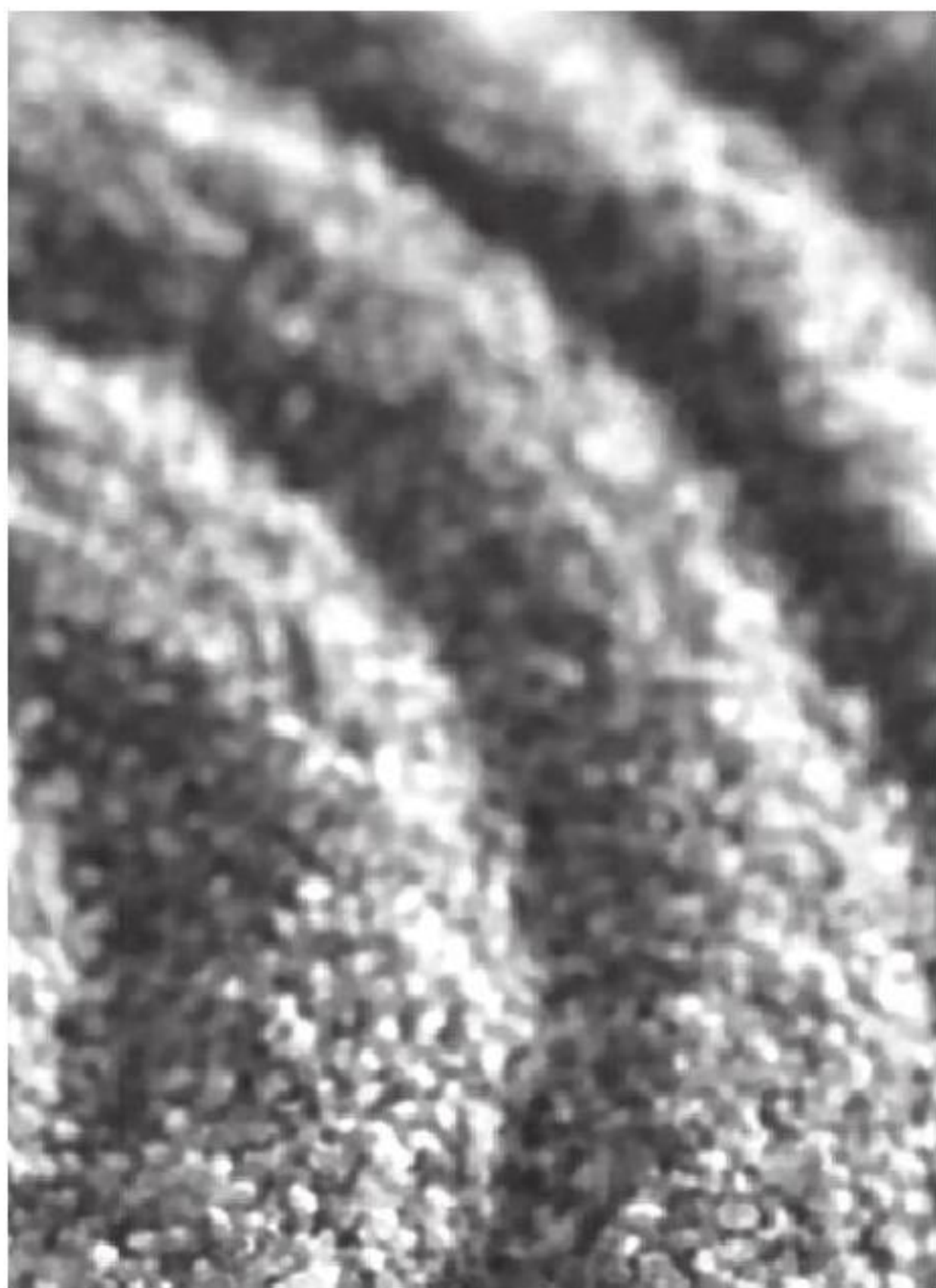


Làm sao lắng nghe được cuộc đời một cách tròn đầy nếu tâm thức không rỗng rang vắng lặng? Một mẩu chuyện thiền đọc từ lâu chợt hiện ra khi lòng mong muốn nhồi nhét thêm những kiến thức vô bổ hoặc những suy tưởng vì sự tham cầu hiểu biết cao siêu nhằm đạt thành tựu nào đó. Một vị giáo sư đại học đến tham vấn một thiền sư về thiền. Thiền sư mời vị giáo sư ngồi tại thư phòng và tự tay rót trà mời khách. Nước trà được rót đầy tách của khách nhưng vẫn được tiếp tục rót. Vị khách ngạc nhiên ngồi nhìn hiện tượng khá kỳ quái kia một lúc và không chịu được, buột miệng kêu lên: "Thưa thầy, nước đã đầy tràn rồi không thể rót thêm nữa!". Khi ấy, thiền sư mới ngừng rót trà và nói: "Cũng giống như tách trà này, tâm ông đã tràn đầy những tư tưởng định kiến, làm sao tôi có thể nói với ông về thiền nếu chính ông không làm trống rỗng cái tách của ông đi?".

Làm sao biết lắng nghe tiếng đời một cách trọn vẹn trong khi lòng cứ mãi so đo vì cái gọi là "nhị nguyên đối đãi". Gần như trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống, ta không làm chủ được những dòng tư tưởng suy nghĩ hiện ra trong đầu ta. Những phóng hiện của quá khứ hoặc những phỏng đoán tương lai cứ chập chùng hiện ra đối nghịch với khả năng nhận thức tức thời hiện tại làm cuộc đời ta mãi đắm chìm trong vọng động. Mẩu chuyện thiền sau đây nói lên phần nào sự đè nặng của quá khứ lên cuộc sống hiện tại và làm cho ta không trực nhận những gì mình đang sống, mà như thế thì làm sao lắng nghe được

cuộc sống. Hai thiền sư cùng đi trên quãng đường lấy lợi dưới cơn mưa trấu hạt và tìm cách băng qua cánh đồng ngập ngàn. Đến một con suối nhỏ, họ gặp một cô gái trẻ xinh đẹp đang loay hoay không biết làm sao băng qua con suối mặc dù nước chỉ ngập đến đầu gối. Ngay lập tức một thiền sư lên tiếng: "Đi nào, cô gái!". Và nhắc bổng cô gái trên tay mình, ông mang cô vượt qua bờ bên kia của con suối. Vị thiền sư thứ hai ngạc nhiên nhưng chỉ im lặng lắng lui bước theo vị thiền sư thứ nhất. Khi hai thiền sư đến một ngôi chùa có khung cảnh rất đẹp thì vị thiền sư thứ hai không chịu được nữa, ông ta lên tiếng: "Chúng ta là người tu hành, không nên chung đụng với nữ giới, nhất là người trẻ đẹp. Tại sao sư huynh lại làm như thế?". Vị thiền sư thứ nhất chỉ vào đóa hoa rất đẹp trong khu vườn của chùa và nói: "Sư huynh không thấy hoa ở đây quá đẹp và thơm lòng quá đỗi kia kìa! À, cô gái đó... tôi đã bỏ cô ta xuống từ lâu rồi, sư huynh vẫn còn mang cô ta theo đó hay sao?".

Làm sao ta có thể lắng nghe một cách sâu sắc khi tâm ta cứ mãi xao động, huyền thuyên đến độ ta phải than thảm: "*Tâm viên ý mã*". Ta chỉ có thể lắng nghe khi tâm ta xả bỏ hoàn toàn để đạt được trạng thái gọi là "*tâm tĩnh lặng*". Chợt nhớ một công án thiền đã được đọc, đó là "âm thanh của tiếng vỗ chỉ một bàn tay". Ai cũng có thể nghe được âm thanh của hai bàn tay khi vỗ vào nhau nhưng làm sao nghe được âm thanh của tiếng vỗ chỉ một bàn tay? Chuyện thiền kể rằng sau khi được sư phụ trao cho công án, vị thiền



sinh trẻ tuổi ngày đêm tọa thiền những mong nghe âm thanh của tiếng vỗ một bàn tay. Thời gian đầu, người đó nghe đủ mọi âm thanh qua tiếng vỗ một bàn tay, nào là tiếng cú kêu, tiếng mưa rơi, tiếng sóng vỗ của biển, tiếng gió thổi, tiếng khóc thầm của người đau khổ, tiếng cười của kẻ đang có niềm vui,... nhưng tất cả đều không phải. Cuối cùng sau nhiều năm công phu nghiền ngẫm, vị thiền sư đạt trạng thái nhập vào chánh định và giác ngộ. Phải chăng chính nhờ tâm tĩnh lặng mà từ việc lắng nghe được mọi âm thanh của cuộc sống với thái độ “thống tay đi vào chợ”, vị thiền sư lắng nghe cả cái gọi là “vô thanh” với chỉ tâm thức giác ngộ mới cảm nhận.

Tâm tĩnh lặng thường được cho là “điều bất khả tư nghị”. Người nào đạt tâm tĩnh lặng thì chỉ có người đó biết thôi. Hiện nay, khoa học đang chạm tay vào “điều bất khả tư nghị này”. Một thầy thuốc cao tuổi đã phát biểu đôi điều về thành tựu của khoa học bộ não như sau: “Tâm tĩnh lặng không phải là cái gì trừu tượng mà dùng điện não đồ EEG ta có thể đo được và chứng minh được một cách khách quan tâm thức đặc biệt này. Ngành khoa học não bộ kết hợp với Nhân chủng học nghiên cứu sự phát triển não bộ con người qua hàng triệu năm và ghi nhận có sự khác biệt giữa não bộ của người và não bộ của khỉ là loài tiến hóa hơn hết kế cận con người. Sự khác biệt đó chính là vỏ não (cerebral cortex). Bộ não của loài người có hai phần, phần ở trong gọi là hệ limbic (limbic system), phần này mọi loại động vật đều có; còn phần bao ở ngoài gọi là

vỏ não có phát triển một ít ở loài khỉ nhưng phát triển tốt bậc ở loài người. Hệ limbic được xem như là vùng não nghiêng về hoạt động tình cảm và bản năng (như bản năng sinh tồn, bản năng truyền giống...). Còn vỏ não là vùng điều khiển hoạt động ngôn ngữ, ý thức và vùng này phát triển theo đà tiến hóa của não bộ, đặc biệt, tiến hóa gần như hoàn chỉnh ở loài người. Sản phẩm của sự phát triển, tiến hóa vỏ não ở con người chính là nền văn minh, những phát minh khoa học kỹ thuật được hình thành của xã hội loài người. Tuy nhiên, sự phát triển tiến hóa của vỏ não cũng đưa đến những tác hại. Từ ý thức, con người nhận thức ra cá nhân, tức là “cái tôi” khác biệt và luôn mong muốn “cái tôi” vượt trội hơn người khác. Từ đó đưa đến tham vọng sở hữu mọi thứ kể cả sở hữu đồng loại và thiên nhiên. Cũng từ đó con người mất khả năng nhìn thấy sự thật khách quan, tức nhìn thấy sự thật đúng như sự thật. Mất khả năng nhìn thấy sự thật khách quan và muốn vũ trụ xung quanh theo ý mình là nguồn gốc của “vô minh” và là nền tảng của “ngã mạn”. Thông thường khi ta bị dẫn dắt bởi “vô minh” hay bởi “tham, sân, si” thì tâm ta loạn động. Muốn tâm hết loạn động chỉ có một cách là tâm tĩnh lặng. Thiền là phương thức tuyệt vời giúp tâm tĩnh lặng. Khi ta thư giãn để tâm tĩnh lặng rồi nhờ thiết bị đo EEG, ta thấy tần số rung động của vỏ não khi đạt trạng thái này vào khoảng 8-10 Hz, tần số này gọi là tần số alpha. Đây cũng là tần số rung động của vỏ não ở một tâm “vô ngã”, ở trạng thái thiền. Nhiều nghiên cứu cho thấy não bộ hoạt động hữu hiệu nhất ở tần số alpha. Người ta cũng chứng minh khi con người học hỏi, nhận thức điều mới lạ, không cố chấp thì các tế bào thần kinh ở não bộ sẽ kết nối một cách uyển chuyển (plasticity of nervous system) và dẻo dẹo hơn. Khi ta tập tĩnh lặng để xuất hiện tần số alpha thể hiện ở não bộ, tâm sẽ sáng suốt với ý thức mở rộng sự hiểu mình và hiểu người, tư tưởng cố chấp của vô minh sẽ ít dần đi. Khi não bộ hoạt động ở tần số alpha cũng có nghĩa là ta làm chủ được những dòng tư tưởng suy nghĩ hiện ra trong đầu, không để ám ảnh quá khứ và phỏng đoán tương lai ảnh hưởng đến hiện tại và khi đó, khả năng nhận thức tức thời ở hiện tại rất nhạy” (Bác sĩ T.M.T, *Vô minh và Khoa học não bộ*).

Làm sao lắng nghe trọn vẹn nếu chỉ biết lắng nghe chính mình, lắng nghe người khác mà không biết lắng nghe tất cả những gì gọi là cuộc sống chung quanh? Một mẩu chuyện thiền lại chợt hiện ra. Một thiền sư đang đàn thuyết giảng. Cử tọa im lặng chờ đợi những lời thi vị và bổ ích sẽ được thốt ra. Nhưng thiền sư chỉ im lặng một thời gian và sau đó tuyên bố đã thuyết giảng xong. Mọi người ó lên ngạc nhiên quá đỗi. Thiền sư nói: “Này giờ quý vị có nghe rõ tiếng chim hót líu lo vang từ bên ngoài vào trong giảng đường này không? Đó chính là bài thuyết giảng của tôi đấy”. ■

Học nghe, học nói

Những người đã làm cha, làm mẹ chắc hẳn không quên niềm hạnh phúc lâng lâng khi con mình oe oe cất tiếng khóc chào đời, không quên quãng thời gian kỳ diệu khi con lớn lên từng tháng, từng ngày, biết lật, biết bò, chập chững đi, biết cười, biết làm nũng, ... và tiếng nói đầu tiên trong đời của bé là dành cho mẹ, cho cha. Từ tiếng nói đó, mầm ngôn ngữ lớn dần lên thành cây, và khi trẻ càng nhận ra thế giới xung quanh thì cây đã lên xanh và đâm chồi nảy lộc. Rồi sẽ đến ngày thế giới xung quanh trẻ mở rộng đến trường mầm non.

Khi trẻ chuẩn bị vào lớp Một thì cha mẹ phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn, không chỉ là chuyện lo lắng xoay sở tài chính, chuyện đưa đón con vất vả. Chọn trường nào đây, trường gần nhà thì tiện nhưng không có tiếng tăm gì, còn trường điểm, trường lớn thì lại trái tuyến, xin con vào gian nan mà chưa chắc được. Rồi một vấn đề không đơn giản chút nào: Liệu có cần cho con

biết đọc, biết viết chữ cái trước khi vào lớp Một? Trên nguyên tắc và theo chương trình học, giới chức phụ trách giáo dục tiểu học luôn xác định lớp Một là lớp khởi đầu học chữ, cho nên trẻ không cần biết đọc, biết viết trước khi vào lớp Một. Nguyên tắc là thế, nhưng thực tế, trẻ không biết chữ ngu ngơ, chưa chừng trở thành cá biệt trong lớp. Vì vậy, để cho chắc ăn, cha mẹ và trường mẫu giáo đã “hót trước” việc dạy chữ, làm cho bài học khai tâm ở lớp Một trở thành lạc điệu.

Trong cuộc chạy việt dã của học vấn, rất nhiều vận động viên tí hon đã qua khỏi vạch xuất phát trước tiếng còi ra hiệu lệnh và chạy thật nhanh trên chặng đầu. Không ít cha mẹ phần khởi tự hào thấy con mình mới năm đầu tiểu học đã đọc vài dòng trên sách, viết được từ ngữ thông thường, làm toán cộng trừ nhiều hơn một chữ số, cá biệt lại còn học tiếng Anh, làm quen máy vi tính, chơi game. Phải chăng đó là tiền đề để trẻ tiến vững chắc trên con đường học tập, trước hết là



CAO HUY HÒA

bậc tiểu học và trung học cơ sở? Rất tiếc là niềm hy vọng đó phần lớn bị lụi dần đi và thực tế cho thấy phần đông trẻ em cứ hàng năm càng rơi rụng kiến thức căn bản mà cứ phải lên lớp trên.

Chuyện biết đọc, biết viết thì sớm muộn gì trẻ cũng sẽ làm được, nhưng một vấn đề vô cùng lớn lao, trong suốt thời gian học tập ở trường và kể cả suốt cuộc đời là: đọc gì? viết gì? Dĩ nhiên đọc và viết là do học, học theo chương trình và theo giảng dạy của thầy cô, nhưng nếu học sinh chỉ thụ động làm theo thầy cô, chỉ biết học một biết một, và sau đó rơi rụng, thì quá lắm chỉ viết theo kiểu đọc chép, học thuộc lòng, học theo bài mẫu, để rồi trí óc trẻ cùn mòn, trẻ chẳng coi đi học là nguồn vui. Cho nên sau khi biết đọc, biết viết, trẻ cần phải biết đọc và viết những gì mình học, những gì mình thích, những gì mình suy nghĩ, và trẻ thể hiện những việc đó ngay từ bậc tiểu học, tạo đà thuận lợi cho việc học lâu dài, một cách chủ động và hứng khởi.

Cơ sở của hoạt động học tập của trẻ là gì? Đó chính là bốn kỹ năng ngôn ngữ căn bản: Nghe, Nói, Đọc, Viết; liên hệ qua lại với nhau bởi hai yếu tố:

- Cách thức truyền thông: bằng miệng hay chữ viết.
- Hướng truyền thông: nhận được hay phát đi.

Ta có thể biểu diễn quan hệ giữa các kỹ năng đó như bảng dưới đây:

Trẻ	Miệng	Chữ
Nhận được	Nghe	Đọc
Phát đi	Nói	Viết

Quá trình giáo dục trẻ bắt đầu từ kỹ năng *Nghe*. Trẻ còn bé, nói chưa được nhưng nghe được, biết được những gì trẻ có thể nghe và đáp ứng bằng cử chỉ, nét mặt, nụ cười,... Bé nghe được từ miệng người khác, trước hết từ cha mẹ, anh chị trong nhà; sau đó, cha mẹ cũng cần cho bé nghe những âm thanh phong phú của cuộc sống: chó sủa, gà gáy, ve kêu, chim hót, sóng vỗ,... kể cả nhạc thích hợp, tuy nhiên, rất nên đưa đến bé những âm thanh sống động của chính cuộc đời thực gần gũi với bé. Bé tiếp nhận thực tế càng phong phú thì sau này trí tưởng tượng càng giàu có, và đó chính là căn bản của tư duy. Rồi đến lúc bé nói được, thì cần được giáo dục đồng thời hai kỹ năng *Nghe* và *Nói*. Giáo dục trẻ giai đoạn này trước hết là cha mẹ, rồi nhà trẻ, mẫu giáo, và giai đoạn này là vô cùng quan trọng ươm mầm phát triển trí tuệ, và là cơ sở để trẻ đi vào bốn kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết, từ tiểu học cho đến hết cuộc đời.

Ở những năm đầu bậc tiểu học, từ mức độ thấp dần dần đến mức độ cao hơn, trẻ cần được hướng dẫn để nói rõ, đúng ý, đúng từ, đúng câu, tiến đến diễn tả một ý tưởng, nghe được rõ ràng một đoạn đối thoại hay một chuyện kể, một đoạn văn, dùng ngôn ngữ giao tiếp một cách rõ ràng với thầy cô và bạn bè, những người thân trong gia đình, và với mọi người. Về mặt nhân cách, những kỹ năng Nghe, Nói giúp trẻ tự tin, khắc phục tính rụt rè để tập nói, dám nói (rất nhiều thầy cô nhận xét rằng học trò ngày nay, rất ít nói khi cần nói, nói lí nhí chẳng đầu vào đầu, nhưng lại giỏi... nói chuyện trong lớp!). Hầu như trẻ em rất ít được giáo dục về Nghe và Nói (ngoại trừ tất nhiên các em phải nghe thầy cô giảng), mà phần lớn được rèn Đọc, Viết, làm Toán.

Hướng dẫn kỹ năng ngôn ngữ căn bản là vấn đề chung cho giáo dục mọi nơi, nhưng không phải mọi nơi đều làm tốt. Ngay ở nước Anh, một nước có truyền thống giáo dục tốt và là một mô hình giáo dục cho nhiều nước trên thế giới, cũng nhìn nhận thực tế là học sinh thiếu hụt các kỹ năng đó một cách nghiêm trọng. Trên trang web của tờ báo danh tiếng *The Times* của Anh, ngày 15/9/2009, xuất hiện một bài với tiêu đề ấn tượng: *Children struggle in school with lack of basic language skills* (tạm dịch: Trẻ em đánh vật ở trường với thiếu hụt kỹ năng ngôn ngữ căn bản), nêu ra những tổn

tại nhức nhối trong giáo dục, ảnh hưởng không tốt cho tương lai đất nước.

Do đâu trẻ thiếu kỹ năng cơ bản đó? Bài báo chỉ rõ: *"Vi cha mẹ thời nay dùng ít thời gian trò chuyện với con trẻ trong những bữa ăn gia đình, cũng như đọc cho trẻ nghe những câu chuyện trước khi trẻ ngủ".* Bà Jean Gross, nhà tâm lý giáo dục, cố vấn truyền thông của chính phủ Anh, đã xác nhận: *"Người lớn sống càng ngày càng bận rộn hơn và phần đông không dành đủ thời gian chuyện trò với con như những thế hệ trước đã làm".* Đó là về phía cha mẹ. Về phía nhà trường, bà phê phán sự nhấn mạnh quá mức về việc dạy biết đọc, biết viết, biết làm toán ở trường mà bỏ qua việc huấn luyện ngôn ngữ.

Bà chỉ ra rằng 18% trẻ năm tuổi không đạt được mức độ kỳ vọng về ngôn ngữ trong lứa tuổi đó. Nhiều học trò Anh da trắng giống như người ngoại quốc trong lớp, không thể hiểu lời dạy hay phát âm rõ ràng những nhu cầu căn bản, Bà Gross nói. *"Chúng không thể hiểu, vì thế chúng bị thất bại trong lớp". "... Trẻ em loại rất nghèo nghe khoảng 600 từ trong một giờ so với 2.000 từ đối với những trẻ gia đình khá giả. Những trẻ thuộc tầng lớp kém thuận lợi cũng thường hay bị than phiền - chỉ nghe được một lời khuyến khích và hai lời khuyên răn so với sáu lời khuyến khích và một lời khuyên răn đối với những trẻ giàu có hơn. Một phần ba số học sinh đánh vật với ngôn ngữ tiếp tục có những khó khăn về sức khỏe tinh thần. Chúng cũng gần như có vấn đề về cư xử".*

Bà phân tích: *"Nền tảng của biết đọc, biết viết và làm toán là ở chỗ trẻ có thể nói được. Nhà trường đã đặt trọng tâm nâng cao trình độ trong những lãnh vực này nhưng không dành nhiều thời gian để dạy trẻ tự diễn tả ý nghĩ của mình".* Bà cảnh báo chuyện trẻ em thiếu kỹ năng sử dụng ngôn ngữ là một vấn đề nghiêm trọng, điều đó khiến những học sinh rời trường mà thiếu phẩm chất, với những vấn đề về sức khỏe tinh thần và dính líu đến tội phạm. Bất hạnh thay, những trẻ như thế phần đông thuộc về những gia đình khốn khó.

Ngoài ra, mọi gia đình nền cảnh giặc với một thủ phạm gây nên sự trì trệ về kỹ năng ngôn ngữ ở trẻ, đó là *tivi và máy vi tính*. Nhiều khảo sát khoa học đã chỉ ra rằng, hiện tượng trẻ em và trẻ tuổi *teen* đối diện với màn hình bình quân sáu giờ mỗi ngày không giúp chúng tiến bộ về mặt ngữ vựng. Nghe nhìn như vậy là hình thức không tương tác, khiến trẻ thụ động. Càng nhỏ thì trẻ càng cần nghe và nói theo kiểu tương tác, tức là trẻ đối thoại với người trước mặt, có thể luân phiên nghe và nói, có thể hỏi để được giải thích, xin lặp lại hoặc để nghị người đối thoại nói chậm hơn.

Cuộc sống càng văn minh thì càng ngày càng có nhiều phương tiện hỗ trợ giáo dục: truyền thông đa phương tiện, học qua mạng, trò chơi vui để học,... hết thảy đều có ích nếu được nghiên cứu kỹ nên dùng khi nào, cho trẻ loại nào, liều lượng ra sao, và nhất là có sự hướng dẫn của thầy cô và cha mẹ có hiểu biết. Nhưng

hơn hết là người thật, việc thật, là nghe, nhìn, nói, ca hát, chơi đùa giữa trẻ với nhau, giữa trẻ với cha mẹ và anh chị em, giữa trẻ với cô giáo; trong nhà, trong lớp học, trong công viên hoặc một nơi vui chơi phù hợp lứa tuổi.

Còn với trẻ từ sơ sinh cho đến tuổi đi mẫu giáo, thì chính cha mẹ, chứ không ai khác, phải giáo dục hai kỹ năng Nghe Nói cho trẻ. Tất nhiên, nhà trẻ và mẫu giáo cũng có bài bản huấn luyện trẻ về hai kỹ năng này, nhưng cha mẹ là người làm việc hiệu quả nhất, xứng đáng nhất. Tương tác giữa cha-con, mẹ-con là tương tác một-một, khi nào cũng có thể thực hiện, hiệu quả cao vì có thể kiểm chứng tức thời và linh hoạt điều chỉnh, và nhất là đó là tương tác giữa hai tâm hồn yêu thương. Không có tình thương ruột thịt thì làm sao có thể kể chuyện cho con trước khi con ngủ? Không truyền tình cảm mẹ con thiêng liêng thì làm sao bà mẹ ngày xưa đấu tắt mắt tối lo chuyện nhà, chuyện đồng áng, vẫn đưa con vào giấc ngủ bằng điệu hò ru em? Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý hát ru có tác dụng làm gia tăng khả năng ngôn ngữ của bé (và cả cảm nhận nghệ thuật về sau), và để cao vai trò của bà mẹ trong việc giúp trẻ phát triển vốn từ vựng, cũng như uốn nắn khả năng nói của trẻ.

Thực tế là mọi cha mẹ đều hết lòng lo cho con, hy sinh vì con; nhưng thực tế là một số trẻ đáng kể vẫn tiếp tục hụt hơi trên giai đoạn đầu của cuộc đời học tập, đó là chưa nói đến một số trẻ vị thành niên sớm chán học, đi theo tệ nạn xã hội, dẫn đến tội phạm. Lo cho con giấc ngủ, chỗ chơi, bữa ăn, áo quần, giày dép, sách vở, lo trường, lo học thêm, lo trái gió trở trời,... cho đến sắm máy vi tính, điện thoại di động, nào biết bao hy sinh, vất vả vì con, nhưng, lo vật chất đã đành, lo cho con đến trường đã đành, cha mẹ còn làm sao dành thời gian cho bé để *nói cho con nghe và nghe con nói*, lần lần thế giới của bé ngày càng phong phú hơn cũng như bé giàu kỹ năng Nghe Nói hơn, sau đó bé đến trường thì cha mẹ cũng đồng hành với bé: bé đi học thì cha mẹ cũng học, học để dạy bé, hiểu bé, chơi đùa cùng bé và hợp tác với trường để dạy bé.

Ngày nay, tại các thành phố lớn, cha mẹ bận rộn công việc ngoài xã hội, thời gian dành cho gia đình ít đi, cho nên sẵn sàng thuê thầy cô dạy riêng bé, hoặc gửi bé đến trường nhiều giờ hơn; đó là một giải pháp không phải hoàn toàn tốt đẹp. Dẫu sao thì cha mẹ cần có kế hoạch thời gian hợp lý, phân công nhau, đầu tư công sức để sống với bé. Biết bao nhiêu trường hợp trẻ khó dạy, trẻ bỏ học, trẻ đua đòi ăn chơi, trẻ kết băng đảng quậy phá,... là từ những gia đình mà cha mẹ ít trực tiếp giáo dục con, khoán trắng con cho trường. Mong sao xã hội lo lắng tận tình cho những trẻ em có hoàn cảnh khốn khó, chứ đừng bắt xã hội phải gánh chịu tai ương từ những quý tử thừa mứa vật chất.

Vậy thì, xét cho cùng, giàu thời gian lo cho con là cái giàu hiệu quả nhất, hạnh phúc nhất của các bậc cha mẹ, là đóng góp thiết thực cho tương lai nước nhà. ■

Chuyện

Kẻ làm hại vườn

TẤN NGHĨA

Thuở trước, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, một ngày hội lễ được tổ chức ở đây. Bắt đầu từ khi nghe tiếng trống lễ hội, toàn thể dân chúng trong thành ào ra tham dự. Lúc bấy giờ nhà vua nuôi rất nhiều khỉ. Người giữ vườn suy nghĩ: “Thành phố vui chơi lễ hội, ta sẽ bảo những con khỉ này tưới nước, còn ta sẽ đi chơi lễ hội”. Anh ta đến con khỉ đầu đàn và hỏi:

- Nay bạn khỉ chúa, vườn này đã giúp đỡ các bạn nhiều. Các bạn ở đây ăn hoa trái và đọt non. Thành phố hôm nay đang vui chơi lễ hội. Ta sẽ đi dự hội. Cho đến khi ta về các bạn có thể tưới nước giúp các cây non trong vườn này không?

- Lành thay, chúng tôi sẽ tưới.

- Vậy, các bạn hãy cẩn thận.

Để chúng có thể tưới nước, người giữ vườn đưa cho chúng những bao da chứa nước và các thùng gỗ, rồi ra đi.

Các con khỉ lấy bao da chứa nước và các thùng gỗ, bắt đầu tưới nước cho các cây non. Con khỉ chúa nói với chúng

- Nay các bạn khỉ, hãy giữ gìn nước. Khi các bạn tưới nước lên các cây non, trước hết hãy kéo những cây ấy lên, xem rễ của chúng như thế nào. Những rễ nào đâm sâu thì tưới nhiều nước vào rễ. Rễ nào không đâm sâu hãy tưới ít nước. Nếu tưới nhiều nước chúng ta sẽ khó tìm thêm nước.

Chúng vâng theo và làm đúng như vậy. Lúc bấy giờ một người hiền trí thấy các con khỉ làm như vậy trong vườn của vua liền hỏi:

- Nay các bạn khỉ, sao các bạn lại kéo các cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ?

Chúng trả lời:

- Chúa khỉ đầu đàn của chúng tôi khuyên như vậy!

Nghe chúng nói, người hiền trí ấy suy nghĩ: “Ôi, những kẻ ngu si vô trí, dẫu muốn làm điều tốt lại làm điều có hại”.

(Chuyện Tiền thân Àramadùsaka, Jataka 46)



Các con khỉ được nuôi sống trong khu vườn của nhà vua: *"... vườn này đã giúp đỡ các bạn nhiều. Các bạn ở đây ăn hoa trái và đợt non".* Vì thế, khi người giữ vườn nhờ tưới nước, khỉ chúa nhận lời ngay *"... lạnh thay, chúng tôi sẽ tưới".* Câu chuyện khởi đầu với những suy nghĩ, những ước mơ tốt đẹp. Để có thể tưới nước, những con khỉ bắt đầu "suy luận khoa học". Con khỉ chúa lập luận rất hợp luận lý. Hoàn cảnh khách quan là khó tìm nước tưới, cho nên *"nếu tưới nhiều nước chúng ta sẽ khó tìm thêm nước".* Vì thế, suy luận tiếp theo của con khỉ chúa là: *"Này các bạn khỉ, hãy giữ gìn nước".* Lập luận này tới đây vẫn còn hợp luận lý.

Với các suy nghĩ như vậy, con khỉ chúa bắt đầu thấy tầm quan trọng của nước trong việc tưới cây. Để có thể tưới được cây, cần phải tiết kiệm nước. Như vậy, nước là yếu tố quan trọng hàng đầu. Nếu không có nước thì cây sẽ chết. Đây là một lập luận thông thường. Con khỉ chúa vì bị "ám ảnh" bởi vấn đề nước nên bắt đầu có những "lập luận khoa học". Mệnh đề "nếu không có nước thì cây chết" được sửa "một chút" (nhưng "chết người") thành một mệnh đề có vẻ có lý "nếu có nước thì cây sống". Chỉ cần một kiến thức sơ đẳng về luận lý học cũng có thể thấy rằng hai mệnh đề này không tương đương. Cây cối không chỉ sống nhờ nước mà còn nhờ đất, nắng, không khí... Điều không may cho vườn cây là sau khi sửa "một chút" như vậy, một chân trời mới mở ra với con khỉ chúa. Phát biểu khẳng định hơn nữa, con khỉ chúa bắt đầu thấy rằng "chỉ cần có nước là cây sẽ sống". Phát triển lý luận nói trên, con khỉ chúa kết hợp với sự quan sát "có nhiều rễ thì cây sẽ cần nhiều nước" để đưa ra kim chỉ nam cho hành động của đàn khỉ *"Khỉ các bạn tưới nước lên các cây non, trước hết hãy kéo những cây ấy lên, xem rễ của chúng như thế nào. Những rễ nào đâm sâu thì tưới nhiều nước vào rễ. Rễ nào không đâm sâu hãy tưới ít nước".*



Câu chuyện này khác với câu chuyện "giết ruồi bằng cái búa". Trong chuyện ấy, người dùng cái búa để đánh con ruồi là người dùng phương tiện sai chứ chưa có yếu tố suy luận sai. Câu chuyện hiện tại có yếu tố của cái thấy sai (tà kiến) trong đó. Do cái thấy sai, các lý lẽ khoa học dẫn tới các kết quả không đúng. Mặc dù muốn làm điều tốt, các con khỉ này gây hại cho cả vườn cây của nhà vua. Câu chuyện tương tự là chuyện Tiễn thân Vārūṇi, *Jataka* 47 kể lại chuyện một người bán rượu quan sát thấy mọi người khi uống rượu thường ăn kèm muối (thực tiễn). Anh ta bèn nảy ra sáng kiến cải tiến bằng cách đem pha rượu với muối để bán (theo "lý thuyết" anh ta nghĩ ra). Cuối cùng không ai uống loại rượu đó.

Sau khi tiếp thu các suy luận "có lý" của khỉ chúa, các con khỉ khác trong đàn thực hiện theo. Khi được hỏi *"Này các bạn khỉ, sao các bạn lại kéo các cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ?",* các con khỉ trả lời đơn giản *"Chúa khỉ đầu đàn của chúng tôi khuyên như vậy!".*

Câu chuyện này tương tự những chuyện trong đời sống bình thường. Một người hay một nhóm người được sống trong một cộng đồng, được cộng đồng nuôi dưỡng, giúp đỡ. Khi được giao việc để phục vụ cộng đồng, những người này nhận lời. Tuy nhiên, với kiến thức và tư duy sai, họ có hành động sai; thay vì giải quyết khó khăn của cộng đồng, họ lại làm hại cộng đồng.

Câu chuyện này cho thấy vai trò cực kỳ quan trọng của người lãnh đạo. Mọi người thường không suy nghĩ quá nhiều, họ thường tin tưởng vào những người hiểu biết, những người lãnh đạo. Trường hợp người lãnh đạo suy nghĩ sai như người làm vườn đối với con khỉ chúa và như con khỉ chúa đối với bầy đàn của nó, thì mọi người cũng sẽ hành động sai như bầy khỉ đã hành động sai. Đó là tác hại của sự suy nghĩ sai.

Đức Phật thuyết giảng (*Tăng Chi Bộ kinh* 1, phẩm Chúng tử, trang 66):

Đối với người có cái thấy sai, mọi hành động thân thể hoàn toàn được thực hiện, được chấp nhận theo cái thấy sai, mọi suy nghĩ hoàn toàn được thực hiện, được chấp nhận theo cái thấy sai, mọi lời nói hoàn toàn được thực hiện, được chấp nhận theo cái thấy sai... cho dù có ước nguyện nào thì chúng đều đưa đến sự không sung sướng, không vui vẻ, không khả ý, đưa đến bất hạnh, đau khổ. Vì cớ sao? Vì tánh ác của cái thấy sai ấy. Ví như, này các vị rèn luyện, hột giống cây nimba hay hột giống cây kotāsaki, hay hột giống cây mướp đắng, được gieo vào đất ướt. Phàm vị gì nó lấy lên từ đất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh đắng, tánh cay, tánh không sung sướng của nó. Vì cớ sao? Vì tánh ác của hột giống, này các vị rèn luyện.

Câu chuyện kết thúc với bài kệ:

*Bậc thiện không làm hại,
Làm lành đem đến lạc,
Người ngu hại điều lành,
Như khỉ hại trong vườn. ■*

Đạo Phật

và sự phát triển bền vững

KIM ALLEN

Tính từ ‘bền vững’ và danh từ ‘tính bền vững’ không dễ định nghĩa, nhưng khái niệm ấy có thể hiểu được một cách không khó khăn lắm. Cách chúng ta sử dụng tài nguyên của quả đất để phục vụ cho nhu cầu của con người như hiện nay là không khôn ngoan và chẳng thể nào áp dụng cách đó lâu hơn. Chúng ta đang phung phí tài nguyên, hủy hoại khung cảnh thiên nhiên và tiêu diệt mọi giống loài khác. Chúng ta cần một điều gì mới mẻ hơn để có thể được phục vụ lâu dài hơn trong tương lai.

“Sự phát triển bền vững” thường được định nghĩa là “sự phát triển đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không phương hại đến khả năng của những thế hệ tương lai đáp ứng được nhu cầu của họ” (*Báo cáo Brundtland*, 1987). Điều đó bao gồm cả phương pháp chúng ta tạo ra và sử dụng tiền bạc, cách thức chúng ta điều phối tài nguyên của quả đất, và đường lối chúng ta xây dựng xã hội và các mối quan hệ giữa người với người.

Các doanh nghiệp bền vững đang quan tâm đến “vấn đề then chốt ba thành phần” – nghĩa là họ nỗ lực chú ý đến các giá trị xã hội và môi trường bên cạnh việc

tạo ra lợi nhuận về tài chánh. Người Anh gọi đó là các doanh nghiệp 3P tượng trưng cho People, Planet, và Profit (*Con người, Hành tinh, và Lợi nhuận*). Đó chính là ba chân đứng của các doanh nghiệp bền vững.

Thế nhưng các doanh nghiệp bền vững đó có gì liên quan với Phật giáo nhỉ? Có lẽ có khá nhiều quan hệ. Tôi muốn nói tới hai điểm có ý nghĩa đối với tôi, một điểm mang tính cách thực tiễn và điểm kia có tính cách lý tưởng.

Về phương diện thực tiễn, chúng ta có thể sử dụng nguyên lý nền tảng của Phật giáo về việc nhận biết và đối diện với thực tại. Vào thời điểm này, chỉ trừ một số rất ít, còn lại, đại đa số các nền kinh tế đều có bản chất tư bản. Và trong số 100 thực thể kinh tế lớn nhất thế giới, có khoảng 50 thực thể ấy là các quốc gia trong khi khoảng 50 thực thể khác là các đại công ty. *[Do vậy] nếu chúng ta muốn chuyển hóa các phương pháp đáp ứng nhu cầu của loài người, chúng ta không thể bỏ qua các doanh nghiệp.*

Đôi khi, trong các giới hoạt động cho công lý xã hội hoặc vì môi trường, có một giả định cho rằng mọi doanh nghiệp đều xấu xa. Những cách nói như “đế quốc kinh doanh” hoặc “bá chủ doanh nghiệp toàn cầu” được đưa ra một cách tùy tiện, hàm ý các doanh nghiệp luôn luôn là vấn đề, tốt nhất là không thêm biết đến chúng, chống đối chúng, hoặc nếu không thì cũng hoạt động bên ngoài chúng. Một giả định khác đi xa hơn, cho rằng doanh nghiệp hoàn toàn khác với Thiên Nhiên, vốn dĩ có tính cộng sinh, tương tác và hài hòa.

Nhưng có đúng thế thật không? Michael Soule, một Phật tử và là nhà sinh vật học chủ trương bảo tồn thiên nhiên, cho rằng chúng ta nên nhìn về Thiên Nhiên một cách toàn diện: *“Có một chủ nghĩa lãng mạn sai lạc trong đạo Phật hiện đại, [...] cố gắng phủ nhận mặt tối, mặt bạo động của thiên nhiên. Có thể họ muốn thấy được sự quân bình, sự hài hòa, và tính cách bất bạo động trong hệ sinh thái; vì một quan điểm như thế dường như có thể biện minh cho tính bất bạo động trong cộng đồng loài người. Nhưng tình trạng giết hại lẫn nhau trong cùng giống loài và việc sát hại những con vật chưa trưởng thành là điều thường thấy ở các loài có vú và cả ở những giống loài khác nữa. Điều đó có cần thiết là một mẫu mực cho hành vi của loài người hay không? Chỉ vì điều đó là tự nhiên không có nghĩa điều đó là một ý tưởng hay, ngay cả khi điều đó có thể thích ứng theo một ý nghĩa về mặt tiến hóa. Vấn đề là, khi nhìn vào thiên nhiên từ góc nhìn của người Phật tử, chúng ta phải chấp nhận trọn gói, đừng chỉ nhìn vào những gì mà thiên nhiên làm cho ta ưa thích, nghĩa là vẻ đẹp và sự nhân từ của nó, mà quên đi những điều còn lại.”*

Đem doanh nghiệp vào khung cảnh này, chúng ta có thể nhận thấy rằng thế giới có tính cách tương liên về mặt kinh tế, hết như là chắc chắn thế giới có tính cách tương liên về mặt sinh thái. Hơn bất cứ lúc nào

trong lịch sử, sự an sinh của chúng ta nối kết với sự an sinh của người khác ở những xứ sở xa lạ. Gộp cả doanh nghiệp vào trong môi trường thực hành của chúng ta chính là một cách nhận trách nhiệm đối với tình trạng tương liên về mặt kinh tế của chúng ta.

Điều đó bao gồm những quyết định mua hàng với tư cách người tiêu thụ của chúng ta, nhưng nó cũng gồm cả hoạt động của chính các doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể có được một quả tim không?

+ Interface Flooring Systems¹ đang có một mục tiêu gọi là Sứ Mệnh Số Không: Triệt tiêu mọi tác động tiêu cực đối với môi trường trong các hoạt động của công ty vào trước năm 2020. Từ năm 1996, công ty này đã giảm tới 70% số lượng chất thải đưa ra bãi chôn rác. Tiền thưởng cho nhân viên được kết nối với việc cải thiện môi trường.

+ Nau clothing² hiện dành 5% doanh thu (chứ không phải lợi nhuận) cho các hoạt động từ thiện và luôn luôn thiết kế sản phẩm với chủ tâm là sản phẩm có độ bền cao để giảm mức tác hại tới môi trường.

+ REI³ đã thiết kế lại cách cung cấp thông tin sản phẩm cho khách hàng khiến giảm được 15 tấn giấy tiêu thụ mỗi năm. Chỉ một hoạt động đơn giản của một công ty cũng có thể có một tác động lớn lao hơn so với những nỗ lực bảo vệ môi trường của các cá nhân.

+ David Green⁴ đã nghĩ ra một phương pháp mới để sản xuất kính đặt trong tròng mắt. Kính của Aurolab có giá bán 4\$ trong khi kính của các công ty khác có giá bán tới 100\$. Kế đó, ông đưa ra nguyên tắc trong các dưỡng đường thuộc hệ thống quản trị của ông, ở đó, những bệnh nhân giàu có, mua được kính giá rẻ, phải trả một giá giải phẫu cao hơn và tài trợ từ 65% tới 100% chi phí giải phẫu cho các bệnh nhân nghèo, nhờ vậy hiện nay hàng năm đã có tới 200.000 bệnh nhân bị đục tinh thể ở Ấn Độ được giải phẫu, so với chỉ 5.000 người được giải phẫu trước khi ông đến Ấn Độ.

Không một điều nào trong số những thí dụ trên đủ biện minh hay làm giảm nhẹ trách nhiệm về những thiệt hại rất thật đã được thực hiện bởi các doanh nghiệp toàn cầu hoặc những hành động bất nhân khủng khiếp mà các công ty ấy vẫn thần nhiên tiến hành. Vẫn có quá nhiều vô minh và tham tàn trong thế giới các doanh nghiệp.

Vấn đề là chúng ta có thể chọn lựa hành động theo một phương cách tốt đẹp hơn. Chẳng có gì sai trái trong việc sử dụng nguồn nước, đất đai và khoáng sản từ địa cầu để phục vụ cho đời sống con người. Chẳng cần phải có cảm giác tội lỗi khi ăn, khi xả nước tắm, hoặc bất kỳ việc gì khác. Vấn đề là chúng ta thực hiện các hành vi ấy thế nào. Phải chăng chúng ta đang theo đuổi việc tích lũy, chiếm đoạt hoặc giành giật một cách thô bạo; hay chúng ta đối xử với tài nguyên như một món quà tặng, một niềm vui và một cơ hội để thực tập và chiêm nghiệm về lòng từ?

Điều này dẫn tới một mối liên hệ thứ hai mang tính cách lý tưởng hơn mà tôi thấy được giữa các doanh nghiệp với tư tưởng bảo vệ môi trường và Phật giáo.

Có một đoạn kệ trong *Kinh Pháp Cú*, đoạn kệ thứ 283 thuộc phẩm *Con Đường* được Gil Frondal dịch ra tiếng Anh.

Hãy đốn hạ khu rừng [tham ái] chứ không chỉ những hàng cây

Từ khu rừng [tham ái], sự sợ hãi xuất sinh

Đã bị đốn hạ, này các Tỷ-kheo,

Cả khu rừng [tham ái] và các lùm bụi đều bị triệt hạ.

Trong bản dịch của Gil Frondal, ông có ghi chú như sau: “Bài kệ này dường như có một vài lỗi chơi chữ và vì thế rất khó dịch. Chẳng hạn, bài kệ đã chơi chữ ở từ *vana*, vừa có nghĩa là tham ái, vừa có nghĩa là khu rừng. Các bản sơ giải cho biết, một ngày kia Đức Phật bảo các Tỷ-kheo đốn hạ *vana*, thế là các Tỷ-kheo lo đi đốn rừng. Sau đó, Đức Phật đã phải nói rõ là ngài có ý nói “đốn hạ khu rừng tham ái chứ không phải đốn hạ rừng cây”. Bài kệ này có thể cũng chơi chữ giữa hai từ *nibbanaa* (“sạch hết rừng”) và *nibbana* (“Niết-bàn”).

Một lý do khiến hoạt động kinh doanh của chúng ta không có tính cách bền vững là các doanh nghiệp đã được xuất sinh từ khu rừng rậm của lòng tham dục. Chúng ta ngày càng sản xuất và mua sắm đủ thứ, những món hàng mà chúng ta phải bảo vệ. Chúng ta sợ mất những gì chúng ta đã có, ngay cả những thứ chẳng có ích lợi gì. Như bài kệ *Pháp Cú* nói rõ, việc dung túng cho lòng khao khát của chúng ta đã tạo nên sợ hãi. Khi đọc báo hàng ngày, nhất là khi đọc các trang về doanh nghiệp, ta thấy hầu hết những điều được viết đều liên quan đến lòng tham ái và sự sợ hãi.

Những công ty được nói đến ở trên không phải là “những công ty Phật giáo” cho dù đó là những công ty loại nào. Chúng hoàn toàn khác với số lượng những công ty đang ngày càng tăng, không theo đuổi lợi nhuận, và các nhóm khác quyết tâm thực hành các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm và bền vững. Ở một ý nghĩa nào đó, những công ty như thế đang “bơi ngược dòng”, dòng kinh doanh được định hướng bởi vấn đề then chốt duy nhất theo quy ước là chỉ quan tâm đến lợi nhuận tài chánh đoản kỳ.

Nhưng như thế có đủ không? Vấn đề then chốt ba thành phần cũng là vấn đề then chốt duy nhất. Vẫn có sự cạnh tranh trong thương trường, có việc bán hàng và có việc trả lương. Vẫn chỉ có một số ít doanh nghiệp dám mạo hiểm ra ngoài những hình mẫu đã được nhận biết.

Một vài doanh nghiệp là như vậy. Có một tổ chức phi lợi nhuận ở Portland Oregon gọi là SCRAP. Tổ chức này điều hành một cửa hàng bán lẻ các sản phẩm nghệ thuật và sáng tạo được người ta mang đến cho để khỏi phải đưa những món hàng ấy vào bãi rác. Mặc dù SCARP kinh doanh bán lẻ, hàng tồn kho của họ là hàng được cho – một sự kết hợp thú vị giữa sự bố thí và chủ nghĩa tư bản. Những thí dụ khác gồm có các cửa hàng

sửa chữa của cộng đồng, các kho chứa và quản lý sản phẩm công cộng, tinh thần kinh doanh vì xã hội, việc cho vay các khoản tiền nhỏ, ngân hàng thời gian, và nguồn năng lực xử lý của máy điện toán dùng chung.

Nhưng đối với những công ty vẫn chỉ quan tâm đến lợi nhuận, tôi thấy được một tiến trình. Việc chuyển từ kinh doanh dựa trên vấn đề then chốt duy nhất đến kinh doanh dựa trên vấn đề then chốt ba thành phần cũng vẫn chưa đủ để cứu lấy hành tinh này, nhưng khi thực hiện bước chuyển đó, doanh nghiệp đã tự chuyển hóa mình đến một điều mới mẻ. Và thực thể kinh doanh đó có khả năng tưởng tượng đến những bước khác cần tiến hành tiếp theo, một điều sẽ dẫn đến những chuyển hóa khác nữa. Chúng ta không cần phải thấy được đích cuối cùng của vấn đề ở đây. Chúng ta có thể tin rằng tiến trình phát triển lương tâm doanh nghiệp sẽ mang lại những thay đổi có tính cách chuyển hóa. *Thấy năm nay có thêm được một chút tương liên và có thêm được một chút hành vi đạo đức so với năm ngoái là đã đủ.* Mỗi ngọn cây tham ái mà chúng ta đốn hạ được đủ để cứu nhiều ngọn cây thật.

Tôi làm việc với tư cách một nhà tư vấn về hoạt động kinh doanh bền vững, giúp mọi người trong các công ty sản xuất ra sản phẩm và thực hiện việc kinh doanh của họ một cách hài hòa hơn, nhân bản hơn. Việc ấy đưa tôi đối diện với những khao khát, những ác cảm, và những ảo tưởng của chính mình. Trong đời mình, tôi không hy vọng nhìn thấy sự thành tựu hòa bình thế giới hoặc của sự chuyển hóa toàn bộ, nhưng tôi biết rằng tôi sẽ thấy sâu hơn về tâm hồn mình khi tôi làm việc với những người khác cùng có khát vọng hiểu được cái lưới ngọc của trời Đế Thích về kinh tế mà chúng ta đang sống trong đó.

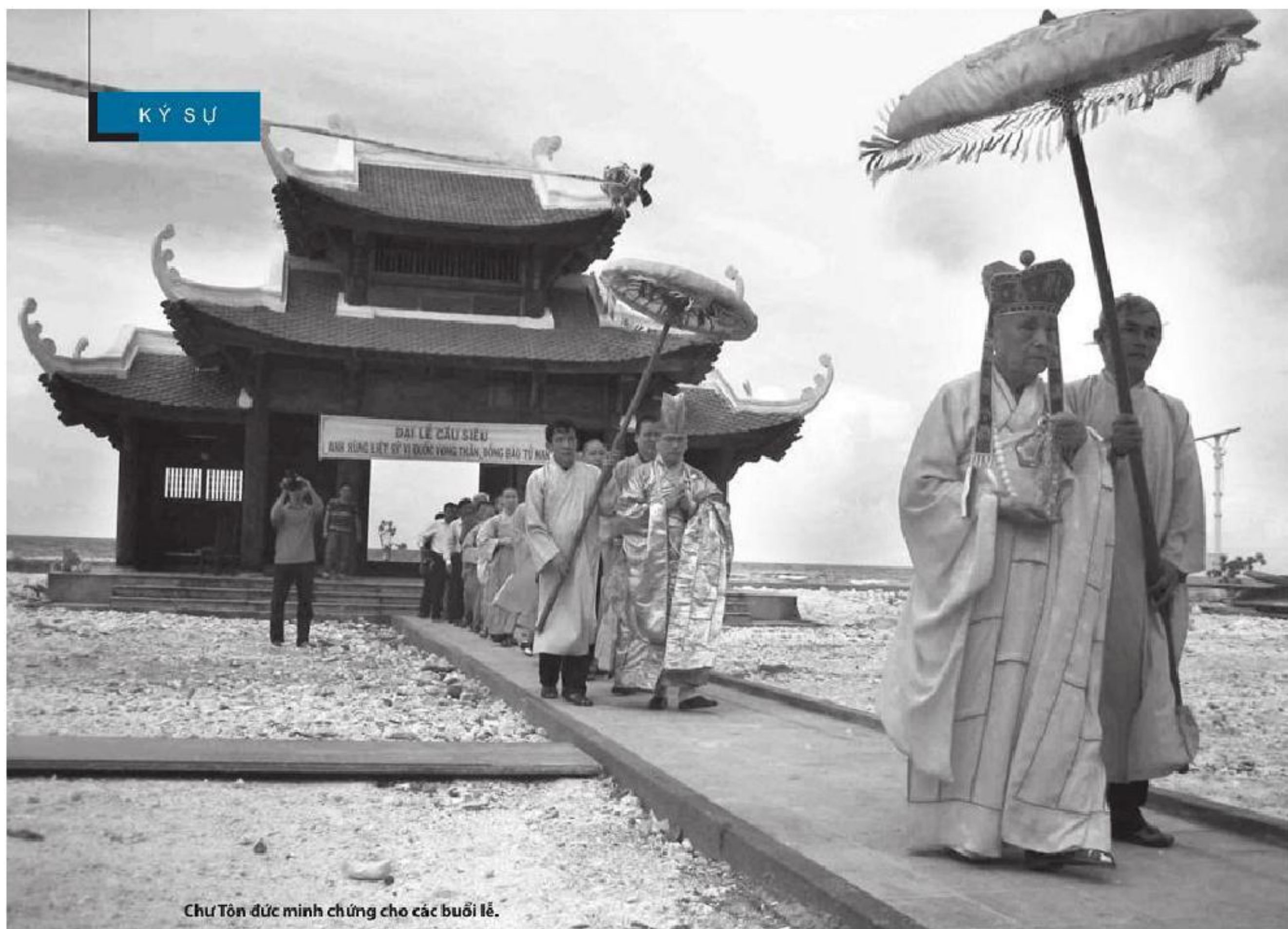
Khi khu rừng tham ái đang được đốn hạ ở khắp mọi nơi, ta không còn phải lo âu cho những ngọn cây thật đang mọc lên trên Trái Đất này.

Lâm Hạnh Nhiên dịch

Nguồn: *Cinnamon Swirl/kimallen.sheepdogdesign.net*

Ghi chú của người dịch:

1. Một công ty chuyên sản xuất thảm trải sàn và cung cấp các dịch vụ có liên quan, có trụ sở ở La Grange, bang Georgia, Hoa Kỳ.
2. Một công ty chuyên thiết kế và sản xuất các sản phẩm bằng vải, có trụ sở ở Portland, bang Oregon, Hoa Kỳ.
3. Resources Exchange International, một công ty chuyên sản xuất trang phục và dụng cụ cá nhân dùng trong hoạt động ngoài trời có trụ sở tại Kent, bang Washington, Hoa Kỳ.
4. Giám đốc Công ty Aurolab, thành viên của tổ chức học thuật Ashoka Fellow, một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 1980 tại thủ đô Washington D.C của Hoa Kỳ, có mục đích hỗ trợ tinh thần doanh nghiệp xã hội. ■



Chư Tôn đức minh chứng cho các buổi lễ.

Những ngôi chùa trên huyện đảo Trường Sa

Bài & ảnh của TRẦN THỊ

Có mặt chuyến ra thăm huyện đảo Trường Sa cùng đoàn công tác số 10 của Quân chủng Hải quân, tôi may mắn được đến thăm và dự Đại lễ cầu siêu tại ba ngôi chùa trên các đảo Trường Sa lớn, đảo Sinh Tồn và đảo Song Tử Tây. Những ngôi chùa khang trang, sừng sững trước sóng gió biển Đông đã là những cột mốc chủ quyền về tâm linh của người Việt, trở thành những điểm tựa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ở chốn tiền tiêu của Tổ quốc.

Những ngôi chùa trên huyện đảo Trường Sa đều có kiến trúc cổ truyền và được xây dựng theo phong cách truyền thống, một gian hai chái hay ba gian hai chái, mái cong với những đầu đao cổ kính, được chế tác bằng các loại gỗ quý mà ngày xưa ông cha ta thường dùng đóng thuyền vượt biển. Đặc biệt, chính diện

của tất cả các ngôi chùa đều hướng về thủ đô Thăng Long – Hà Nội, như tấm lòng người Việt từ bao đời nay. Trong chánh điện cũng như ở nhà thờ tổ, có nhiều pho tượng bằng ngọc quý được chạm khắc công phu tinh xảo. Đặt chân lên đất chùa trên huyện đảo, ai cũng có cảm giác ấm áp như đứng trên đất liền, trước nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, khiến tâm hồn trở nên tĩnh lặng. Phải chăng đây là sức cảm hóa vô hình của đạo Phật từ thuở Chủ Đổng Tử tu hành đắc đạo truyền đến hôm nay, một dòng đạo mang bản sắc Việt Nam, gần với tinh thần yêu nước thương nòi.

Một trong những điều làm Phật tử và tất cả mọi người đến thăm chùa trên huyện đảo đều vô cùng ngạc nhiên và thích thú là các hoành phi, câu đối đều được chạm khắc bằng chữ Quốc ngữ, như “Uy thần biển đảo cổ văn truyền/ Chùa Phật Trường Sa nay còn tỏ” ở chùa

trên đảo Trường Sa Lớn và “Cá đọc kệ được thành tiên/ Rỗng nghe kinh mà mộ đạo” ở chùa trên đảo Sinh Tồn. Những câu đối ngắn gọn, súc tích, một mặt nói lên lòng ngưỡng vọng giáo lý Phật-đà của người dân Việt tự bao đời, mặt khác khẳng định chủ quyền của của người Việt đã có tự ngàn xưa trên mảnh đất nơi tiền tiêu hải đảo.

Cùng một phong cách ấy, ở chùa Song Tử Tây, ngôi chùa bé thể nhất trong ba ngôi chùa, lại có câu đối: “Mây lành che khắp thập phương nhân/ Trời tuệ rọi soi ngàn thế giới” và: “Chùa chiến sừng sững, nguy nga đất Việt nổi danh lam/ Quần đảo huy hoàng, chất ngất biển Đông ngời thắng cảnh”. Đó không chỉ là danh lam đất Việt hay thắng cảnh trời Nam, mà còn là mảnh đất địa linh nhân kiệt tự ngàn xưa và mãi mai ngàn sau: “Đức rỗng vơi vơi, dân khang vật thịnh vạn niên/ Chùa Phật huy hoàng, nhân kiệt địa linh muôn thuở”.

Chúng ta đều biết Phật giáo đóng góp một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh đời sống tinh thần cho mọi người và định hướng phát triển quốc gia trong thời kỳ hội nhập, là nền tảng luân lý để xây dựng một xã hội tiến bộ, văn minh, nhân bản. Chân giá trị tinh thần đạo Phật quả đã thấm sâu trong đời sống toàn thể dân tộc Việt Nam. Đạo Phật có một nguồn sinh lực rất dồi dào: đó là nguồn sinh lực của chánh pháp. Người Việt Nam dù không theo đạo Phật, nhưng khi có “đạo” thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ là đã có Phật trong tâm rồi. Phải chăng vì vậy mà khi đọc câu đối: “Mây lành che đông hải, một trời cam lộ tưới Trường Sa/ Thắng tích ánh đào xa, vạn cổ danh lam truyền Song Tử”, ai cũng ấm lòng, vì ta luôn có chính nghĩa, luôn có niềm tin. Bởi: “Kim thân tỏa sáng, ba ngàn thế giới tất quy y/Đức Phật uy nghiêm, tất thấy trời người đều kính phục”.

Mục đích của đạo Phật thật cao cả, bởi vậy bước vào những ngôi chùa trên quần đảo Trường Sa, nơi bốn bề mệnh mông sóng nước luôn kẻ thù rình rập, thấp một nền tâm hương, đọc và suy ngẫm những câu đối ta thêm ngộ được chân lý sống: cho dù bạn chỉ có một giờ để sống, một phút để sống, mục đích của cuộc đời vẫn là sống vì sự lợi lạc của người khác, của cộng đồng, của dân tộc và nhân loại với một tâm hồn hướng thiện, với lòng bi mẫn đối với người khác. Trong lòng mỗi người không còn cảm giác trống rỗng, bi quan, mà tràn ngập sự thanh thản, đầy ắp niềm vui. Để rồi dù có gặp bao khó khăn, gian khổ, hiểm nguy, vẫn đủ niềm tin và nghị lực vượt lên vì quê hương đất nước. Đây phải chăng là hạnh phúc của sự giác ngộ viên mãn, tối thượng theo giáo lý của nhà Phật, rất gần gũi với lẽ sống của mỗi người dân nước Việt vốn mang trong mình dòng máu Lạc Hồng.

Trong chuyến ra thăm đảo lần này, các vị sư cùng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân huyện đảo đã tổ chức Đại lễ cầu siêu cho vong linh các liệt sĩ đã hy sinh thân mình bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc cùng các đồng bào tử nạn trên biển theo nghi thức trang trọng nhất của nhà



Đại lễ cầu siêu cho các liệt sĩ và các đồng bào tử nạn trên biển.



Chùa Song Tử Tây.

Phật. Các buổi đại lễ đều có sự chứng minh của các vị tôn túc thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Dù cho lễ cầu siêu được tổ chức ở đảo nào thì cũng có rất đông người từ các đảo khác lặn lội về dự. Các buổi lễ cầu siêu đều diễn ra trong không khí trang nghiêm và ấm áp tình người. Tất cả những người có mặt đều xúc động trước những nghi thức trang trọng được các bậc tôn túc hướng dẫn thực hiện và thể hiện lòng thành kính tưởng niệm những liệt sĩ đã hy sinh bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ Quốc. Một vị tôn túc thuộc Ban Trị sự Tỉnh Giáo hội Phật giáo Khánh Hòa khẳng định rằng sự hiện diện của những ngôi chùa trên quần đảo Trường Sa có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân và là một dấu chỉ xác nhận chủ quyền của đất nước. Ngài cho biết tuy đã từng tham gia nhiều lễ cầu siêu trên cả nước, nhưng buổi lễ cầu siêu ở đảo Song Tử Tây thật vô cùng đặc biệt đã khiến ngài vô cùng xúc động và cảm nhận rõ hơn mối giao hòa âm dương. Ngài vui mừng cho rằng tuy là lần đầu tiên lễ cầu siêu cho chiến sĩ đồng bào đã hy sinh xương máu cho Tổ quốc được tiến hành ở đảo xa nhưng các buổi lễ đã thành công và ngài hy vọng hằng năm sẽ có những cuộc lễ tương tự để thể hiện tinh thần quy kính tứ ân của người con Phật. ■

Qua sông

HUỲNH KIM

Thời bình mà nhìn cảnh anh bạn trung niên rời bỏ Cần Thơ quảy ba lô về Sài Gòn “nhận nhiệm vụ mới”, bạn bè miền Tây thấy lạ. Cô bạn Cà Mau gửi email đổi giọng, kêu anh bằng chú: “Chú đi mạnh giỏi. Sài Gòn nó sẽ vất chú đến kiệt sức cho chú biết mặt!”. Người bạn doanh nhân Cần Thơ hăm: “Mày ở được ba lần bảy hăm một ngày! Cái tạng của mày chỉ khoái nhà quê, lên trên là chết ngắc với chuyện lô cốt, kẹt xe!”. Bữa soạn đồ cho anh, bà vợ đang xếp cái áo thì vụt đứng lên đi rửa mặt; anh nhìn thẳng con trai hai mươi tuổi, neho mắt: “Hai năm nữa ra trường, có khi con cũng đi làm xa như ba vậy!”.

Khi vượt sông Hậu rời Cần Thơ, có một người bạn trẻ nhắn qua điện thoại, về Sài Gòn sẽ tặng anh cuốn sách “Thấy Phật” của bác Cao Huy Thuần. Gặp nhau, bạn lẳng lẳng đưa sách, chẳng nói gì. Bạn đã lặn lội mấy năm với một công ty nước ngoài, bây giờ về làm ở một tổ chức từ thiện. Anh tự nhủ: “Cuộc đời như dòng sông trôi chảy. Sông thì phải chảy trôi”.

Tuần lễ đầu tiên làm việc ở Sài Gòn, anh viết email cho vợ: “Anh nhập môn bộ máy. Gặp bất nhẫn, buồn một chút. Gặp vô cảm, lạ lùng hai chút. Gặp hoang tưởng thông minh, bàng hoàng ba bốn chút”. Nhưng rồi cái bộ máy “lạnh lùng” ấy nó lại giúp anh làm được những công việc mà trước đó, một mình anh, khó làm xong.

Tuần lễ thứ mười, anh gửi email cho bạn: “Thấy Phật là đối diện với chính mình. Để tự hiểu mình đang sống trong từng sát-na cuộc sống”. Vẫn nhớ những con đường rợp mát, những bờ sông đầy gió Cần Thơ, nhưng anh không bức bối trong dòng xe cộ Sài Gòn chật chội. Vẫn bật khẩu trang như người Sài Gòn, nhưng anh lại thấy hơi thở của mình nhẹ nhàng như đang trên phố Cần Thơ. Kẹt xe, kẹt phà, anh thăm lẳng ngắm nhìn từng hình ảnh, từng chuyển động vây quanh. Thăm lẳng ngắm cả những dòng xe đang chen lấn trên lề.

Mỗi ngày anh qua lại phà Thủ Thiêm mấy lượt. Một bữa, lạ lùng thay, anh thấy có một cây lúa hoang mọc vượt lên ngay dưới chân cái mâm phà rỉ sét. Khi cái mâm phà hạ xuống để đưa đón khách, cây lúa lộn đầu xuống nước, khi mâm phà nâng lên, cây lúa lại đứng lên. Một sức sống mạnh mẽ hỗn nhiên giữa rừng người, rừng âm thanh cuồng nộ. Nhìn dòng sông Sài Gòn trôi lặng lẽ dưới mưa hôm ấy, anh lại nhớ dòng sông Hậu mà mình đã đi qua không biết bao nhiêu lần trong cuộc đời. Bữa đó, anh viết bài thơ “Qua sông”.

*“Qua phà Thủ Thiêm sáng nay anh gặp cây lúa hoang
Mọc hỗn nhiên dưới chân mâm phà sét rỉ
Nơi mà mỗi lần mâm phà hạ xuống
Hàng trăm khách qua phà lủ lượt tràn lên
Thì cây lúa hoang lộn đầu xuống sông Sài Gòn
Không ai thấy nữa
Mâm phà kéo lên
Cây lúa hoang xanh rì
Lại nhón chân sét rỉ
Ngó trời xanh
Sông Sài Gòn mong manh
Có cây lúa hoang cô đơn làm bạn
Từ đầu lúa tới
Sao hạt lúa không rơi vào giể lục bình
Vừa trôi vừa trở bông
Sao hạt lúa không ở lại đồng xanh
Mà bay vào nội ô thành phố
Những tòa building bên kia bờ Quận Nhất
Đã bao giờ có nhau
Lúa hỗn nhiên như cây cỏ mọc lên
Như sông Sài Gòn trôi đi mãi miết
Không phải như đêm qua
Mưa dầm dề diết
Anh một mình
Nhớ em”. ■*

Ảnh: Thu Sương



Nói thật cho rồi

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Quan tâm tới người kéo xe rác của công ty vệ sinh, dân trong khu phố tự động phân rác thành hai loại. Thứ bỏ đi được cho vào giỏ để trước ngõ, cạnh đó là những phế phẩm như thùng các tông, báo cũ, vỏ lon bia cùng chai lọ các kiểu. Sáng sáng, anh kéo xe rác tới đổ rác, nhặt những thứ có thể tận dụng kia bỏ riêng vào mấy cái bao treo trước xe. Mớ tạp nham đó của từng nhà chẳng đáng là bao, nhưng gom lại chắc cũng giúp anh kéo xe rác có thêm đầm ba ngàn đồng mỗi ngày. Riêng bà H. đối diện nhà tôi luôn dồn những phế phẩm có thể tận dụng vào bịch ny lông để trước hiên, chờ bán cho chị nhật ve chai.

Sáng hôm đó, tôi đang lúi húi dọn dẹp nhà cửa thì nghe tiếng leng keng báo hiệu xe lấy rác tới. Tôi xách giỏ rác ra cổng, thấy bà H. khệ nệ ôm tấm gương soi lớn đi ra. Tấm gương to như mặt bàn, đã bong tróc nhạt nhòa, chẳng thể dùng để soi mặt được nữa. Bà nói với người kéo xe rác, "Tôi cho chú nè". Tấm gương có bộ khung

bằng kim loại nên nếu gỡ ra cũng được chút ít phế liệu, nhưng nó mỏng như lá lúa thành ra chẳng đáng là bao. Riêng mặt gương thì chẳng còn dùng được vào việc gì; hơn thế, nếu không nhẹ tay, nó bể tóa lọ ra thì mệt. Đáp lại vẻ hồ hởi của bà H., anh kéo xe lạnh lùng, "Cảm ơn, tôi không nhận", rồi kéo xe đi. Bà H. ôm tấm gương to quá khổ lật đặt chạy theo, kêu oai oái, "Chủ ơi, cho tôi gửi!". Người kéo xe vẫn không ngoái lại, nói cộc lốc giữa trời: "Không nhận đâu!". Bà H. bối rối, chạy theo chiếc xe rác càng lúc càng xa. Cuối cùng, bà phải hạ giọng, "Cho tôi bỏ rác với!". Nghe những lời như van nài ấy, người kéo xe rác dừng lại, nhìn bà H. cật vấn, "Thứ bà bỏ đi nhưng không ai muốn rước, bà bày đặt cho ai?! Bỏ đi thì nói thật cho rồi, cứ nói lạng lách đâm ra mất quý!". Miệng cảm ràm nhưng anh ta vẫn đưa tay ra đỡ, giúp bà H. đưa tấm gương phế thải lên xe rác.

Mấy người cùng đổ rác nghe đoạn đối thoại trên không khỏi bật cười. Riêng bà H. sượng sùng, cúi mặt đi vô nhà. ■



Ảnh: Trần Thị

Phiên chợ vùng cao

TRẦN VĂN HẠC

Bình minh mới ửng hồng nơi đầu núi. Sương còn giăng khắp lưng đèo lòng thung. Khắp các bản Mông, Dao, Tày, Thái... rộn vang tiếng gọi nhau xuống chợ. Tiếng ngựa bốn chồn dặm chân hí vang; tiếng nói, tiếng cười đầy ắp trong sương, ẩm từng nếp nhà bản nhỏ.

Mỗi dịp người vùng cao xuống chợ, không khí vui như trẩy hội. Các chàng trai, cô gái đều chọn cho mình bộ trang phục đẹp nhất, đeo những đồ trang sức rực rỡ nhất. Các chàng trai Mông nâng khèn dạo thữ một khúc tình ca, lồng ngực rộn lên niềm vui khó tả, nhớ lời hò hẹn phiên chợ hôm nào. Các cô gái Mông xúng xính trong bộ váy áo mới, sóng thổ cẩm đung đưa duyên dáng, vòng bạc lấp lánh, bồi hồi rung một nhịp đàn môi tha thiết. Cô gái Dao đỏ áo đỏ rực quả bông len. Cô gái Thái khăn piêu bóng bẩy như áng mây xuân sớm... Các gia đình ở xa còn đi từ chiều hôm trước, ngủ nhờ nhà bạn để kịp phiên chợ sớm.

Người vùng cao xuống chợ không chỉ để mua bán, trao đổi, mà còn là dịp gặp bạn gặp người thân và cũng là có nơi hò hẹn trao duyên cho các đôi trai gái.

Từ các triền núi, bản mường, người vùng cao đến

chợ gửi theo những đặc sản của núi rừng, những sản vật của dân tộc mình có được do bàn tay lao động vعن khéo của các mẹ các chị. Đây măng, mộc nhĩ, nấm hương; kia chút gạo nương thơm lừng, cả những mớ rau rừng xanh non, bí chuối rừng, gửi mật ong ngọt lịm còn nguyên cả tảng...

Mặt hàng thổ cẩm thật đa dạng và phong phú. Những tinh hoa của núi rừng cả về hoa văn, họa tiết và màu sắc cùng với quan niệm thẩm mỹ, phong tục tập quán của từng dân tộc được thể hiện vô cùng tinh tế. Thổ cẩm của người Mông nổi tiếng với kỹ thuật in bằng sáp ong, cùng các đường thêu hình kỷ hà và các hoa văn, họa tiết lặp lại hình mặt trời, hoa lá, các mảng ghép màu hài hòa. Thổ cẩm của người Dao lại nổi bật với những đường thêu trên áo quần, khăn tay, ấn nhà trời trên lưng áo. Trong khi đó, thổ cẩm của người Thái hội tụ mọi nét đẹp của ngàn xanh trên chiếc khăn piêu duyên dáng. Người Khơ Mú mang theo chiếc khăn piêu rực rỡ và các đồ đan lát mây, tre tài hoa.

Trao đổi, bán mua. Cô gái Mông ướm thử chân váy thêu, nếp váy đong đưa xao xuyến. Cô gái Thái ướm chiếc khăn piêu, khăn dụ dằng như cánh bướm đậu

trên nhành xuân... Rồi còn các đồ trang sức bằng bạc: vòng cổ, vòng tay, khuyên tai, xà tích... thật là tinh xảo.

Người vùng cao xuống chợ mua về nhu yếu phẩm: chăn, áo rét, muối... Song thú hơn là những cuộc gặp gỡ bạn bè. Người vùng cao sống chân thật, giản dị mà nồng hậu. Các bản ở xa nhau có khi tới mấy ngày đường. Hàng ngày mãi mê phát rẫy làm nương, đôi khi trong gió vắng vắng tiếng khèn, tiếng sáo như lời tâm tình, hò hẹn. Để rồi phiên chợ gặp nhau tay bắt mặt mừng. Song có khi chỉ kịp vồn vã hỏi thăm rồi chia tay bịn rịn. Có khi kéo nhau vào quán, chân tình mời nhau bát phở, que kem. Có lúc khế khà chén rượu, ngả nghiêng bên chảo thắng cố, rượu say vợ nhả nài che ô, ra về chống nạnh vắt ngang trên lưng ngựa, vợ cầm đuôi ngựa vượt đèo, ráng chiếu lấp lánh reo vui. Tiếng vó ngựa rộn rã lưng đèo.

Cả mấy người mẹ trẻ, lưng đeo con còn tuổi bú sữa cũng háo hức bán mua. Đặc biệt là lũ trẻ, tay bám ghì gấu áo của mẹ, của bà, tròn mắt trước bao điều mới lạ, thính thoảng lại ồ lên thích thú. Chợ mở ra bao điều và cũng gợi bao tìm tòi khám phá cho trẻ thơ.

Nơi góc chợ, chàng trai Mông nâng sáo ướm hỏi bạn tình:

*Anh yêu em
Em yêu anh
Em không có lòng thì thôi
Có lòng thì về
Ta ở với nhau một đêm
Có lòng thì về
Ta ở với nhau một ngày*

Cô gái má ửng hồng, tiếng đàn môi như tiếng lòng thổn thức:

*Yêu anh em dệt khăn này
Lòng em nhớ người em tặng
Dù xa nhau bao tháng ngày
Khăn bên người*

Và họ hẹn nhau:

*Em chờ đến ngày anh trồng lúa
Trồng xong nương ngô anh đón em về*

Những đôi trai gái Dao, Thái, Mường... trao nhau ánh mắt và những lời tâm tình chân thật. Sau các phiên chợ, nhiều đôi nên vợ, nên chồng. Phiên chợ thành địa chỉ hồng cho bao đôi lứa tìm về, xe bao duyên thắm.

Du khách dù chỉ một lần đến với phiên chợ vùng cao cũng sẽ vô cùng ngạc nhiên và thích thú. Chợ vùng cao không giống bất kỳ phiên chợ nào ở miền xuôi. Đông vui đấy nhưng chan chứa tình người. Mua bán nhưng chân thật thẳng thắn. Không có ai nói thách. Ứng cái bụng thì bán; không ưng, dù trả giá cao cũng lắc đầu.

Bây giờ nhiều gia đình vùng cao đã giàu lên, có xe máy, ti vi, máy phát điện... song vẫn không mất đi tập quán có tự ngàn xưa và phiên chợ thêm nét đẹp của thời mở cửa. Gặp nhau tung bưng, phấn khởi, chia tay bịn rịn, hẹn gặp phiên chợ lần sau. ■





Người ta nói mái nhà là tổ ấm, là một nơi chốn để trở về. Vậy nên cho dù tôi chưa thực sự có một tổ ấm riêng tư nào cho mình đi nữa, tôi vẫn có một cảm nhận nóng bỏng và xốn xang về một mái nhà thân yêu và quen thuộc với những hình bóng và tâm hồn rất quen thuộc, về cái nơi chốn trở về hết sức quyến rũ và thâm tình mà qua những chuyến lang bạt ở phương xa, qua những năm tháng lặn mình giữa gió bụi của cuộc đời, tôi đã tìm về nó như một nơi nương náu, một chốn ẩn trú an toàn; ở đó gia đình, mái nhà, tổ ấm, đã dang đôi tay êm ái ôm lấy tôi vỗ về dịu ngọt, đã nhỏ xuống hồn tôi những giọt thuốc tiên tươi mát lên những nỗi nhức nhối của ung độc cuộc đời.

Khi X. nói đến căn nhà tương lai của hắn, tôi nhận thấy ở hắn cả một sự mơ ước hiện thực về tổ ấm gia đình – đơn giản, thực tế và đậm tình – nhưng kỳ lạ

thay tôi cũng đồng thời nhìn thấy được cả cái hình tượng siêu thực mơ màng của căn nhà của X. mà từ nó phát sinh ra không những là tình cảm nồng ấm của vợ chồng cha con mà còn là cái tình thân thiết gắn bó của những tâm hồn bằng hữu. Có phải chính cái điều có thể thực hiện được ấy – vì tính chất đẹp dễ thương mộng của nó – mà tôi thấy nó như là một điều gì phi thực không? Cũng chính như tình bạn của tôi và X. và Y. và S. và những khuôn mặt thân yêu khác đã thường khiến tôi bao lần mường tượng thấy một ảo giác không thể có bởi cái tính chất đẹp và trong của nó. Nói cho rõ ràng thì những điều chân, thiện, mỹ mà ta gặp được trong cuộc đời phù động này thường dễ khiến ta có một mối hồ nghi về sự hiện hữu của nó, bởi chúng ta đã trót bị cuộc đời bôi đen tứ phía.

Nhưng qua đi lớp sương mù, ta lại nhìn thấy ánh sáng rõ ràng hơn, thực tại đã sống động ngay trước



Ảnh: Lý Hậu

mất và những giả cảnh tiêu tan và ta thốt lên: "Ồ không! Nó có đấy! Đó là điều hiển thực!".

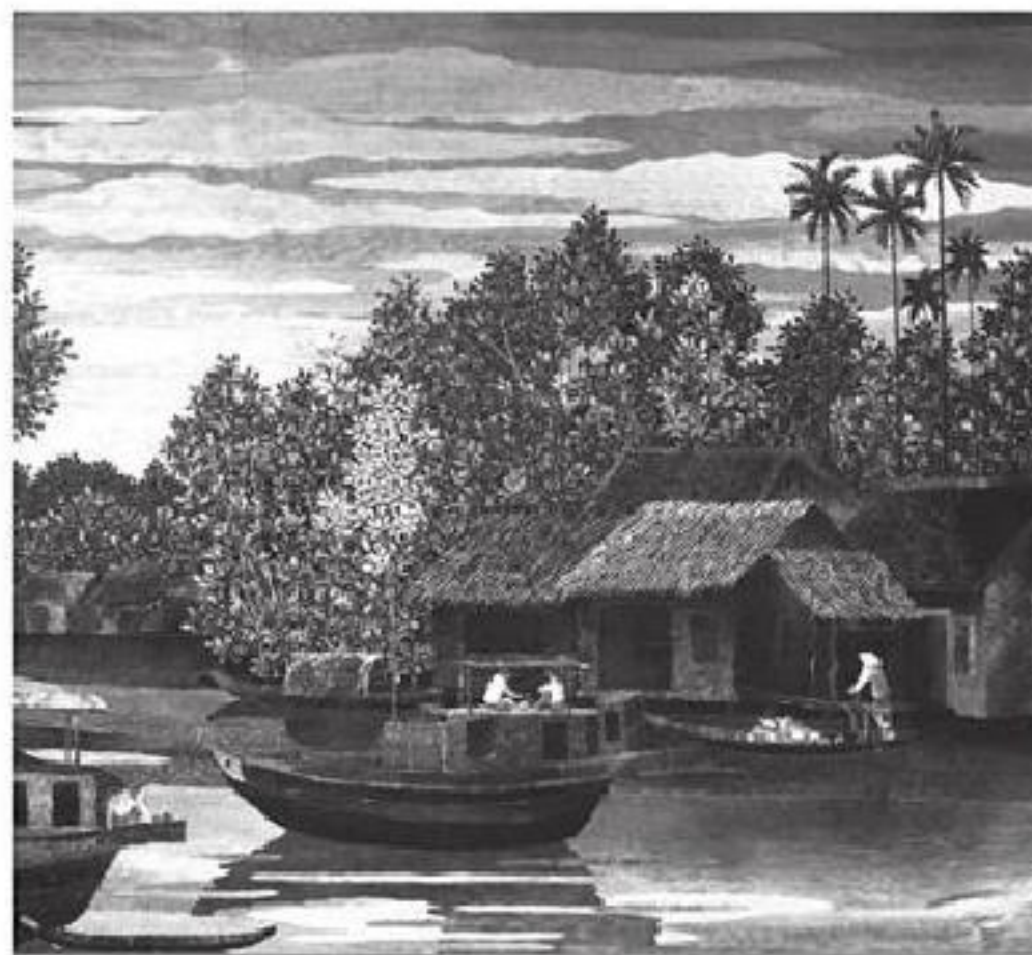
Mái nhà như một nơi chốn để trở về, và hơn thế nữa, như một chốn an thân và đoàn tụ mà con người dù cho đơn giản hay cực đoan đến mấy đi nữa, vẫn xem như một trong những mục đích chính yếu phải đạt được của đời mình. Mái nhà toát ra sự ấm áp và yên tĩnh như một đặc ân của cuộc đời ban cho con người để hân tìm lại được mình ngay giữa dòng lưu lạc. Đây kẻ lảng tử đêm khuya, trở về thềm nhìn thấy ánh đèn qua khung cửa, thềm trông thấy hình dáng người vợ đang đi đi lại lại, thềm nghe thấy những tiếng cười, tiếng khóc của bấy con. Hân hân hoan cũng có mà ăn năn cũng có, tự hân thưởng cho mình bằng một nụ cười hay tự thống trách mình bằng những cái chớp mắt, bước vào trong ngôi nhà thân yêu và lập tức trút bỏ hết mọi đa đoan phiền trước, và

cảm nhận ngay được cái nổi chắc chắn đầy bao dung của chính tổ ấm mà hân đã xây dựng lên và ngay lúc này nó đang xây dựng lại những sự sụp đổ rã rời nào đó mà hân đang mắc phải.

Ngôi nhà như một tàn tích của quá khứ âm đạm hay như một ngôi cổ mộ quạnh hiu, nơi kẻ trở về không hề gắn bó với nó bởi những tình thương yêu nồng ấm dịu ngọt, ngôi nhà như một chỗ trú thân tạm bợ nếu như kẻ cư ngụ sống đơn độc một mình và cuối chuyến trở về chỉ là để chuẩn bị ra đi với con tim lạnh lùng, ngôi nhà chỉ là ngôi nhà nếu như nó không được thổi bằng sinh khí vui tươi của gia đình, của vợ con, của bằng hữu.

Phá cái cũ, dựng cái mới, xây lại ngôi nhà cho khang trang, chắc chắn và đẹp đẽ hơn, con người làm việc ấy trước hết là cho bản thân và gia đình mình, và mỗi ngôi nhà được xây lên là thêm mỗi nét biến đổi cho bộ mặt xã hội ở đó, cho đến khi những xóm nhà lụp xụp đã trở thành những khu phố tân kỳ, thì kẻ xây nhà trước đây bỗng khám phá ra vai trò góp công tạo dựng cái quần thể nhà cửa tú mỹ của mình, và y tức thì thấy được sự liên quan, liên đới của cộng đồng nhân loại, không phải chỉ từ khuôn khổ của khu phố hay cả thành phố, mà ngay từ trong sự cấu kết phức tạp của những vật liệu xây nhà và những bàn tay lao động mà do đó ngôi nhà, khu phố và thành phố đã được thành hình.

Con người xây dựng tổ ấm cho gia đình, đồng thời cũng xây dựng phần của mình trong quần cư. ■





Vườn vơi xanh

Thiên nhiên xanh là một phần đời của con người. Người xưa đã tìm về thiên nhiên xanh với nhiều cách chọn lựa. Xa lánh chốn phồn hoa, tìm lại bản ngã, lui về ở ẩn, vui thú điền viên... Các vị quan xưa, kẻ thì cáo bệnh, người thì bất mãn vua chúa, đồng僚... Những ẩn sĩ đã gửi gắm tâm sự với cây cỏ, hoa trái, chia sẻ nỗi lòng với thiên nhiên xanh. Dưới thời vua Trần Minh Tông, vị quan thanh liêm Chu Văn An đã dâng "Thất trảm sớ" xin chém bảy tên nịnh thần, nhưng khi vua không nghe, ông liền từ quan. Man mác cảm hoài trước: "Khói lịm bếp trà, hương bách tắt/ Chim khe lên tiếng lúc xuân tàn", ông đã lui về ở ẩn dưới chân núi Phượng Hoàng (nay là huyện Chí Linh - Hải Dương), sống an nhàn, giữ nhân cách của một ẩn sĩ: "Thân như mây nổi vẫn quyến luyến với núi/ Lòng giống giếng xưa không gợn làn sóng". Người xưa đã tìm về với thiên nhiên xanh như vậy đó.

Thiên nhiên xanh ở quê tôi cách đây hơn nửa thế kỷ còn giữ lại nếp xưa. Dấu ấn thiên nhiên như còn đậm sâu trong ký ức tuổi thơ. Chỉ với con gà đất được nặn bằng đất sét, vừa để chơi, vừa thổi thành tiếng ở

chợ Tết Gia Lạc, là đã tràn ngập âm thanh và sắc màu. Chợ chỉ họp vào ba ngày đầu tháng Giêng xanh. Có thể đây là chợ xưa lâu đời nhất gần giống với một "hội chợ" khu vực ngày nay. Chợ Gia Lạc do Định Viễn công Nguyễn Phúc Bình, hoàng tử thứ tư của vua Gia Long, lập ra bên bờ sông Hương nước xanh trong, nằm gần thôn Vỹ Dạ xanh xanh những bờ trúc, những tàng lá "hàng cau nắng mới lên". Đến ngày họp phiên chợ, người ra, kẻ vào thật đông vui. Thuyền, ghe của giới thương hồ từ vùng đất Quảng, từ các làng biển phá Tam Giang, phá Cầu Hai... đổ về. Chợ có bày hàng bán thức ăn, sản vật các làng quê quanh vùng và các làng xa. Chợ còn tổ chức các trò chơi như đánh bài vù, nhất lục, đánh bài Thai và có những gian hàng bán đồ chơi cho trẻ em làm bằng đất sét, bằng bột, bằng giấy, những chiếc lùg tung đủ màu sắc, những con gà đất "biết" gáy vang chợ, những chùm hoa giấy Thanh Tiên khoe sắc màu rất được bọn trẻ em ưa chuộng... Giống như một "hội chợ" thu nhỏ ngày nay. Dấu ấn đó còn lại trong câu đồng dao "Thuyền giơng đến bến xưa Gia Lạc" giữa một vùng quê thiên nhiên xanh. Con gà đất Gia Lạc vẫn còn lưu lại trong ký ức



TRẦN HỮU LUC

nhiều thế hệ. Mỗi khi nhớ quê, nhiều người xa xứ vẫn còn nghe vọng lại từ sâu thẳm tiếng con gà đất “gáy”. Với người xa quê thì tiếng gà đất còn là một niềm hạnh phúc nhớ - về da diết: “Giá như có con gà đất/ Thối hơi dài đỡ nhớ quê” (*Tình quê*).

Thiên nhiên xanh vẫn hằng tĩnh tại dù cuộc sống đã đổi khác, đất nước đã phồn vinh, tiến bộ. Nhưng nhiều làng mạc, đồng lúa, nương dâu, vườn hoa, thác nước, rừng cây... đã đổi dạng, thay hình, với bớt màu xanh. Những vùng đồi, cánh rừng đang kêu cứu, những đồng lúa, những thôn ấp bỗng nhiên biến mất! Mảnh thiên nhiên xanh gắn gũi với con người ngày càng bị thu hẹp lại. Ngày lại ngày, người dân sống chen chúc trong nhiều đô thị chợt nhận ra họ đang mất dần thiên nhiên xanh, niềm hạnh phúc tuổi thơ của mình. Họ lại vội vã, có khi trở nên hốt hoảng, đi tìm thiên nhiên tự tạo để có đủ đầy hoa trái và màu xanh quanh mình. Tái hiện một chút thiên nhiên xanh ở một góc vườn nhỏ, trên một sân thượng lồng gió hay dọc theo hai bên đường dành cho người đi bộ hoặc trong các công viên... Biết đâu một hòn non bộ giả núi, một vùng cây xanh giả rừng... cũng có thể

làm vơi đi nỗi nhớ đau đáu về thiên nhiên? Và ngay giữa lòng thành phố bị bao vây với những dãy nhà cao tầng chót vót có thể mọc lên một vùng quê xưa còn nguyên dáng vẻ thiên nhiên. Một dòng sông xanh nho nhỏ nhân tạo chảy giữa phố đông người và một bến sông quê hiền hòa dưới bóng tre xanh. Một vài chiếc thuyền ba lá nằm đợi khách qua sông và một đàn vịt tung tăng trên dòng nước trong xanh... Làng quê nhân tạo này hội tụ rất nhiều các loài cây xanh và nhiều loài kỳ hoa dị thảo. Và xa xa y như thật, một chiếc xe đạp nước cổ như đã có rất lâu đời ở quê xưa... Chỉ có khác và mới lạ hơn xưa là để khách vãng lai tham quan và chụp ảnh cảnh quê xưa, bến nước, sông nhà, vườn cũ, hoa trái thu nhỏ... cho đỡ “nhớ quê xưa”. Có ai đã đến thăm làng quê giữa phố thị mà không khỏi chạnh lòng hoài hương? Và dù có nỗ lực tìm về với thiên nhiên xanh cũng không thể như thiên nhiên vốn tĩnh tại. Chính hình ảnh thiên nhiên xanh vốn có giữa núi sông, đất nước, trong tâm hồn của mỗi người mới thực sự là “bất sinh bất diệt”. Thiên nhiên xanh sẽ mãi là nỗi ám ảnh thân thiết, vơi vơi trong mỗi đời người. ■



có thầy giáo làng

HUỲNH KIM BŨU

Ở các làng quê xưa, nhiều làng có ông giáo dạy chữ. Hồi còn Nho học thì đó là ông thầy đồ dạy chữ Hán; thời kế tiếp là ông thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ, ông này thường được gọi là ông giáo làng. Ông thầy đồ hay ông giáo làng là hạng người được mọi người trong làng, trong xã trọng vọng.

Có câu “tiến vi quan, thoái vi sư”, ai thi đỗ cử nhân, tiến sĩ thì được bổ làm quan, những người chỉ đỗ tú tài thì không được bổ đi làm quan mà phải quay về làng mở trường dạy học. Cũng có không ít ông quan vì chán cảnh quan trường thối nát mà sớm từ quan về

địa phương mở trường dạy chữ thánh hiền, ông cho như thế là có ích cho đời hơn. Thầy đồ thường là người ở trong làng, nhưng cũng có thầy đồ là người ở địa phương khác đến. Thầy giáo Hiến từ quê xa đến làng An Thái, phủ An Nhơn (Bình Định) mở trường “ngồi” dạy học. Trong số các người thợ giáo với thầy, có ba anh em nhà Tây Sơn, một cuộc hội ngộ có quan hệ đến vận mệnh của lịch sử dân tộc. Học trò của thầy đồ là đôi khi có cả lũ con của thầy do bà đồ đẻ ra và lũ trẻ nhỏ trong làng cùng các làng khác. Ông thầy đồ có danh tiếng thì có đông học trò ở các nơi kéo đến học. Thầy đồ làng An Định là thầy Tú Lãng, người ở trong làng. Hằng ngày,

học trò đến nhà thầy đồ nghe thầy giảng sách. Học trò học ở thầy Tú Lãng cả kiến thức lẫn cách thầy tiếp nhân xử vật, lấy thầy làm khuôn mẫu để mà bắt chước. Hầu hết các thầy đồ đều gặp phải gia cảnh nghèo nàn. Thầy đồ Cao Bá Quát đã cực tả cảnh nghèo của mình: *"Lều cỏ ba gian, một thầy một cô một chó cái / Học trò dăm đứa, nửa người nửa ngợm nửa đười ươi"* (Câu đối).

Ông thầy đồ dẫu nghèo đến đâu cũng không nhận học phí của học trò mà sống bằng sự tấn tảo của bà đồ và niềm kỳ vọng vào sự thành đạt của học trò. Bởi vậy mà người học trò nào cũng thấy có bốn phận biết ơn thầy bằng việc "nấu sủ sôi kinh" để chờ ngày đi thi đồ đạt, cho *"đanh tôi đặng rạng, tiếng thầy đồn xa"* (Truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu). Phụ huynh học sinh cũng biết ơn thầy, bởi vì *"muốn con hay chữ phải yêu kính thầy"*, bởi cái đạo "Quân – Sư – Phụ" đã ăn sâu trong người ta từ bao đời rồi. Học trò "đi Tết" thầy (*Mồng một tết cha, mồng hai tết mẹ, mồng ba tết thầy*), "bịt khăn" để tang thầy khi thầy mất, ấy cũng là cách biết ơn thầy. Xã hội càng kính trọng thầy, thầy càng lo tròn bốn phận dạy học trò. Thầy Tú Lãng vẫn giảng cho học trò nghe câu trong sách xưa: *"Dưỡng tử bất giáo phụ chi quá, huấn đạo bất nghiêm sư chi đọa; phụ giáo, sư nghiêm lưỡng vô ngại, học vấn vô thành, tử chi tội"* (Có nghĩa là: Cha nuôi con mà không có dạy là cha có lỗi, thầy dạy bảo mà không có nghiêm cho học trò theo thì thầy trể nãi; nếu mà cha dạy, thầy nghiêm mà con trể học không nên thì con trể mắc tội).

Ông giáo làng học chữ Quốc ngữ ở trường tổng, trường huyện, đậu lấy bằng Primaire (Tiểu học) mà không có điều kiện đi học tiếp trường tỉnh thì xin bổ làm thầy giáo "hương trường", tức trường làng. Đây là ông giáo trường công, có ăn lương do Nhà nước trả. Trường làng dạy các lớp năm, tư, ba của những năm đầu bậc tiểu học, để lên trường tổng, trường huyện học tiếp 3 năm nữa thì lấy bằng Primaire. Cũng như thầy đồ, thầy giáo trường làng mặc áo the, đi guốc mộc, sống đời thanh đạm, lấy nghề "gỗ đầu trẻ" làm nghề cao quý. Tại sao có chuyện "gỗ đầu trẻ" ở đây? Vì hồi xưa, xã hội cho phép thầy giáo *"lần lưng chẳng khỏi vết dăm ba"* đối với những học trò lêu lổng (Rắn đầu biếng học – Lê Quý Đôn). Học trò trường làng là những trẻ nhỏ trong làng, tuổi lên bảy lên mười. Ngày đầu mẹ dẫn đi học, lòng cậu bé nào mà chẳng "hoang mang": *"Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học"* (Thanh Tịnh). Tới tuổi cấp sách đến trường, cũng như bao đứa trẻ khác trong làng, tôi được mẹ dẫn đi học trường làng Háo Trung. Tôi cũng lòng hoang mang, e lệ, rụt rè như lũ thằng Ngà, thằng Ngọc đang đứng bên tôi. Trường Háo Trung ở một góc sân

đình An Định, một dãy nhà tường xây gạch, mái lợp ngói chia làm ba phòng học. Sân trường có cây bàng cổ thụ che bóng mát cho lũ học trò chúng tôi ra chơi. Thầy Huệ, thầy Bình, thầy Phương dạy tôi 3 năm học. Thầy Huệ là người trong làng. Các thầy đã vắng bóng trên cõi đời này từ lâu lắm, còn lũ chúng tôi theo học các thầy từ thuở tóc xanh mà nay ai cũng phơ phơ đầu bạc. Vậy mà mỗi lần gặp lại nhau, chúng tôi vẫn thi nhau nhắc lại trường xưa, thầy cũ. Tai tôi và bạn bè đang nghe vang vang tiếng thầy Phương, cũng là thầy Đốc trường, trong giờ thầy dạy lịch sử: *"Một buổi sáng vùng hồng le lối chiếu / Trên non sông, làng mạc, ruộng đồng quê / Chúng tôi ngồi yên lặng lắng tai nghe / Tiếng thầy giảng suốt trong giờ Quốc sử..."*. Trước mắt tôi và bạn bè đang hiện hiện hình bóng thầy Huệ cúi xuống cầm tay cho thằng Tý, thằng Tỳ và bao đứa khác trong giờ Tập viết, thầy Bình giảng xong bài "Thương yêu kẻ tôi tớ" (*Quốc văn giáo khoa thư*, lớp Đồng ấu) thầy khóc hu, hu... khiến lũ học trò chúng tôi khóc theo. Trong lớp ba của tôi, có 30 trò, toàn là trò nam, không có ai nữ. Những học trò giỏi được thầy Đốc trường thương lắm; những trò học yếu kém được thầy Đốc trường gần gũi, chăm sóc hơn.

Thầy Tú Lãng là thầy đồ cuối cùng của làng An Định, ngày tôi lớn khôn một chút thì thầy đã là lớp người xưa nay hiếm. Nhà thầy Tú Lãng vẫn tiếp những người đến thưa thầy "xin chữ", xin câu đối dán mấy ngày Tết, mời thầy xướng họa thơ phú... Và thầy Tú thì luôn có tấm lòng hoan hỷ với mọi người. Sau này, quý thầy giáo khác cũng vậy. Thầy Huệ về hưu rồi vẫn ngồi nhà tiếp người này người nọ, trong đó có nhiều học trò cũ, đến thăm và muốn nghe thầy giảng giải cho mấy câu ca dao tục ngữ, vài chuyện trong lịch sử mà họ muốn tìm hiểu. Nhà trọ thầy Bình vẫn có khách là mấy người đi làm phu đồn điền cà phê, đồn điền cao su đến nhờ thầy dạy cho đôi câu tiếng Pháp để làm hành trang của người ra đi "tha phương cầu thực", mấy anh thanh niên yêu nhạc đến xin học ngón đàn mandoline réo rắt của thầy. Nhiều thầy giáo làng là người tiếp thu sớm nhất những tư tưởng mới lạ, tiến bộ, mà các thầy đọc được ở trong sách, rồi thầy tuyên truyền, thức tỉnh cho những người cùng tâm chí (Thầy giáo Thứ, nhân vật của Nam Cao). Người cao niên, người trung niên, người trẻ trong làng An Định, ai cũng gọi kính trọng gọi thầy Tú Lãng là nho sĩ, thầy Huệ, thầy Bình, thầy Phương là những nhà "mô phạm".

Ai biết nhớ tới trường làng, tôi thấy giáo cũ là có thêm một niềm hạnh phúc, vì được gặp lại kỷ niệm êm đềm xưa, hình bóng dễ thương của mình thời thơ ấu: *"Những năm tôi học ở trường quê / Tôi thấy lòng tôi cảm nặng nề / Những buổi thu sương buồn ảm đạm / Trống trường vang dội phía sau đê / Phía ấy thấy tôi thường hỏi hướng / Tôi vòng tay đáp: Dạ phương Đông"* (Sách Quốc văn cũ). ■

**Chính quyền thành phố
Cần Thơ khẳng định sẽ tạo
thuận lợi cho Hội thảo Ban
Hướng dẫn Phật tử miền
Đông và miền Tây Nam Bộ.**

Ngày 21-6-2010, trong buổi họp chuẩn bị cho cuộc Hội thảo của Ban Hướng dẫn Phật tử miền Đông và miền Tây Nam Bộ sẽ diễn ra tại Hội trường Thành ủy thành phố Cần Thơ từ ngày 15 đến ngày 17-7-2010, lãnh đạo TP. Cần Thơ đã khẳng định sẽ quan tâm và tạo mọi thuận lợi để cuộc hội thảo thành công tốt đẹp. Cuộc hội thảo có chủ đề “Phật tử thời kỳ hội nhập và phát triển”, sẽ quy tụ khoảng 500 đại biểu chính thức của các Ban Hướng dẫn Phật tử, Ban Hoằng pháp và Ban Từ thiện xã hội thuộc Trung



ương GHPGVN, cùng đại biểu 19 tỉnh thành ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Hội thảo sẽ chú trọng đến các vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa, định hướng sinh hoạt và tu học cho đồng bào dân tộc Khmer và các dân tộc khác, phổ biến kinh nghiệm tổ chức các khóa tu, kinh nghiệm tổ chức các sinh hoạt thanh thiếu niên, kinh nghiệm thu hút giới trẻ đến với đạo Phật... Bên cạnh cuộc hội thảo, sẽ có một cuộc trại họp bạn Gia đình Phật tử trong khu vực được tổ chức tại chùa Long Quang, thành phố Cần Thơ. (PV tổng hợp)

**Bế giảng lớp Cử nhân Phật học
khóa V ở Học viện Phật giáo Việt
Nam tại Hà Nội.**



Ngày 17-6-2010, tại Hội trường Cung Văn hóa Hữu nghị Việt-Xô, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội đã tổ chức trọng thể buổi lễ bế giảng khóa V lớp Cử nhân Phật học. HVPGVN tại Hà Nội là cơ sở đào tạo Phật học cao nhất của ngành giáo dục Tăng Ni Trung ương GHPGVN nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp Tăng Ni có thực học

để đảm trách công tác Phật sự tại địa phương. Ban đầu, Học viện được đặt tại chùa Quán Sứ. Từ năm 2008 tới nay, Học viện đã chuyển đến cơ sở hoạt động mới có diện tích trên 10ha tại Sóc Sơn, Hà Nội, đủ điều kiện phục vụ việc học tập và nghiên cứu của Tăng Ni sinh tu học theo quy chế nội trú. Lớp Cử nhân Phật học khóa V được khai giảng từ năm 2006, có 262 Tăng Ni sinh theo học suốt 4 năm. Ngoài ra, lớp Cao đẳng Phật học khóa I với 47 Tăng Ni sinh tham dự một chương trình học tập 3 năm cũng được bế giảng cùng lúc. Học viện đã công nhận 100% Tăng Ni sinh đủ điều kiện được cấp văn bằng tốt nghiệp. Trong cùng ngày, Học viện cũng đã khai giảng lớp Cử nhân Phật học khóa VI và lớp Cao đẳng Phật học khóa II. (PV)

**Tổng thống Nga phát biểu về
vai trò của Phật giáo trong việc
duy trì hoà bình, hòa hợp dân
sự ở Nga.**



Ngày 21-6-2010, Tổng thống Nga Dmitry Medvedev đã gửi điện chúc mừng ngài Damba Ayusheyev, Thượng thủ Tăng già Phật giáo Truyền thống Nga, nhân kỷ niệm 15 năm ngài được tấn phong lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Nga. Điện văn ca ngợi ngài Ayusheyev đã không ngừng thuyết giảng về những giá trị vĩnh cửu của đạo Phật, nhờ vậy đã giúp thành tựu sứ mạng lớn lao của dân tộc Nga; đã và đang củng cố các ý niệm đạo đức và tâm linh của những con

người đã quy y Phật giáo; đã cố gắng phục hồi các trung tâm giáo dục và tâm linh Nga. Ông cho rằng Tăng già Phật giáo Truyền thống Nga vẫn tiếp tục hành động tích cực trong việc phát triển các cuộc đối thoại liên tôn và đa dạng văn hóa để duy trì hòa bình và hòa hợp dân sự cho nước Nga. Trong một hành động tương tự, Đại sứ lưu động Konstantin Shuvalov thuộc Bộ Ngoại giao Nga cũng khẳng định một số ưu tiên trong chính sách ngoại giao Nga hướng về khối Hồi giáo; cho rằng các cuộc đối thoại liên tôn, đặc biệt là những đối thoại giữa Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, có thể đóng một vai trò hữu ích trong việc tạo nên một không khí tin cậy, hình thành những giới hạn đạo đức, và gạt bỏ các thiên kiến; tuyên bố nền ngoại giao Nga hoan nghênh các cơ chế đối thoại tôn giáo như Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới các Lãnh tụ Tôn giáo, nhóm Tư vấn các Lãnh tụ Tôn giáo tại Cơ quan Kinh tế Văn hóa Xã hội Liên Hiệp Quốc. (PV tổng hợp)

Trong nỗi nhớ đi tìm

HẠNH NGÔ

Đất trời đã vào Thu
Gió chuyển mùa chớm lạnh
Bên hiên chiều nhạt nắng
Quặn nhớ mảnh vườn xưa
Thoang thoang mùi trầm hương
Tiếng kinh chiều ba mạ
Cành ổi già nghiêng ngả
Giếng lẻ bóng hình soi
Gốc vả nào đơm sai
Cành đào nào trĩu quả
Hương xoan vờn trong gió
Bến cũ ngắt đường hoa
Tháng bảy em về qua
Ngập ngừng ngang chốn cũ
Chơi với bao nỗi nhớ
Nặng trĩu bước chân quen.



Dịu dàng heo may

PHAN THÀNH MINH

Gội tóc bằng hương suor
Hoa bìm bìm không hương
Cái chữ đưa em qua buổi xuân thì

Tháng mười một vàng ươm Dã cúc
Hái tặng em "Ngày cô giáo"
Tâm tình mẹ núi

Nhọc nhần nồn thơm hạt ngô
Khoai sắn thương em
Sao em chưa thành người của bản

Rót tình yêu về cánh đồng xa thăm
Xe nước gánh gồng âu lo
Núi bên nhau sao vẫn phải đợi chờ

Phía trước vắng trăng khuyết
Tiếng hát theo em mở đường
Đắp ngấm cho anh qua suor

Phía sau vắng trăng khuyết
Lời yêu anh gửi trong lá
Em một đời lắng nghe.

Xanh

VĨNH HIỀN

xanh lối cỏ về chiều rợp hương
tóc xanh ngắt sợi chải sau vườn
vàng trắng vừa mọc xanh màu nhớ
ký ức lửa về xanh mất thương.



Vô diệu

sẩy tay tôi rớt một phen
giọng cười tiếng khóc lẫn chen hỏi chào
ngu ngơ trận gió ra vào
nỗi buồn khung cửa chảy màu sắc không.

Người bán dưa gang

TRÀ KIM LONG

Người đàn ông rao bán dưa gang
Bước chân buồn đi trong thành phố
Một đời người, một đời cơ khổ
Bán cả dưa, bán cả nắng vàng.

Đôi chân trần đạp bước gian nan
Con mắt đỏ hoe màu nắng xối
Cơm áo chen giữa đời chật chội
Muôn ngã đường phố mở thênh thang.

Những trái dưa da xám da vàng
Rút từ đất vị bùi vị ngọt.
Chiếc xe đẩy đi về phía trước.
Rớt mồ hôi nhỏ giọt sau lưng.

Thời gian rơi xuống mặt không ngừng
Khách chẳng thấy có người hỏi tới
Người đàn ông đã quen chờ đợi.
Nhấn nải như những trái dưa gang.



Tạ ơn

NGUYỄN TẤN ON

Xin
Tạ ơn Mẹ
Tạ ơn Cha
Và,
Tạ ơn bà Mụ vườn
Cất rốn hôm tôi chào đời
Giữa hai bờ lúa muôn
Bằng cật tre bó rạ ngoài đồng
Tạ ơn con đò, dòng sông
Quê hương, lời ru thành máu thịt
Nỗi vui, chuyện buồn
Hàng xóm đến chung chia

Xin
Tạ ơn đời
Đã cho mẹ chén cơm
Có sữa nuôi tôi
Tháng, năm nợ nần chồng chất
Sợ đứt quai nôi, chẻ tre thành lạt
Cha buộc chặt lòng bó rạ gánh về
Tranh nắng, giành mưa
Chuốt cho tôi thanh kiếm
Tôi cỡi trần bày trận cùng bạn chẵn trâu
Nắng miền Trung
Bóng cha lộn giữa trời đứng bóng
Tôi thả cánh diều
Cha nhìn nón lật, ước mơ bay.

xao xác qua kên

TRẦN THỊ LINH CHI

Khoảng một cây số về phía Tây đàn Nam Giao của tỉnh Thừa Thiên-Huế, thuộc xã Dương Xuân Thượng, cách lộ chính chừng ba chục mét, có một ngôi nhà được xây cách đây năm năm nhưng lại mang dáng dấp cổ xưa. Nhà được xây trên nền đất cũ, với một ít cột kèo, đá gạch còn dùng lại được của một ngôi từ đường nghe đâu đã được thiết lập từ hơn một trăm năm trước. Chủ nhân ngôi nhà là một ông lão tuổi đã chín mươi, sống cùng gia đình đứa cháu ngoại.

Tuổi đời đã quá cao, ông lão yếu lắm rồi, sức lực cứ ngày theo năm tháng từ già cơ thể ông mà đi, kết quả của hơn nửa thế kỷ chuyên nghề xây dựng; đặc biệt là tô đắp, đẽo đục, khắc, trang trí cho các nhà cổ, các từ đường, lăng mộ. Dòng họ Đặng của ông cứ mai một dần, số trai tráng đã hiếm lại phân tán đi nhiều nơi, số thì mất mạng trong cuộc mưu sinh ở các vùng cao, vùng sâu hẻo lánh; số thì hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Bà con thân thuộc cứ xa dần rồi mất hết liên lạc. Ông chỉ có người con gái đã chết ở tuổi năm mươi, để lại một đứa con trai nay đã có vợ với hai con nhỏ và đang sống chung cùng ông tại ngôi từ đường này. Đây là nơi ông sinh ra và sống suốt chín mươi năm qua. Ngôi từ đường đã tàn tạ dần như cơ thể của ông, hiu hắt, thê lương như tình cảnh dòng họ Đặng.

Sau bao năm cố công dò tìm bà con thân thích, bỗng ông được tin người con trai út của người anh họ ông đang sống ở Mỹ, đã có gia đình và làm ăn khá phát đạt. Ông mừng quá. Trời thương, còn giữ lại dòng họ Đặng và ông không phải là người cuối cùng của cái dòng họ mà ông nghĩ đã từng có chức phận, hiển danh với đời. Ông nghĩ thế nào cháu ông cũng về thăm, và biết đâu cả gia đình cháu ông sẽ trở về sinh sống hẳn tại quê nhà, ngôi từ đường sẽ hết phần hiu hắt. Thế nhưng liên tiếp nhiều bức thư gửi thăm người cháu, ông vẫn không nhận được hồi âm. "Cháu



nó bận bịu công việc quá chăng? Địa chỉ chưa được chính xác chăng? Sẽ có cách liên lạc khác chắc chắn hơn chăng?”. Ông nghĩ thế và vẫn trông chờ, hy vọng.

Trong niềm tin tưởng lạc quan, ông dốc hết số tiền dành dụm trong suốt nhiều chục năm qua để xây lại từ đường.

Gần sáu năm chờ đợi tin người cháu, ông vẫn không được hồi âm. Đã hai năm nay, sức khỏe của ông xuống hẳn. Ông chỉ còn đủ sức để lẩn mò đi lại trong nhà và ra đến hàng hiên, ngồi tựa cửa nhìn ra đường trong những ngày nắng ấm. Đạo này ông hay nghĩ về quãng đời cũ, lúc tỉnh, lúc mơ, mồn một, thân thương, ngậm ngùi. Nhiều khi ông thấy như trước mắt hình ảnh của vị tăng tổ của ông với chiếc áo triều màu xanh có thêu hình chim phụng mà nghe đâu đã từng giữ chức Phó Đô Ngự sử. Rõ ràng trên chiếc kệ đầu giường của ông còn gác đôi giày hạ của cụ thân sinh ông vốn có thời giữ chức đội trưởng thị vệ trong cung vua. Rõ ràng con đường đất đỏ trước nhà với hai hàng thông cao vút, cành lá xum xuê, cắt ngang xã An Cựu rồi nối đàn Nam Giao với lăng Tự Đức, trên đó chiều chiều từng đàn trâu bò thông thả trở về, đàn voi năm bảy con của Hoàng gia chậm rãi cất bước rồi rẽ xuống khe suối bên kia đường trước nhà ông để tắm và uống nước. Con đường đất đỏ này đã ghi dấu bao kỷ niệm. Nơi đây, chiều chiều ông cùng người nhà đi cào lá thông khô để dùng thay củi; nơi đây, vang tiếng kêu xao xác của lũ quạ gồm hàng mấy trăm con đổ về trên các cành thông; nơi đây, ông đã gặp và quen biết một thôn nữ và sau đó không lâu trở thành vợ ông. Chỉ vài ba lần chào hỏi, trò chuyện, ông đã bộc bạch tâm tình, “Tui tuy không được học hành nhiều nhưng cũng là con nhà tử tế. Nếu o không chê, tui sẽ xin thầy mụ tui mang trâu cau đến dạm hỏi...”. Thế rồi họ nên vợ, nên chồng; vợ ông mất ở tuổi bốn mươi, để lại cho ông một đứa con gái...

Đàn quạ xao xác trên những cành thông khi trời vừa tắt nắng, hình ảnh gắn bó với ông gần chín mươi năm trời mỗi lúc một sống động, thân thương. Ông nhớ như in mấy con quạ đen đậu trên thành cửa sổ, kêu ‘roạc, roạc’ gần giường nằm của những người đang hấp hối qua nhiều năm tháng khác nhau; cụ ông, cụ bà thân sinh, vợ ông, con gái ông và người anh họ bị mảnh đạn đại bác, từ đồn Tây bắn tới, xé rách màng bụng. Ông nghĩ đàn quạ chia sẻ nỗi đau buồn cùng ông. Trong thời chiến tranh, tản cư và hồi cư, hai hàng thông dọc theo con đường đất đỏ trước nhà ông bị đốn trụi, đàn quạ tứ tán, một hai chục con còn rải rác trở về các cây trong vườn nhà ông và các



nhà lân cận rồi sau đó không lâu, vắng hẳn... Con đường đất đỏ được tráng nhựa, được khơi rộng thêm đôi chút, nhưng hai hàng thông thì mất hẳn; nắng, gió, sương, mưa tuôn đổ trên mặt đường trơn trượt.

Hơn năm mươi năm hành nghề liên hệ đến việc xây dựng, trang trí nơi an nghỉ cho các vong linh, ông vẫn mơ có ngày tự tay tái tạo, tu sửa từ đường của dòng họ mình, tự tay kẻ lại bức hoành

‘Đặng Thị Từ Đường’ và đục đeo thêm phần hoa văn cho bức ‘Tổ Đức Lưu Phương’. Thế mà khi xây dựng lại ngôi nhà thiêng này, ông đã quá yếu sức, chỉ còn trông cậy vào đám thợ tay ngang. Thôi thì lạy trời, lạy ông bà tổ tiên chứng giám, ông cũng đã hết sức chỉ bảo cho đám thợ thực hiện công trình theo ý mình.

Và giờ đây, ông lão ngồi tựa trên chiếc ghế mây đặt ở hàng hiên, ngược mắt nhìn ra phía trước. Nắng chiều vàng ệch trên mấy cây tràm thưa thớt ở phía bên kia đường nhựa. Đã mấy hôm nay, cơn tức ngực, khó thở vẫn hành hạ ông và hầu như ông chẳng ăn được chút cơm cháo nào. Hơi thở ông ngắn lại và ông cảm thấy nhức đầu. Một cơn gió nhẹ thổi về, ông nghe có tiếng xào xác như tiếng gió lùa qua đám lá. Hai hàng thông trước nhà, con đường đất đỏ, lũ quạ đen xao xác hiện ra trước mắt ông... Đàng kia, vợ ông đang độ xuân thì vẫy gọi ông. Ông mở to mắt, cảm thấy ghen thờ nhưng vẫn nghĩ rằng mình đang tỉnh táo, ngồi ở hàng hiên. Ông nhớ đến nội tổ, hai cụ thân sinh, vợ ông, con gái ông và người anh họ. Ông nghĩ đến người cháu và gia đình sinh sống tận nước Mỹ xa xôi. Ông mong mỗi có ngày cháu ông về, hay ít ra, đám chắt ở lại quê hương, khơi rộng từ đường, hương khói tổ tiên.

Ông lão gục xuống trên ghế. Ông cảm nghe có tiếng gọi và sức lay gọi của người cháu dâu, ông biết ông đang được khiêng vào giường. Ông phân biệt được tiếng gọi, “Ông ngoại!... ông ngoại!...” của đứa cháu; và chen vào đó, tiếng lao xao của hai hàng thông, tiếng xao xác của lũ quạ. Hình như có tiếng khóc, có tiếng nói đứt quãng của người cháu dâu “Ông ngoại đã ngưng thở...”. Rồi có tiếng ‘roạc, roạc’ ở thành cửa sổ; ông không mở mắt được nhưng rõ ràng mấy con quạ đen đang ở đó, nhìn ông, những cặp mắt thao láo...■

Những cánh bướm

ROSER DEAN KISER

Trong đời tôi, đã có một thời cái đẹp đối với tôi có một ý nghĩa đặc biệt. Tôi đoán chừng điều đó xảy ra lúc tôi mới sáu bảy tuổi, ngay lúc được vài tuần hoặc một tháng gì đó trước khi viện mồ côi biến tôi thành một đứa trẻ già trước tuổi.

Tôi vẫn thường thức dậy sớm mỗi buổi sáng, tự dọn dẹp giường chiếu giống hệt một chú lính tập; kể đó, tôi lại đứng xếp vào một trong hai hàng thẳng tắp để hành quân tới bữa điểm tâm cùng với khoảng hai ba chục chú bé cùng sống với tôi trong phòng ngủ tập thể.

Sau bữa điểm tâm của một ngày thứ Bảy, trở về phòng ngủ, tôi thấy ngài quản đốc đang sẵn bắt những con bướm vua xinh đẹp vẫn sống thành từng bầy hàng trăm con trong các bụi đỗ quyên rồi bay lượn chập chờn quanh viện.

Tôi thận trọng quan sát ngài quản đốc trong lúc ngài bắt những sinh vật rực rỡ kia từng con một, kể đó đặt chúng vào lưới rồi dùng kim găm đâm thẳng vào đầu và cánh của chúng, ghim chặt chúng vào một tấm bìa dày.

Giết hại những sinh vật xinh đẹp như thế thật là tàn bạo. Tôi đã từng một mình đi dạo không biết bao nhiêu lần vào các bụi đỗ quyên, chỉ để cho đàn bướm kia có thể đậu lên đầu lên mặt lên tay tôi giúp tôi được ngắm chúng ở gần hơn.

Bỗng chuông điện thoại reo. Ngài quản đốc vội bỏ tấm bìa gán những cánh bướm xuống bậc thềm xi măng phía sau để lên nhà trên trả lời điện thoại. Tôi bước tới gần tấm bìa, quan sát một con bướm vừa mới bị ghim chặt vào đó. Thấy con bướm còn cử động,

tôi tiến đến gần hơn, lấy tay chạm vào một bên cánh của nó khiến một chiếc đinh ghim tuột ra. Nó bắt đầu bay lên vòng vòng và cố tìm cách bay thoát nhưng cánh bên kia vẫn còn bị ghim chặt vào tấm bìa. Cuối cùng chiếc cánh bị ghim chặt đứt lìa khỏi thân và con bướm tội nghiệp rơi xuống đất, giãy giụa.

Tôi nhặt cánh bướm gãy và con bướm lên, cố gán cánh bướm gãy vào lại thân bướm để nó có thể bay thoát trước khi ngài quản đốc trở lại. Nhưng cánh bướm gãy không thể được gán lại vào thân nó.

Ngài quản đốc đã trở lại bằng cửa sau gian nhà kho chứa đồ phế thải và lập tức quát nạt. Tôi phản trần rằng tôi chưa làm gì cả nhưng ngài không tin. Ngài cầm lấy tấm bìa đập thẳng vào đầu tôi. Những con bướm đã được ghim chặt trên tấm bìa rớt xuống tôi tả. Ngài quản đốc ném tấm bìa xuống đất, ra lệnh cho tôi gom lại để mang bỏ ngoài thùng rác đặt ở cái phòng nhỏ sau phòng ngủ. Sau đó ngài bỏ đi.

Tôi ngồi xuống suốt cả buổi sáng hôm ấy bên cạnh gốc cây cổ thụ, loay hoay xếp đặt từng xác bướm một để tôi có thể chôn mỗi con bướm với một cái xác trợn vện, nhưng việc đó quá khó để hoàn tất. Thế là tôi cầu nguyện cho chúng và gom tất cả vào một chiếc giấy cũ đã mòn rồi mang chôn vào một cái hố gần bụi tre già bên cạnh những bụi mâm xôi.

Hàng năm, khi đàn bướm trở lại viện mồ côi và cố gắng định cư nơi bụi đỗ quyên, tôi lại xua chúng đi vì tôi hiểu chúng không biết rằng viện mồ côi này chẳng phải là nơi thích hợp cho cuộc sống cũng như cái chết của chúng.

Lương Danh Sơn dịch ■



Người Phật tử ấy...

LAM KHÊ

Đồ rác... quý cô ơi!
Khu nhà bếp vang lên giọng nói rõ to của chị Dung, người Phật tử có thâm niên đổ rác cho chùa. Nghe tiếng chị, hai cô trị nhứt đã kịp thời có mặt phụ đẩy hai thùng rác to tướng ra phía ngoài cổng.

Ba mươi năm. Là thời gian chị gắn bó với công việc đổ rác công quả cho chùa. Chị kể hồi mới quy y với thầy trụ trì chùa Phổ Quang, Phú Nhuận, mỗi lần đến chùa tụng kinh, chị chứng kiến cảnh người lấy rác phàn nàn vì rác nhà chùa quá nhiều, dù quý thầy thường cho họ thêm tiền cùng trái cây bánh kẹo. Không đành lòng, chị thưa với thầy trụ trì cho mình được lãnh phần đi đổ rác. Nhận biết thành ý của chị, thầy nhờ người mua chiếc xe ba gác để chị dùng làm phương tiện chuyên chở. Công việc có phần nặng nhọc với người con gái vừa bước qua tuổi đôi mươi, nhưng chị đã làm với tấm lòng và bầu nhiệt huyết của người Phật tử giàu niềm tin đạo pháp.

Thời gian sau... cùng với tâm nguyện muốn đại lao cho quý Sư cô chùa Kim Sơn, chị đến thưa với Sư bà cho mình nhận lấy phần đổ rác. Thế là mỗi buổi sáng, sau khi kéo xe rác từ chùa Phổ Quang ra tới điểm tập kết nằm trên đường Hồ Văn Huê, chị lại quay về chùa Kim Sơn tiếp tục chuyển thứ hai. Chị còn kêu gọi chị em Phật tử cùng mấy người em người cháu của mình phát tâm theo phụ trợ, để khi có ai bận việc hay đau ốm thì vẫn có người đến chùa lấy rác. Biết chị làm công quả cho chùa nên người của công ty rác không thu lệ phí mỗi chuyến xe chở đến mà... chỉ xin trái cây nhà chùa vào các ngày rằm ba mươi để bồi dưỡng cho anh em. Sau này, xe ba gác không được phép đi lại trên đường và chỗ tập trung rác cũng dời đi xa, mấy chú chạy xe rác của Công ty Môi trường Đô thị phát tâm chạy xe thẳng tới cổng chùa. Công việc của chị cũng nhẹ nhàng hơn.

Hình ảnh chị Dung ngồi đợi xe rác trước cổng chùa đã trở nên quen thuộc với bà con trong khu phố và



Ảnh: Trần Thanh Vỹ

những ai có dịp đi ngang chùa. Trong thời gian đợi xe đến... chị và cô em xỏ hết các bịch ni lông đựng rác và nhặt các loại thùng giấy chai hủ bỏ sang một bên. Số tiền bán đồ phế thải này chị dùng để mua cà phê thuốc lá bồi dưỡng mấy anh em chạy xe rác. Tình thoàng mấy cô trong chùa đem những gì có thể bán được ra cho chị. Đáp lại thanh tịnh đó, chị hay mua bánh trái vật dụng cúng dường quý cô...

Người Phật tử ấy năm nay đã ngoài năm mươi... vẫn vui cảnh độc thân với riêng một cõi đi về. Ngày ngày chị sống hồn nhiên tự tại trong nếp nhà thanh bần lạc đạo. Chị bảo... khi còn trẻ mình thuộc hạng người ngang tàng không biết đạo lý là gì. Một lần có người Phật tử không quen biết hỏi chị: "Cháu còn cha mẹ không?"

Chị trợn mắt trả lời cộc lốc: "Còn. Hỏi chị vậy?"

Người kia nhỏ nhẹ nói: "Để khi cha mẹ cháu trăm tuổi, bác sẽ mời cả nhóm Phật tử đến tụng kinh hộ niệm cho..."

Lời nói của người Phật tử không quen ấy làm chị suy nghĩ. Từ đó tính khí ngang tàng bớt dần, chị bắt đầu tìm hiểu rồi đi chùa quy y. Giờ chị đã trở thành một nữ Phật tử thuần thành, không chỉ đến chùa làm công quả tụng kinh mà chị còn đứng đầu cả nhóm Phật tử chuyên đi trợ niệm cho người quen lẫn không quen đang chấp chờn nơi cửa ải sanh tử. Có khi chị thay mặt gia quyến đến chùa thỉnh quý thầy quý cô đến nhà hộ tụng kinh cúng thất. Nhóm trợ niệm của chị tụng hòa theo quý Tăng Ni. Giọng tụng kinh khỏe khoắn của chị

làm không khí tang lễ bớt đi sự trầm lắng u hoài.

Ba mươi năm biết đi chùa... ba mẹ chị đã lần lượt qua đời. Chị nói nhờ mình biết Phật pháp nên lúc cha mẹ mất được quý thầy quý cô cùng ban hộ niệm đến trợ tiến giác linh và lo liệu mọi việc. Trước kia, chị mưu sinh bằng nghề mua bán ve chai và chỉ đi chùa vào buổi chiều. Có thời gian chị làm cả bánh ít, bánh da lợn rao bán khắp khu phố. Cha mẹ mất, chị cũng thôi việc buôn bán bươn chải. Biết chị là Phật tử nhiều năm đổ rác cho chùa, ban quản lý khu chung cư trên đường Phan Xích Long để dành số ve chai giấy vụn gom được trong các tầng nhà bán rẻ cho chị. Và thế là cứ mười ngày chị đến lấy hàng đem bán lại với tiền lời khoảng bốn trăm ngàn, đủ cho chị tiêu dùng sinh sống. Chị cười toe toét: "Mình ở hiền thì gặp lành. Gieo nhân tốt thì gặp quả tốt phải không cô. Nhưng cũng xài vừa chừng thôi. Còn phải dành tiền để vô hạ đi cúng dường cầu siêu báo hiếu cho cha mẹ ông bà quá vãng..."

Nghe chị nói, tôi chợt nhớ cứ vào mùa hạ lập hằng năm, nhóm Phật tử của chị Dung lại đến chùa cúng dường trai phạn cho quý cô. Bao giờ chị cũng lãnh phần đọc văn tác bạch cúng dường với lời lẽ hùng hồn cùng những câu thơ thấm đẫm tình cha nghĩa mẹ.

Trừ những ngày đám sấm, lễ lạt... rất hiếm khi chị ở lại dùng cơm chùa. Xong công việc, chị trở về nhà hay đến một nơi nào đó để tiếp tục làm công quả gieo duyên cầu phước. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

C hiều hôm ấy mọi người trong nhà tôi đi vắng cả, chỉ còn hai mẹ con tôi ở nhà. Khoảng gần 6 giờ, tôi bế cháu ra trước cửa ngồi đút cơm cho cháu ăn. Các nhà trong xóm đều đóng cửa vì đang giờ cơm chiều. Giữa những âm thanh hỗn độn của một con hẻm cắt gần mặt đường, bỗng nhiên tôi nghe những tiếng loẹt xoẹt nho nhỏ. Linh tính bảo tôi nhìn thẳng lên đầu cột điện trước ngõ, và mặc dù trời nóng, tôi chợt cảm thấy lạnh sống lưng khi nhìn những tia lửa điện văng tung tóe từ những sợi dây điện mắc lung tung trên đầu cột. Chỉ khoảnh khắc sau, tôi thấy một đóm lửa bùng lên. Lấy hết can đảm, tôi bế cháu bé chạy ra quán cà phê đầu ngõ báo cho những người đang ngồi uống cà phê biết. Bấy giờ họ mới nhìn lên và chứng kiến một lưỡi lửa nhỏ dài chừng một tấc đã liếm dọc đường dây điện dẫn vào xóm tôi. Nhiều người vội vàng lấy điện thoại di động ra, người gọi số 114, người gọi cho điện lực, có người cấp báo với công an phường. Bấy giờ đã có nhiều người bị đánh động, số người kéo nhau ra đầu ngõ mỗi lúc một đông. Tôi quay về nhà khóa cửa lại rồi bế con ra theo dõi tình hình. Thật là may, chỉ chưa tới năm phút, tôi đã thấy mấy chú dân phòng tập trung hướng dẫn xe cộ và dẹp trống lòng đường. Ngay sau đó, nhân viên điện lực cũng có mặt ngắt điện cả khu vực. Tiếp theo, một chiếc xe cứu hỏa loại nhỏ cũng kịp thời chạy tới, nhân viên cứu hỏa leo lên cột điện dùng bình xịt CO2 phun thẳng vào ngọn lửa làm ngọn lửa tắt ngấm. Chỉ trong vòng chưa tới hai mươi phút, mọi việc lại trở về trạng thái bình thường, và nhân viên điện lực bắt đầu tiến hành công tác sửa chữa. Tất nhiên cũng phải cả tiếng đồng hồ sau, nguồn điện sinh hoạt mới được tái lập. Tôi thấy các lực lượng phòng chống tai nạn tại khu vực tôi sinh sống hoạt động thật nhịp nhàng và hiệu quả, giúp người dân cũng được an tâm. Tôi thật sự biết ơn những người có tinh thần trách nhiệm như thế, và tôi ước mong sao cho các công bộc của dân đầu đầu cũng có tinh thần trách nhiệm như những người đáp ứng lời báo cháy ở chỗ tôi thì thật là hạnh phúc cho người dân.

Phạm Thị Thu Hiền, quận Bình Thạnh, TP.HCM

T rời Sài Gòn trưa tháng Sáu hừng hực nắng. Con đường Tân Hương ở quận Tân Phú đã vắng xe cộ qua lại. Sau khi ăn trưa xong, tôi chui vào một quán cà phê ở một khu có cả một dãy quán để trốn nắng trong khi chờ đến hai giờ chiều sẽ quay lại làm việc với một đối tác và dự định đến tối thì lại leo lên xe lửa về Nha Trang. Đang ngồi lơ mơ trước tách cà phê nghi ngút khói thì một chiếc xe chở đầy ngộp đá xây dựng chạy vụt qua thật nhanh. Vì gần đó, mặt đường có một lằn hừng xuống chạy dọc bề rộng con đường, chiếc xe nảy tung lên khiến đá trong thùng xe văng tung tóe trên mặt đường, những mảnh đá 1x2 sắc cạnh sẵn sàng chém bẻ bánh xe gắn máy. Bán quán cà phê là mấy người phụ nữ tuổi từ khoảng ngoài hai mươi trở lên. Họ kéo nhau ra nhìn theo chiếc xe thủ phạm cứ hừng hực lao đi. Có người bật lên mấy câu chửi vu vơ. Nhưng rồi, gần như tất cả mấy quán nước quanh đó đều có ít nhất một người cầm chổi ra quét gom những mảnh đá có thể gây tai nạn kia vào một chỗ. Sau khi hoàn tất công việc phụ trội bất ngờ ấy, có bán quán nói tôi đang ngồi quay vào mỉm cười nói với tôi, “Bác biết không, ở đây người ta đang mùa xây dựng. Gần như mỗi ngày tụi cháu đều phải gánh vác những chuyện không đâu như thế này. Đã có lần chúng cháu chưa kịp quét dọn, có người chạy xe

qua cán phải đá, mà là đá to, đá học cơ, đã bị ngã trầy xước hết cả người.

Thôi thì mình cứ làm phúc. Mà cái đám lái xe chở vật liệu xây dựng này đến kỳ. Họ cứ cố chờ cho

thật nhiều, cố chạy cho thật nhanh, không thêm biết đến hậu quả mà họ gây ra cho người khác”. Câu nói

của người phụ nữ trẻ bán quán thể hiện lòng nhân hậu của một người bình dân, thật khác hẳn với thái độ hừng hực lao vào kiếm tiền bất chấp hậu quả của nhiều người, đáng để suy ngẫm. Tôi muốn viết những dòng này để tỏ lòng kính trọng những con người như những người bán quán trên đường Tân Hương quận Tân Phú; và cũng để tự nhủ với mình rằng cuộc đời vẫn còn vô vàn con người có lòng nhân ái khiến cho cuộc sống vẫn cứ là đáng sống.

Quang Thế Hải, phường Vĩnh Thọ, TP.Nha Trang

Cháo khoai mài

Ảnh: Võ Lộc

Khoai mài còn gọi là củ mài hay hoài sơn, thường mọc hoang khắp những miền rừng núi - là một vị thuốc quý có tác dụng bổ tỳ rất tốt. Cháo khoai mài là món ăn rất ngon và bổ dưỡng, chữa bệnh chán ăn, rối loạn tiêu hóa...

Nguyên liệu:

Khoai mài: 300gr
Đậu hũ: 1 bìa
Nấm hương khô: 10 tai
Thân boa-rô: 1 khúc
Ngò: vài nhánh
Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

Khoai mài: gọt vỏ, rửa sạch đem xay hoặc mài nhuyễn.
Nấm hương khô: ngâm nước một lúc cho nở, rửa sạch, vắt ráo
Đậu hũ: chiên vàng, cắt lát

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Ướp nấm hương và đậu hũ với gia vị và boa-rô băm nhỏ.

Bắc nồi nóng, cho vào 1 muỗng dầu ăn. Bỏ nấm hương, đậu hũ vào xào thơm. Đổ nước đủ dùng vào nấu sôi. Dùng muỗng nhúng nước cho ướt mức từng muỗng khoai mài đã xay nhuyễn thả vào. Nấu lửa vừa, cho sôi vài lần đến khi khoai mài nổi lên và cháo trở nên sền sệt là được. Nêm nếm lại vừa ăn, múc ra chén rắc tiêu và ngò xắt rí lên mặt. Món cháo này dùng nóng.



MANI MEDIA®
Thế giới Phật giáo

Call: 39 97 97 88

www.manimedia.vn

Chuyên thực hiện :

- DVD, VCD các buổi thuyết giảng của chư tôn đức Giảng Sư tại các tự viện.
- DVD, VCD các sự kiện Phật giáo.
- DVD, VCD, CD ca nhạc Phật giáo.
- Karaoke Phật giáo.
- Phim truyện, phim hoạt hình Phật giáo.
- Chụp ảnh theo yêu cầu.
- Tổ chức sự kiện, chương trình văn nghệ Phật giáo.
- Thiết kế sân khấu và lễ đài.

Đặc biệt

VỚI HỆ THỐNG PHÒNG THU CHUYÊN NGHIỆP

VP: CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM
Email: manimedia38@gmail.com - manimedia38@yahoo.com
Mobile: 0949 800 179 - 0933 38 62 38

SIÊU THỊ

PHÁP HOA

www.sieuthiphatgiao.vn



Call: 3845 1828

Thực phẩm chay, hoa tươi trái cây, đồ thờ cúng, tranh tượng, pháp khí, pháp phục, tặng phẩm, nhu yếu phẩm, ấn phẩm Phật giáo, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt...

Nhận ký gửi các mặt hàng từ các tự viện trong nước

CHÙA PHỔ QUANG 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM

Shop HOA TƯ DÂM

Call: 399 77 200

Email: sieuthiphatgiao@yahoo.com

Dịch vụ cắm hoa và trang trí trái cây nghệ thuật.

Dịch vụ điện hoa toàn quốc



PHẬT NGỌC



PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

ĐỐI DIỆN

QUAN ÂM TU VIỆN

PHÚ NHUẬN

Phát hành sỉ và lẻ: Các loại văn hóa phẩm Phật giáo đặc biệt hàng Mật Tông (Kim Cang Thừa)

Hiện còn 2 tôn tượng Phật Ngọc cao 37 cm và 1 số mặt dây chuyền Phật Ngọc từ khối ngọc POLAR PRIDE



Tel: 3517 2828

40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
www.phatngoc.vn

CHI NHÁNH PHÁT HÀNH VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

ĐỐI DIỆN

VIỆT NAM QUỐC TỰ

711 LÊ HỒNG PHONG, Q.10, TP.HCM

Tel: 397 97 168 - 0933 388 668



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN-NÔM HUỆ QUANG

THÔNG BÁO

Trung tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang xin thông báo:
Niên học 2010-2011, Trung tâm sẽ mở thêm:
Một lớp thi tuyển vào năm thứ nhất hệ bốn năm.
Một lớp chữ Hán cho người mới học.

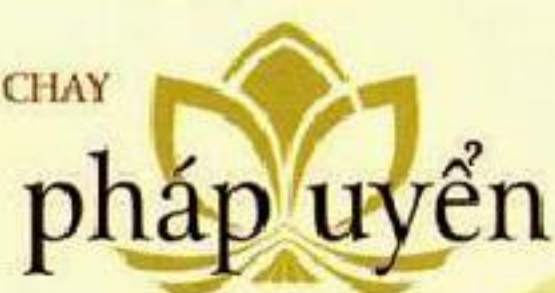
- Ngày thi tuyển: 29-8-2010 (tức ngày 20-7 Canh Dần)
 - Sáng: Một bài luận văn: 120 phút
 - Chiều: Một bài dịch Hán cổ 90 phút
- Ngày tổng khai giảng năm học 2010-2011:
23-9-2010 (tức 16-8 ÂL)
- Làm hồ sơ dự thi và ghi danh nhập học: bắt đầu từ ngày ra thông báo cho đến ngày 25-8-2010 (tức ngày 16-7 Canh Dần).
- Muốn biết thêm chi tiết, xin liên hệ với
Văn phòng Trung tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang,
số 116 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM.
Điện thoại: 08.22187736.



Giám đốc
HT.Thích Minh Cảnh

HT.Thích Minh Cảnh

QUÁN CHAY



ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579

viet-art

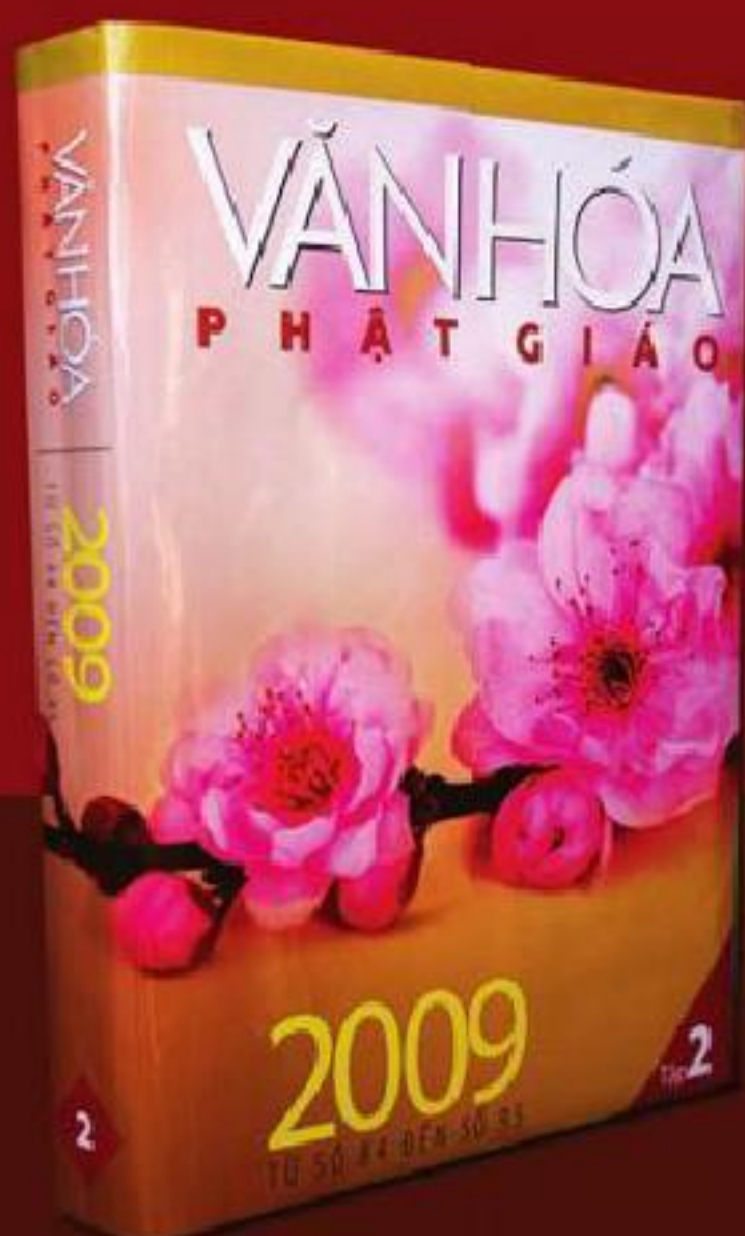
HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.BT, TP.HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-351 08212
Email: vietartsupply@gmail.com

- ☐ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO
- ☐ Xin vui lòng liên hệ: *Cô Sương* ☐ Mobile: 0918 032 040
- ☐ Email: vietartsupply@gmail.com

Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)



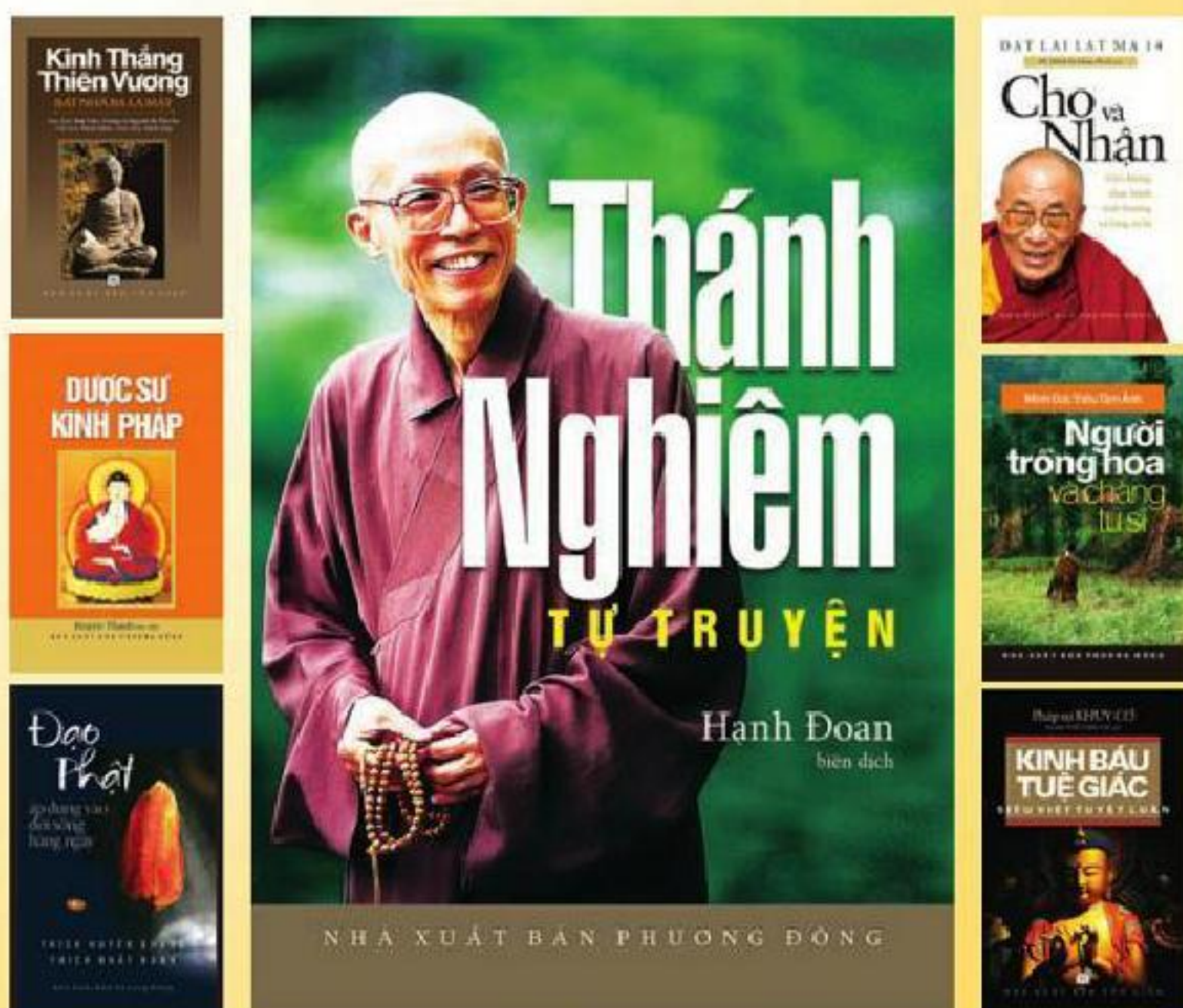
Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

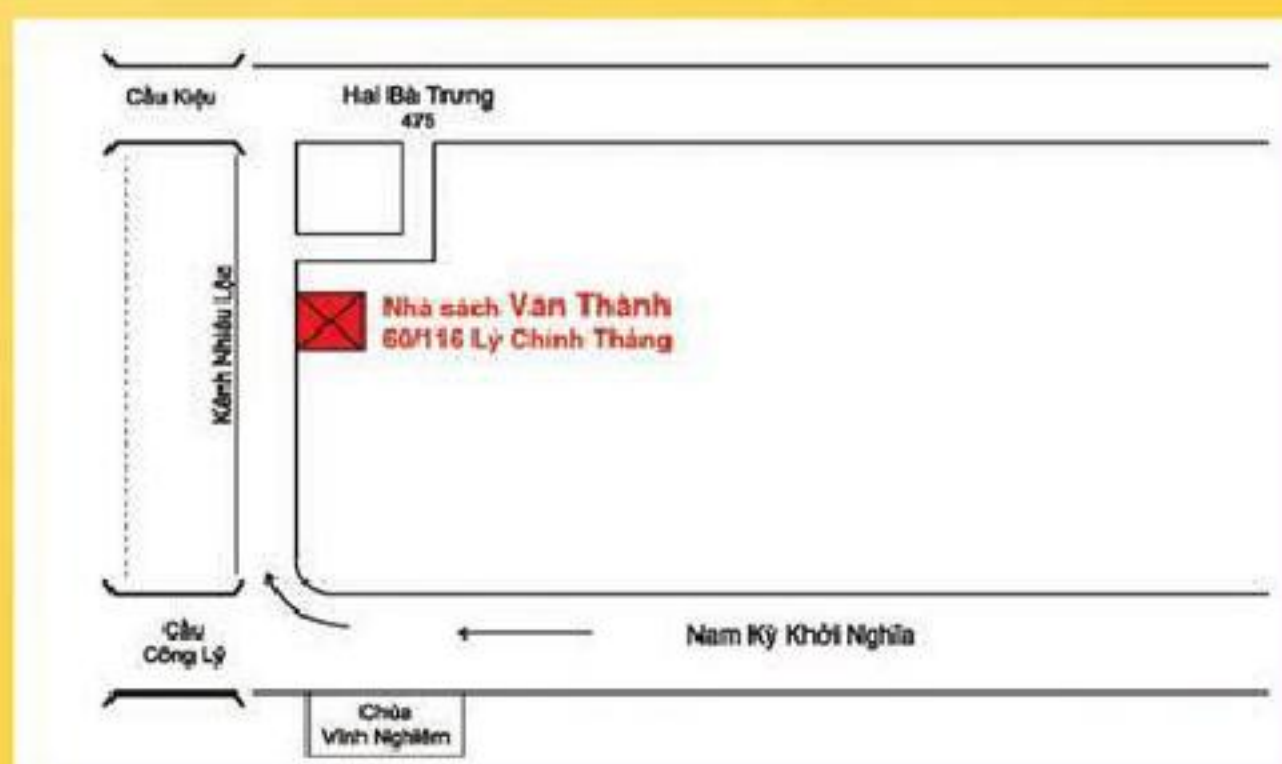
60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028



Nhân mùa Vu lan Báo hiếu, nhà sách chúng tôi sẽ giới thiệu những sách nói về ân đức thầy tổ và công ơn cha mẹ.

Thông báo

Cửa hàng chúng tôi xin thông báo đến quý khách hàng:
Kể từ ngày 01/4/2010 cửa hàng chúng tôi đã chuyển đến địa chỉ số 60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM (Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc).
Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 3728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA P HẬT GIÁO

Số 109

Phát hành ngày 15 - 7 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 Khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG